

Đất
Ký sự **lạ**

Nguyễn Tiến Toàn

Đất
Ký sự **lạ**

VHSC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Ký sự **Đất lạ**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN
310 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập và sửa bản in:

QUỐC TÙNG

Ảnh bìa:

NGUYỄN DUY

Trình bày bìa:

ĐẶNG VĂN THÀNH

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp
in FAHASA. Giấy phép xuất bản số: 38-
2005/CXB/69-10/VHSG cấp ngày 10/11/05. In
xong và nộp lưu chiểu quý 1/2006.

Lời ngỏ

Tây Phương và Đông Phương đều cho rằng đời người có ba điều để lại – Một đứa con dù trai hay gái/ Để đời sau nối tiếp sinh sôi/ Một quyển sách dù ít trang thôi... Tôi dù không phải là nhà văn cũng ráng cầm bút viết lại những gì tôi đã làm, những nơi tôi đã đi qua, những điều tôi đã nghĩ, những người tôi đã tiếp xúc... và cả cuộc sống, cuộc mưu sinh đầy khốc liệt này, bằng chữ, bằng hình để đời nay đời sau con cháu tôi biết những gì tôi đã sống... Một cuộc sống mà hầu hết mọi người đều nói nếu kiếp sau cho được làm người họ sẽ bắt đầu lại như họ đã bắt đầu. Còn riêng tôi “tôi xin được chết còn sướng hơn làm lại” vì cuộc đời tôi quá khổ ải mà bút mực này không thể nói hết, dù tôi đã nói một phần ở tác phẩm đầu tay Khát Vọng Tuổi Thơ. Với tác phẩm Đất Lạ này tôi xin ghi lại một phần khổ đau hạnh phúc mà tôi có.

Một nhà thơ nói tôi làm doanh nghiệp để “nuôi” một cái gì đó.

Cái gì đó là nuôi một đàn con bốn đứa, đứa nào cũng có kiến thức và bằng cấp trên Đại học. Có đứa thành Nhà Vật Lý Học của nhân loại, và nuôi một điều mà nhà thơ Thu Bồn khi thấy tôi đổ mồ hôi, sôi nước mắt, miệt mài với chiếc xe lăn để đến khi thành công anh viết:

*Chiếc xe lăn xinh xắn chào mời
Cuộc lăn bánh về một miền nhân ái
Tâm hồn ơi rồi Người sẽ tái sinh...*

Mùa Giáng sinh năm 2004
Nguyễn Tiến Toàn

HOA KỲ QUA MẮT TÔI

Marathon New York City 1999

Chuyến bay dài hơi hơn nửa quả địa cầu của Đoàn Thể Thao Người Khuyết tật Việt Nam dự giải Marathon New York 1999 do hội Achilles tổ chức tại thành phố Nữ Uớc – Hoa Kỳ. Đoàn chúng tôi gồm năm người, ba vận động viên, một huấn luyện viên và tôi – Trưởng đoàn.

Ba người Hà Nội bay ở Nội Bài, hai người TP.HCM bay ở Tân Sơn Nhất, gặp nhau tại HongKong để cùng bay chuyến CX 888 do hãng Cathay Pacific tài trợ. Mười bảy tiếng ngồi trên máy bay – 13g55 cất cánh vượt đại dương, trời hừng sáng máy bay bay lượn trên bầu trời Canada, nhìn xuống đất, đồi núi, sông suối như dát bạc. Biển cũng bạc, cây cối cũng bạc, trông như một con tàu to lớn đang rẽ sóng ra khơi. 45 phút ở phi trường Vancouver, lại đi tiếp đến đêm, hạ cánh tại phi trường John F. Kennedy. Hai anh Sơn và Huyền, cán bộ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc đón chúng tôi trong mùa thu, cái giá lạnh phương Tây đã bắt đầu. Hai tay run run. Cả đoàn bình yên, nhưng một kiện hàng quan trọng có chiếc xe lăn đua của vận động viên Nguyễn Xuân Tùng không đi cùng, đã lạc ở HongKong. Tối ngày 4/11 sáng ngày 5/11/1999 giờ Việt Nam chúng tôi về Hotel Carter do một người Việt Nam – ông Trường sang Mỹ từ năm 1975 – làm

chủ. Các hotel đặc cứng người của 115 quốc gia trên khắp hành tinh đổ về đây. Hai ngày cho thủ tục thi đấu và dự các cuộc triển lãm về Marathon. Đây là cuộc đua thứ sáu mà Việt Nam tham dự, nhưng Marathon lần thứ 30 do thành phố New York tổ chức vào mùa thu hàng năm từ năm 1970 đến nay.

Năm giờ sáng ngày 7/11 chúng tôi đến những điểm tập trung. Hàng ngàn chiếc xe bus đưa chúng tôi – hơn ba mươi ngàn người từ trẻ đến già nhất 92 tuổi, từ người bình thường đến hơn một trăm người khuyết tật – đến đảo Staten Island cách đích 42,155km ở trung tâm thành phố, chia làm hai cuộc xuất phát 8 giờ và 10 giờ 20. Tất cả vận động viên đăng ký có số đeo đều được phát một đồng hồ nhỏ gắn ở giày, khi nhảy bước xuất phát đầu tiên đồng hồ tự động tính giờ. Đoàn Việt Nam chia hai toán – hai vận động viên Hà Nội và huấn luyện viên đi trước, tôi và vận động viên Trần Văn Chính TP.HCM xuất phát sau.

Một biển người đủ màu da, đủ quốc tịch nằm ngồi, đi đứng trong giá rét, những chiếc bao nylon màu vàng được phát để che thân trong cái lạnh buổi sáng trên đảo. Tôi theo sát vận động viên Trần Văn Chính trên chiếc xe lăn Kiến Tường Việt Nam với tư cách người chăm sóc. Vượt điểm xuất phát đến chân cầu Verrazano-Narrows Bridge. Từng vận động viên gò lưng vượt cầu, những người chăm sóc chạy theo, khi xe lăn đổ dốc bỏ xa những người chạy bộ, những người không chuyên rớt lại sau, trong đó có tôi. Trời lạnh gió thổi ào ào nhưng chạy vẫn cứ phải chạy vì không còn con đường nào khác. Đường cấm tất cả các loại xe, hai bên đường là hàng rào cảnh sát, xe hụ còi inh ỏi. Có lúc chỉ còn lại một mình tôi. Phía trước có bóng của một chiếc xe lăn, tôi cố vượt lên. Một anh chàng cao to, hai chân khập khiễng, đường đang lên dốc. Anh không thể lên xe được mà phải tự đẩy xe. Đường vắng quá, chỉ có anh và tôi song hành làm quen nhau. Nghĩ đến cách chuyển quân của vua Quang Trung – tôi dự

anh: “Bây giờ anh ngồi lên xe tôi đẩy anh một đoạn rồi tôi ngồi anh đẩy, chịu không?”. Nói đùa với anh vậy thôi chứ anh một tạ hơn làm sao tôi đẩy nổi. Tôi cách điểm xuất phát 20km thì tụt sau đã đuổi kịp, một dòng người ào đến, ngoảnh lại ôi thôi đầu người nhấp nhô như sóng biển. Tôi chìm vào biển người và cứ thế mà trôi, nhưng vận động viên của tôi họ đã trôi như thế nào? Chân đã mỏi rã rời vọp bẻ rồi cứ thế mà lết, không còn cách nào khác, không thể tách ra dòng sông người này. Liệu mình có về đến đích không? Không xe cứu trợ, giá nào cũng phải về đến đích. Đây là cuộc đua tự thắng lấy chính mình, mấy giờ cũng được, đến đích là tự thắng – đó là những vận động viên đăng ký dự thi, còn tôi không dự trừ làm sao đây? Ba mươi ngàn người chạy rồi cũng phải có chỗ rẽ cho những người không chuẩn bị tinh thần như tôi? Tôi phải tấp về và tìm một lối rẽ cho bản thân đã rã rời. Tôi lạc vào một khu tòa villa – xe hơi trước cổng, không có taxi, lần quần mấy tiếng đồng hồ tôi mới tìm ra được một trạm xe bus. Đến đợi mãi không thấy xe, thoáng tôi thấy mảnh giấy dán ở trụ “*Hôm nay 7/11/1999 New York City Marathon xe bus không đậu đây*”. Lại chạy tiếp mấy cây số nữa mới lên được xe bus, rồi xe điện, rồi taxi.

Năm giờ chiều tôi về đến nơi thì các bạn trong đoàn cũng về đến đích. Có người 8-9 giờ đêm mới về đến đích vẫn có người đón tiếp. Tôi thấy thật lạ, những cuộc tổ chức như thế này có lẽ chỉ nước Mỹ mới làm nổi. Cuộc đua thật quy mô, họ không chọn lựa, không phân biệt giàu hay nghèo, khỏe mạnh hay đau yếu, tàn tật hay bại liệt, có đăng ký là cứ chạy, họ cứ lo ăn ở đầy tốn kém. Cả già trẻ, trai gái đứng sắp hàng dài vài cây số để lãnh số đeo. Đến điểm xuất phát ăn, ngủ, nằm, ngồi la liệt chờ chạy. Số người được giải thưởng không đáng kể, khoảng 10/30.000 người. Nhưng có một giải rất lớn cho người về đầu, được xem là người chạy nhanh nhất hành tinh với phần thưởng 50.000 USD

và một xe hơi trị giá 40.000 USD. Đoàn Việt Nam gồm có năm người. Huấn luyện viên Ngô Anh Tuấn và Trưởng đoàn Nguyễn Tiến Toàn đưa cả ba vận động viên – Trần Văn Chính, trên xe lăn hiệu Kiến Tường; Nguyễn Xuân Tùng, thương binh liệt hai chân và vận động viên Trần Văn Sơn, đã để lại một chân trên Trường Sơn năm 1974 – về đến đích. Đó là thành quả mong muốn. Chúng tôi không mong được đứng vào mười giải thưởng trên 29.995 người.

Quy mô giải Marathon New York 1999

- ❖ Tổng số người tham dự: 29.995 người
Người lớn tuổi nhất: – Đàn ông 92 tuổi
– Phụ nữ 77 tuổi
- ❖ Trình độ: Tốt nghiệp đại học chiếm cao nhất 42%
Nghề nghiệp: Cao nhất
– Nhân viên hành chánh/Quản lý/
– Giám Đốc: 1.542 người
– Luật sư: 1.382 người
– Kỹ sư: 1.116 người
- ❖ Gồm 115 nước ngoài tham dự, đông nhất là Pháp, Ý, Anh
- ❖ Vận động viên trên xe lăn: 109 người
– Trong đó Mỹ 49 người (43 nam + 6 nữ)
– Các nước 60 người (53 nam + 7 nữ)
- ❖ Giải năm nay là giải cuối cùng của thế kỷ và cũng là giải kỷ niệm lần thứ 30 tại New York, từ năm 1970. Năm 1970 có 127 người tham gia, có 55 người về đích.

Năm 1998 có 32.398 người tham gia, có 31.539 người về đích

- ❖ Đoạt giải năm trước 1998: (cự ly 42.155km)

Nam: 1. John Kagwe, 29 tuổi, người Kenya, với kỷ lục 2:08:45

2. Joseph Chebet, 28 tuổi, người Kenya, kỷ lục 2:08:48

Nữ: Fanca Fraccon, 33 tuổi, người Italy, kỷ lục 2:25:17

So sánh kỷ lục thế giới.

Nam: Ronaldo da Costa, người Brasil, kỷ lục

2:06:05 lập tại Berlin ngày 20/09/1998.

- ❖ Cơ cấu giải thưởng năm 1999 tại New York.

Giải 1: 50.000 USD

Giải 2: 25.000 USD

Giải 3: 12.500 USD

Giải 4: 7.500 USD

Giải 5: 5.000 USD

Giải 6: 2.000 USD

Nếu là công dân Mỹ được trong sáu thứ hạng đầu này sẽ có tiền thưởng gấp đôi. Do vậy một nhà vô địch Marathon New York 1999 quốc tịch Mỹ sẽ được 100.000 USD.

New York

Thành phố tôi đến đầu tiên trên đất Mỹ – Thành phố New York. Khách sạn Carter đường số 42, đối diện với tòa báo lớn nhất thế giới – The New York Times, tòa nhà yên lặng nhất thành phố New York, xe cộ ít vào ra, người làm ít đi lại mà tờ báo có số lượng cao nhất hoàn vũ. Trước đây báo được in tại đây, đầu năm nay mới chuyển xưởng in đi nơi khác.

Thành phố New York, 18 triệu con người trên đất Mỹ mà không phải người Mỹ. Mỗi dân tộc hùng cứ một phương, hai dân tộc Hoa và Việt liên kết trấn giữ vùng China Town chỉ cách bến tàu đi thăm Nữ thần Tự Do mười phút lái xe. Cả hai dân tộc Tàu chính cống, Tàu Chợ Lớn và người Việt khoảng trên 200.000 người sống lẫn lộn với nhau. Gặp một ông Tàu mình đang ngại ngại không biết nói với ông bằng tiếng gì, Tàu hay Tây, bất ngờ ông cho một câu khỏe re: “*Anh qua hồi nào*”? Hóa ra ông từ Chợ Lớn qua đây từ năm 77 – 78 gì đó. Người Hoa ở đây cha mẹ có thể nói tiếng Việt một cách sành sỏi nhưng con cái tuyệt nhiên một chữ không biết. Ông bạn tôi vào quán ăn nói chuyện một cách văn hoa bằng tiếng Việt với ông bà chủ quán nhưng với thằng con trai 25 tuổi khi muốn kêu thêm, cầm trái ớt trên tay rồi bảo cho thêm mấy con tôm, thằng con vẫn đem cho một đĩa ớt. Còn người Việt con cái ít nhiều gì cũng biết tiếng Việt.

Mahattan – khu tập chủng dài theo Đông bắc 56km. Tây nam 30km, nằm giữa hai con sông East River, nói rằng sông nhưng rộng như biển, những hàng không mẫu hạm, những tàu ngầm, những chiến hạm đậu lênh kênh trông phát khiếp. Mỗi hàng không mẫu hạm có hàng trăm chiếc máy bay xếp cánh nằm san sát như bãi xe trước siêu thị. Tôi cứ tưởng tượng nó đang ở Đệ thất hạm đội lao về phía trước vào đất liền rồi ùn ùn mấy phát mà run không dám nhìn, nhưng không nhìn không được vì nơi tôi đến làm việc - Hội Achilles - lại nằm kế bên song song với nó, gần đến độ nói theo bác Ba Phi thì chờ cho phi cơ sắp cất cánh phóng qua đu dưới cánh, khi nó thả bom, ôm trái bom lái bay ngược lại tàu cho nổ.

New York – người da trắng 4 triệu, người da đen cũng không ít, 2 triệu, da đỏ 12 ngàn người. Điều đáng tiếc là muốn tìm một cô da đỏ để bắt tay mà không gặp; 30 ngàn người Triều Tiên, 40 ngàn người Ấn Độ, người Ailen khá đông, người Hy



■ Một chút suy tư sau lưng tượng Nữ Thần Tự Do

Ảnh chụp 03-08-2004

Lạp, người Ý đông hơn ở Rome, người Do Thái là giàu có nhất, người Pháp, người Nga, người Ba Lan ôi thôi đủ cả. Đến nước nào cũng có thể phân biệt người ấy là người ngoại quốc riêng đến nước Mỹ là chào thua. Người ta nói anh đến nước Mỹ anh là người Mỹ, đừng bao giờ nói tôi người ngoại quốc nên không hiểu luật pháp nước Mỹ, cảnh sát Mỹ không chấp nhận đâu.

Thành phố là những cột bê-tông cao. Tòa nhà cao nhất hai tháp 110 tầng, ngày 11/9/2001 đã sụp đổ, mỗi tháp cao 411,48 mét chưa phải là tòa nhà cao nhất quả đất, tòa nhà đôi cao nhất thế giới là tháp Petronas ở thủ đô Kuala Lumpur – Malaysia 452 mét. Đường phố New York chia như bàn cờ đường ngang theo chiều Tây bắc – Đông nam mang số từ 1 đến 79, đường dọc theo chiều Đông bắc – Tây nam mang chữ nên cũng ít lạc đường. Dưới lòng đất cũng lắm đường dọc ngang đã làm từ hàng trăm năm trước. Tôi không biết 100 năm trước cơ giới kỹ thuật ở đâu mà họ có thể làm hàng ngàn km đường dưới lòng đất mà bây giờ họ xây dựng bao nhiêu tòa nhà hàng trăm tầng mà không sập. Nói theo nhà thơ Thu Bồn *“chỉ người hành tinh khác xuống xây dựng chứ con người sao làm được”*.

Ai đến New York cũng phải đi thăm tượng Nữ thần Tự Do, cách trung tâm thành phố 20 phút lái xe, rồi mua vé tàu đến đảo nhỏ. Tượng cao 46 mét, nặng 225 tấn, đặt trên bệ cao 71 mét. Bên trong có thể chứa được bốn mươi người. Tay phải tượng cầm bó đuốc không bao giờ tắt. Hơn 100 năm qua chỉ tắt một lần từ 1984 đến 4/7/1986 – ngày kỷ niệm 100 năm dựng tượng được thắp lại. Tay trái tượng cầm bảng với dòng chữ July IV MDCGLXXVI (tức 4/7/1776) – ngày độc lập của nước Mỹ. Và tượng là món quà của nhân dân Pháp tặng nước Mỹ để kỷ niệm ngày Độc lập của dân tộc Mỹ, sau khi thoát khỏi sự cai trị của Anh và Pháp.

Mọi người đều ao ước đến thăm tượng Nữ thần Tự Do một lần. Và đến đây rồi chỉ chăm chăm nhìn vào tượng, đi tàu 2 – 3 km từ đất liền ra rồi luồn xuống chân lên tới ngực, rồi luồn từ trong ra, sáng khoải, mặt mày hí hửng coi như ta được tự do nhìn từ trong nhìn ra. Hình, tượng của Nữ thần luôn được biến cải thiên hình vạn trạng ai cũng thích ngắm, thích nhìn.

Nhưng có một bức tượng khác ngay ở bến tàu. Bức tượng là một chiếc tàu bị đắm một nửa, trên boong tàu có ba người – một người nằm chồm xuống đưa tay cứu một người dưới nước đang với tay lên chỉ còn một phân nữa là nắm được tay người trên tàu, nét mặt đầy tuyệt vọng, một người khác để tay lên miệng làm loa, gọi người đến cứu, và một người đang quỳ cầu nguyện.

Người cứu người – Người gọi người cứu người – Người gọi Chúa cứu người.

Bức tượng không tên trên một bến tàu đi tìm tự do.

Đêm của thành phố Nữ Ước đầy tiếng động của máy móc xây dựng, tiếng của người chỉ huy công trình, tiếng la hú của người say rượu, tiếng còi hụ của xe cảnh sát. Ngày của thành phố thì đầy người, đầy xe. Thành phố không có một bóng cây chỉ thấy toàn nhà cao tầng. Nói đến Nữ Ước là nói đến những cột bê-tông thẳng đứng chọc trời xanh. Thành phố là ngôi chợ lớn nhất hành tinh, hoạt động suốt đêm ngày.

Khách sạn chúng tôi ở của một người Việt sang đây từ năm 1975. Ở đây tôi gặp một người đồng hương với vợ tôi, cùng làng Trường Bình - Cần Giuộc – Long An. Tha hương ngộ cố tri, anh qua đây mười năm chưa một lần về lại quê nhà. Anh làm việc lên ca vào lúc 2 giờ chiều, xuống ca lúc 12 giờ đêm. Xuống ca anh đánh thức tôi để cùng lang thang trên đường phố rồi mua cái gì đó về phòng anh để uống và nghe tôi nói về Việt Nam, về bảo lụt, về thời tiết, về những ngày ở quê mình. Anh hỏi tôi về nơi

Thánh Thất Trường Bình nơi ngày thơ ấu anh thường đến nô đùa cùng bè bạn, rồi xuýt xoa với món cá kèo kho vỏ quýt khô. Anh nói nước Mỹ này cái gì cũng có, mua thần, bán thánh cũng có, tiên nga mỹ nữ cũng có, mời chị Hằng xuống trần gian chơi, chị mà không đi thì họ cho phi thuyền lên gô cổ đem xuống. Nhưng có một cái không tìm ra – đó là mắm còng của quê mình, nghe mùi mắm có chút mùi cỏ, có chút mùi bùn là nhớ cả *huong quê* và *huong nhà*. Anh chưa có vợ nên chưa hình thành cái chữ *huong nhà*. *Huong nhà* có cả *huong quê*, rồi thêm vào đó mùi hương của người đàn bà mà nhà thơ Bùi Giáng đã viết.

*Mình ơi tôi gọi là nhà
Nhà ơi tôi gọi mình là nhà tôi.*

Thành la “Tuyệt, tuyệt. Tôi sẽ về Việt Nam lấy vợ, và tôi sẽ nói *huong nhà* thay cho *huong quê*.” Tôi đọc tặng Thành bài thơ “*Tìm nhau xứ người*” của Trần Sơn Nam viết tặng tôi những năm lưu lạc Kampuchia. Tôi nhìn vào mắt anh, những giọt nước mắt đang rướm chột trào ra. Tôi nâng ly, tiếng “dô” của tôi như bờ đê ngăn dòng lệ của anh. Lấy tay quệt mắt – “*Tôi phải về Việt Nam, dù chỉ một lần*”. Có nhiều người về Việt Nam thường xuyên, thương lắm nhớ lắm.

Mỗi năm Việt kiều tha về cho đất nước không dưới một tỷ đô-la. Không kể tốn kém, không sợ thời gian dài trên máy bay, họ cứ đi, cứ về. Có người thành đạt như chị Kim Dung, luật sư, có thu nhập trên 100.000 USD một năm, có hai căn nhà ở Mỹ, vài chiếc xe hơi nhưng chị vẫn về, có nhà ở Việt Nam. Tôi hỏi chị mai sau già về hưu chị ở đâu? “*Đi đi về về nhưng muốn chết ở Việt Nam*”.

Từ Washington đến Virginia

Ngày 9/11/1999 tôi lên Washington D.C. – Thủ đô của nước Mỹ. Việt kiều ở đây có nhiều hội đoàn và Hội Cựu học sinh Gia Long miền Đông Hoa Kỳ là mạnh nhất. Tin bão lụt của đất nước họ cập nhật từng ngày, họ theo dõi từng con nước lên xuống, họ xót xa với những người hoạn nạn, với bữa cháo bữa rau của người dân tai ương. Họ tổ chức văn nghệ để gửi tiền về quê nhà, những buổi văn nghệ có hàng ngàn người tham dự. Chị Kim Hà, trưởng ban ẩm thực của tổ chức từ thiện, nói trong nghẹn ngào: *Chúng ta phải tiết kiệm để gửi về quê nhà, được một đồng là mấy ký gạo cho miền Trung*.

Việt kiều ở Mỹ hình như chia làm hai phái, một phái nhớ nhà và một phái chống đối. Phái nhớ nhà thường đi về thăm nom và giúp đỡ bà con cô bác quê nhà, phái này càng già càng nhớ nhà. Họ cố gắng dạy con cái học nói từng tiếng mẹ đẻ nhưng vì điều kiện môi trường nên các cháu ở lứa tuổi 10-15 ít cháu nói sành tiếng Việt. Tôi nghe chị Khúc Minh Thơ chê một người quen – “*Mày nói yêu nước mà con mày không biết nói tiếng Việt*”. Có vài gia đình dạy con nói sành sỏi, họ dạy cho con từng câu ca dao, kể cho con từng chiếc cầu, từng dòng sông quê hương.

Cháu bé 10 tuổi con anh chị Trường Xuân – Kim Hà quê Sa Đéc đọc cho tôi nghe mà lòng tôi xao động khi tôi xa quê nhà chưa được mười ngày. Tôi thấy gia đình nào con cái nói tiếng Việt rành rẽ thường là gia đình trí thức làm ăn giàu có, con cái nên người. Theo số tổng kết của một cơ quan thuộc tiểu bang Virginia, mỗi gia đình người Việt ở đây đều có ít nhất một kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ. Những người bạn của vợ tôi, những cựu học sinh Gia Long hầu hết đều thành đạt.

Tôi có hỏi một vài người cảm tưởng khi về Việt Nam có gặp gì khó khăn thì đa phần đều nói bây giờ Công an cửa khẩu và

Hải quan không còn làm khó dễ nữa và có nhanh chóng, nhưng trình diện địa phương là một điều phiền toái nhất. Quốc gia nào cũng vậy, khi vào nước họ đã làm thủ tục nhập cảnh, đã được sự chấp nhận của hai quốc gia sao họ phải đi trình diện? Nếu có người vi phạm pháp luật thì quốc gia ấy trừng trị và nhiệm vụ theo dõi phát hiện sự sai trái là của công an, của cơ quan quyền lực. Có thể 1.000 người mới có một người làm sai mà bắt 999 người khác phải đến trình diện là vô lý. Thứ hai, các địa phương làm việc một cách khiếm nhã, thường bắt họ phải chờ đợi và mặt mày luôn hầm hầm, kém vui tươi. Một Việt kiều lớn tuổi nói – Tôi gặp anh *Công an khu vực Phường 11 – Quận BT tuổi đáng con tôi, tôi chào anh, anh “Ừ”*. Việc này có lý do, người dân sống ở nước Mỹ rất an lành và thân ái, gặp nhau dù lạ dù quen đều chào nhau một tiếng, vui vẻ nhưng rồi ai ở nhà nấy. Còn Việt Nam ta vẫn còn mặc cảm với người nước ngoài, sợ người cho là o bế Việt kiều. Một số Việt kiều tâm sự, họ muốn về nước lắm nhưng ngại tại sao lại phải đi trình diện, đi thưa đi báo khi tôi không làm gì sai. Tại sao chúng ta không quan niệm Việt kiều hay khách nước ngoài vào nước ta là ta đã bán cho họ những điều mà ta không mất là không khí, phong cảnh, tình cảm và họ là khách hàng sao ta không phục vụ tận nơi. Thay vì họ phải đi trình diện Công an Phường thì bây giờ Công an Phường đến tận nhà thăm, hỏi han sức khỏe một cách hòa nhã mà nhiều khi còn biết rõ họ hơn và cũng chỉ mong là họ về thật đông.

Tôi ở nhà chị Trần Thị Kim Dung, một luật sư có gần ba mươi năm làm việc với Liên Hiệp Quốc và người Mỹ. Đến nay chị không muốn làm nữa, mỗi năm chị về Việt Nam ba – bốn tháng để tìm lại không khí quê nhà ấm áp thân thương của thời thơ ấu, với những con đường hàng me rợp bóng, *con đường Duy Tân cây dài bóng mát*, con đường trường Luật và những người bạn Gia Long thuở nào. Nhà chị cách Thủ đô Washington 15 phút

chạy xe. Buổi sáng, chị thả tôi giữa thành phố, để tôi lang thang trong giá lạnh xứ người. Tôi đi qua những tòa nhà, những con đường mà súc vật, chim chóc như những bạn thân với người. Một chú sóc khi tôi đến Nhà Trắng chạy ra từ lùm cây vẫy đuôi chào, một đàn chim hải âu vỗ cánh đón tiếp tôi đến điện Capitol.

Thành phố phẳng lặng trong nắng sớm, khác hẳn với cái chợ hành tinh Nữ Ước, yên ắng, người nào cũng nhanh nhanh trong thâm lặng. Tòa Nhà Trắng không to lớn vĩ đại như ta tưởng. Một tòa nhà khiêm nhường, đương nhiên là màu trắng, nằm trong khuôn viên khoảng 20.000m². Rất tiếc tôi đến quá sớm cửa chưa mở cho đoàn người tham quan. Tôi thả bộ qua Thượng Viện Hoa Kỳ, nơi mà các vị Tổng thống Hoa Kỳ đắc cử phải đi từ Nhà Trắng đến để tuyên thệ nhậm chức. Hầu hết đều đi bằng xe, duy chỉ tổng thống Bill Clinton đi bộ 30 phút qua nhiều nhà bảo tàng liên bang.

Hơn một giờ sắp hàng rồng rắn để vào tham quan điện Capitol, lọt vào được đại sảnh, tránh được cái rét, đi qua những căn phòng họp của các ông nghị sĩ – có ông gật nhưng cũng có ông quyết đấu tranh cho tự do, cho con người, cho màu da của nước Mỹ và của hành tinh. Tại đây người tham quan khắp nơi kéo về, lặng lẽ không ồn ào náo nhiệt, chỉ có tiếng nói của người hướng dẫn du lịch và bước chân của khách. Các vị nghị sĩ Thượng Hạ viện không thấy làm việc ở đây, lâu lâu mới có một buổi họp, còn hầu hết họ làm việc ở hai dãy building hai bên tòa nhà. Mỗi vị có một văn phòng, có người giúp việc, văn phòng lớn hay nhỏ tùy khả năng và uy tín cũng như sự giàu nghèo của mỗi ông. Tượng của 42 vị tổng thống Hoa Kỳ và các danh nhân nước Mỹ đều có ở đây. Những phòng họp lớn nhỏ, kín hờ tùy theo từng cuộc họp. Tòa nhà cao rộng, sau bốn giờ đi bộ, bụng đói, tôi đã thấm mệt, mua vội một vài món đồ làm kỷ niệm.

Đi về phía sau khoảng 800 m là đến ga xe lửa Washington, cũng là một nơi để du khách tham quan. Chúng ta sẽ không thấy một toa xe lửa nào, cũng không nghe một tiếng còi xe lửa, tất cả nằm sâu trong lòng đất, khuất ở bên trong, khách ra bằng nhiều cổng, tiền sảnh là những tượng đài biểu trưng cho sự phát triển của nước Mỹ.

Cây Bút Chì – hầu như người Mỹ nào cũng biết, cao bằng một tòa nhà năm mươi tầng, và ở D.C. không có một công trình nào được xây dựng cao hơn. Nói đến cây bút chì là nói đến Đài tưởng niệm Washington, vị tổng thống đầu tiên của nước Mỹ, cũng là vị tổng thống đầu tiên của nhân loại – Đại tá Washington – người tranh đấu cho sự độc lập, người lính già dạn dày trận mạc dành lại độc lập cho nước Mỹ từ sự cai trị của người Anh, rồi từ chối danh vọng quyền lực để trở về ở ẩn trong một điền trang bên bờ sông Potomac, cho dù mọi người dân mọi người lính thỉnh cầu ông tiếp tục lãnh đạo đất nước vừa mới qua cơn binh lửa. Ông đưa ra yêu cầu, Tổng thống chỉ làm việc tối đa tám năm để ông được sớm về nghỉ ngơi. Đây chính là điều ngăn ngừa sự tham quyền cố vị của những người say mê quyền lực, và cũng để những người có tài năng, uy tín có điều kiện phát huy tài lãnh đạo đưa đất nước Hoa Kỳ đi lên giàu mạnh.

Nếu ta cứ tưởng nước Mỹ là một nước tự do là lắm, nước Mỹ điều tự do nhất là nói cái xấu của Tổng thống, bêu diễu Tổng thống. Cứ đem cái sai của Tổng thống Mỹ mà nói mà chửi thì bất cứ nơi nào, chốn nào và giờ nào cũng được và không sợ bất cứ sự ngăn cản nào. Nhưng mọi người dân Mỹ lo canh cánh bên lòng là vi phạm luật. Từ lái xe, hút thuốc, uống rượu đều phải đúng. Một cọng rác từ trên xe vứt xuống cũng bị phạt từ 500 USD đến 700 USD trong từng khu vực. Đậu xe tự động bỏ tiền vào trụ báo giờ bên đường cũng phải đúng. Luật pháp nghiêm minh, chặt chẽ, mọi người dân đều phải làm đúng vì họ nghĩ cái gì nhà

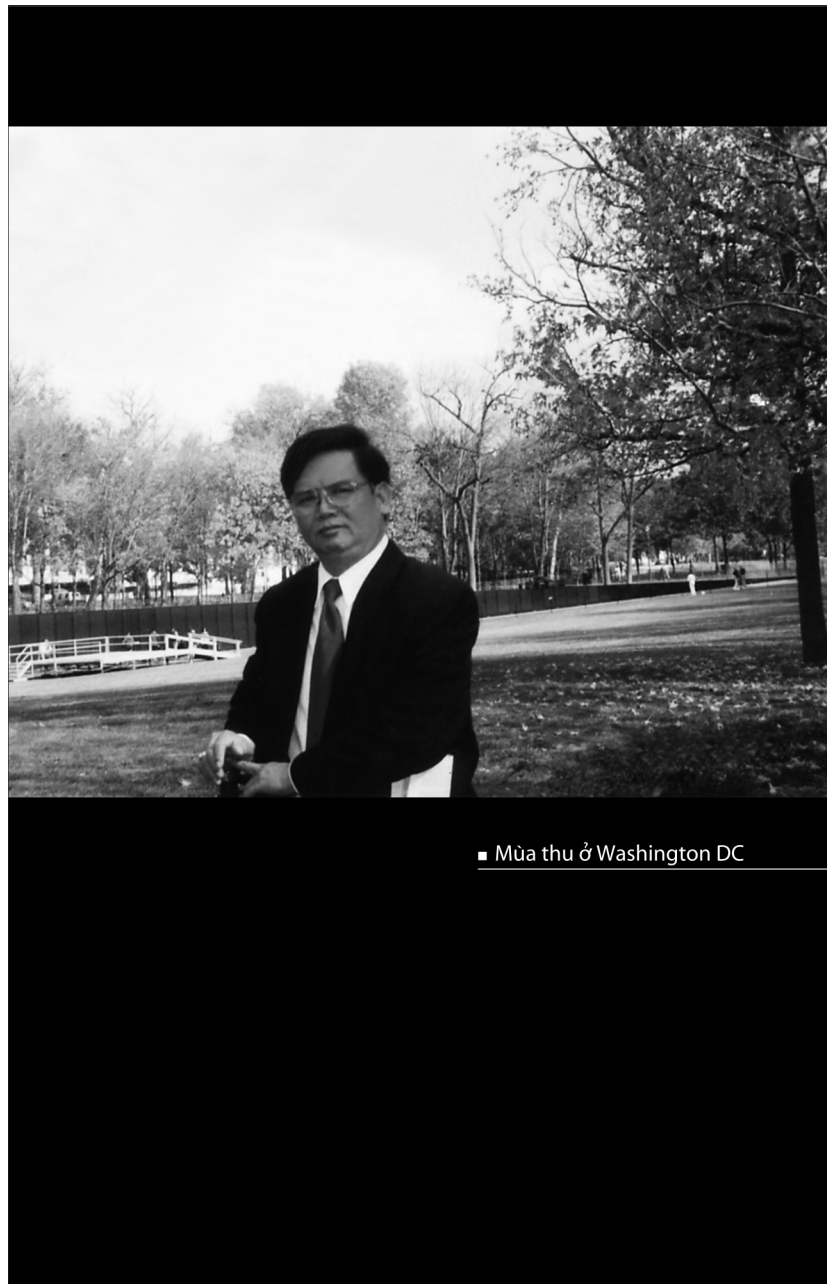
nước cũng biết. Công an chìm nằm, ngồi, đi, đứng đâu đó. Có thể một người ngồi lê ở sân ga sẽ bắt anh nếu anh không mua vé vào cổng hay một máy camera ở một xó xỉnh nào đó sẽ ghi hình ảnh anh đang đi đường!!! Cảnh sát Mỹ sẵn sàng giúp anh nhưng cũng sẵn sàng làm phiền anh không tiếc thời gian. Khi anh trình hộ chiếu nhập cảnh Mỹ ở cửa khẩu, anh đã được chấp nhận. Anh sẽ thoải mái đi khắp nơi chốn trên đất Mỹ rộng lớn không một ai nói tới, anh không phải trình khai dạ báo bất cứ một người nào. Tôi không thấy có các từ tổ dân phố, phường, xã nhưng nếu anh vi phạm thì anh bị bắt với cả một lý lịch chi tiết với những sai phạm nhỏ nhất như vượt đèn đỏ ngày giờ nào, xả rác, hút thuốc nơi cấm, bị phạt ngày nào.

Trước năm 2001, chỉ có nước Mỹ mới có chế độ phỏng vấn khi anh nhập cảnh Hoa Kỳ và câu hỏi mà tôi thường nghe: *Ông, Bà vào nước Mỹ rồi có ở lại không?* Và câu nói này chỉ hỏi dân các nước khác. Không có dân tộc nào hỏi người quốc tịch Mỹ câu đó. Có một vài người phản đối việc đóng tiền phỏng vấn và nhập cảnh Hoa Kỳ 110 USD là quá cao. Nhưng không phải, đó là luật quốc tế. Việt Nam thu của công dân Hoa Kỳ bao nhiêu thì họ thu lại của người Việt Nam bấy nhiêu.

Nước Mỹ cũng không ít người sống ngoài vòng pháp luật, ở Nữ Ước tôi thấy từng tốp người ngắt ngưỡng ngoài đường phố với chai rượu, chai bia bọc trong bao giấy vừa đi vừa uống. Giữa đêm khuya, trên đường phố có tiếng rú như tiếng chó tru của người say rượu. Tôi quen làm việc từ 4g30 sáng ở quê nhà nên ở nước Mỹ cũng giờ này tôi thức không làm gì thả bộ trên đường phố, cảnh người co ro nằm ngồi ở sân ga, hè phố không ít. Chỉ cách điện Capitol 500 m là khu người da đen, nhà cửa lụp xụp, đường phố dơ bẩn, ăn ở lộn xộn. Đường phố thủ đô D.C. đầy ổ gà, lở lói, làm nửa chừng bỏ dở mà cả nước Mỹ không nơi nào xấu hơn.

Thành phố Washington là những đài tưởng niệm và viện bảo tàng. Đài tưởng niệm những người lính tử trận trong chiến tranh Việt Nam được làm sâu trong đất. Tên của họ được khắc trên những tấm bia đá hoa cương màu đẹp, ráp lại thành hình cánh cung đi từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu trong một công viên mà từ đó ta có thể thấy tòa Nhà Trắng, tòa nhà Quốc Hội, Cây Bút Chì, Đài tưởng niệm Tổng thống Lincoln và nhiều đài tưởng niệm khác. Nhiều người đến đây dò tìm tên thân nhân mình rồi đặt một bó hoa dưới chân bia, ngậm ngùi tạm biệt những người thân, để nhớ lại một thời binh đao máu lửa, để suy ngẫm một thời đúng sai – sai đúng của dân tộc mình. Các thời Tổng thống Mỹ từ Tòa Bạch Ốc cũng nhìn thấy nơi này, các nghị sĩ Thượng Hạ viện lên lầu điện Capitol cũng nhìn thấy tên của sáu mươi ngàn chiến binh quân đội Hoa Kỳ nằm sâu dưới đất, càng xuống sâu tên người càng nhiều; danh dự, uy tín, thế lực của dân tộc American và của chính người lãnh đạo sẽ đi theo danh sách này. Tôi ngậm ngùi trước đài tưởng niệm máu xương đã đổ trên quê hương tôi mà tôi biết chắc là chính họ không muốn, ai làm nên nỗi này! Mà dân tộc tôi, người Việt Nam cũng không muốn.

Tiếp về những người đã khuất tôi đi đến nghĩa trang Arlington. Nghĩa trang quân đội Mỹ, nơi an nghỉ của những người chiến binh đã hy sinh cho đất nước Hoa Kỳ. Hàng vạn ngôi mộ nằm trên một ngọn đồi thoải thoải, âm thầm, lặng lẽ. Cái chung cư này đông đảo mà yên tĩnh quá – họ nằm san sát bên nhau mà không hề cãi cọ. Cả những người đến thăm cũng lặng lẽ bước, nhìn mà tìm nơi mình muốn đến. Tôi may mắn lắm vừa vào đến cổng thì tiểu đội phòng vệ danh dự cũng vừa đi đến, đồng phục đen, gươm giáo, súng đạn, cờ quạt – họ lặng lẽ đếm đều bước, tôi cùng họ chụp mấy tấm hình, họ tiếp tục đi vòng quanh nghĩa trang. Còn tôi hướng về ngọn đồi nơi có mộ của Tổng thống Kennedy. Với ngọn lửa bất diệt từ ngôi mộ ông,



■ Mùa thu ở Washington DC

ngôi mộ khiêm nhường – không nấm mồ, bia đá hoa cương màu đen không dựng cao mà nằm trên nền đá màu xám trắng sần sùi. Ông nằm giữa người vợ xinh đẹp và cô con gái của ông. Với vòng rào xích sắt khiêm nhường, dòng họ Kennedy một thời danh tiếng đã lần lượt ra đi như một nỗi oan khuất. Các em ông, rồi mới đây con trai duy nhất của ông, đã có lần sang Việt Nam với người yêu tắm biển Vũng Tàu cũng ra đi vì tai nạn máy bay mà không được chôn cùng ông nơi này.

Ngày 12/12/99 con gái tôi từ North Carolina cùng gia đình người chị vợ đón tôi đi về vùng cố đô nước Mỹ – Virginia, tiểu bang thuốc lá và người nô lệ da đen thời lập quốc, cách D.C. khoảng ba giờ lái xe (300km), nơi này có hãng đóng tàu Hàng Không mẫu hạm, có viện Hải quân, Không quân, có trường Lục quân, có sân bay quân sự – là nơi phòng thủ và sẵn sàng tiếp ứng cho thủ đô. Các nguyên thủ quốc gia khi thăm chính thức nước Mỹ đều đến đây, đến cố đô, ở một thời gian rồi mới đến Nhà Trắng hội kiến cùng Tổng thống Mỹ. Gia đình chị vợ tôi ở thị trấn Newport News, thị trấn yên ổn ít người Việt, có lẽ vùng này ít người Việt Nam nhất nước Mỹ. Gia đình anh Hồng – chị Thêu đã rời quê nhà 19 năm.

Mười chín năm về trước, năm 1980, với bốn đứa con trai cùng cha mẹ chồng trong đói khổ cơ cực ở Quận 5 – Sài Gòn. Anh chị, các con và cha già lặng lẽ ra đi để rồi người cha đã kiệt sức không đến được bến bờ mình mơ ước, ông đã bỏ xác trên đường đi trong một cánh rừng già ở Thái Lan. Anh chị và các con – đứa lớn mười tuổi, đứa nhỏ nhất ba tuổi đã trôi dạt về đây sống đời công nhân để nuôi đàn con khôn lớn. Cả bốn đứa giờ đã tốt nghiệp đại học và đi làm. Bây giờ chị Thêu mới nghĩ đến việc trở về quê nhà thăm lại cố hương, thăm lại cha mẹ già.

Đêm đất khách chỉ anh Hồng và tôi. Anh thêm gặp người tri kỷ, tôi thêm gặp bạn cố tri. Hai người đàn ông cách đây hai mươi năm làm rể của một gia đình công chức nghèo. Anh lấy cô chị, tôi lấy cô em, đứa nào tóc cũng còn xanh, bây giờ tóc đã hoa râm mới có thì giờ ngồi với nhau một đêm bên chai rượu nơi đất khách. Có lẽ chưa bao giờ tôi thấy câu *“Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu, thoai bất tâm đầu bán cú đa”* hợp lý đến như vậy.

Chúng tôi vừa phùng tri kỷ, vừa "đồng âm" bên mâm rượu anh đọc cho tôi nghe *“Tương Tiến Tửu”*:

*“Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy
Thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi”*

Tôi đọc cho anh nghe: *“Hoàng Hạc Lâu”* của Thôi Hiệu:

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.*

*(Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.)*

Tôi thương cho anh nửa đời không tìm được người tri kỷ, anh cứ xuýt xoa – hai mươi năm, hai mươi năm rồi tôi mới gặp một người, tôi mới gặp Toàn. Những tác phẩm Một thời để yêu – một thời để chết, Doctor Zhivago, Anh em nhà Karamazov anh đọc từ nguyên tác, thơ Đường, thi phú của người xưa anh chất chứa trong lòng chưa một lần nói với ai. Tất bật với cuộc sống, anh người trí thức với kiến thức, sở học của mình bây giờ ngày nay đem ra nói chuyện với chiếc máy tiện, với đồng sắt vô tri để kiếm tiền nuôi con.

Cuộc gặp gỡ của hai người đàn ông trên đất khách, con gái tôi và vợ anh làm nhân chứng. Đêm đã khuya, chị Thêu cũng không rời bàn nhậu, mắt chị đầy ưu tư. Chị đang nhớ về một vùng đất bên kia bờ đại dương mà ngày thơ ấu chị và các em vui

cười rộn rã bên bờ đê. Ngày hè về quê nội, bà nội còng lưng như gié lúa, mỗi lần đi chợ về gánh cả cái máy hát lên dây thiêu một đầu gánh, còn một đầu gánh xôi, gánh quà chia cho cháu. Nhà bà nội giữa cánh đồng lúa xanh biêng biếc. Rồi chị trở thành thiếu nữ, rồi vào đại học, rồi làm cô giáo với bao ước mơ của thời con gái, rồi vì thiếu ăn chị có lần ngất xỉu trên bục giảng, để phải sang xứ người với đàn con thơ dại. Để bây giờ:

*Quê nhà xa lắc xa lơ ấy
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay
Tâm giao mấy kẻ thì phương bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này.*

Nguyễn Bính

Tôi biết chị nửa muốn ở đất khách với chồng con, nửa muốn về quê nhà. Đến năm 2000 là bà nội 100 tuổi, nhưng bà đã ra đi đúng mười năm rồi. Nhưng còn cha, còn mẹ, còn cả năm người em trai gái – hai mươi năm qua chưa một lần gặp gỡ. Chị muốn về, muốn về ngay khi gặp tôi, nhưng rồi tiến thoái lưỡng nan. Tôi đọc ca từ mới nhất của Trịnh Công Sơn:

*Tiến thoái lưỡng nan
Đi về lận đận
Tình đôi ngập ngừng
Tiến thoái lưỡng nan
Mây bay khắp xứ
Chân mờ cõi xa
Vàng phai nhẹ nhẹ
Chiều hôm cửa nhà
Tiến thoái lưỡng nan
Đi về lận đận
Ngày xưa lận đận
Chẳng biết về đâu*

*Về đâu cuối nẻo
Về đâu cuối trời
Xa xăm tôi ngồi tôi tìm giấc mơ
Xa xăm tôi ngồi tôi tìm lại tôi
Tiến thoái lưỡng nan
Đi về lận đận
Ngày nay lận đận là giọt hư không.*

Lòng chị âm thầm bối rối “ở cũng dở quay về cũng dở”. Khi chưa gặp tôi, anh Hồng nhất định không về Việt Nam, nhưng sau khi gặp anh có thay đổi, năm 2000 để chị và các cháu về. Còn anh hứa sẽ có dịp về lại Việt Nam uống với tôi một trận cho đã đời, uống cho trào nước mắt, uống cho ngấn lệ đầy vơi, uống cho sầu tan đáy cốc, uống cho nằm lăn xuống đất. Hương đất quê nhà nhập vào thân thể, chân đi khệnh khạng, hai tay giơ thẳng lên trời, miệng la: “*quê nhà, quê nhà – đây là quê nhà của ta! Dù đau thương khốn khó cũng quê nhà của ta, sao ta nỡ bỏ nó đi*” – “*Đất nước tôi – đất nước tôi, bốn ngàn năm ròng rã buồn vui – đất nước ôi!*”

Anh chị luôn nghĩ đi về Việt Nam là khó lắm, công an cửa khẩu làm khó, hải quan làm khó, địa phương làm khó nên nản lòng. Anh Hồng cứ nói tại sao tôi về thăm quê hương phải làm khó tôi, bắt tôi phải trình thưa dạ báo. Tôi cam đoan với anh chị điều ấy bây giờ không còn nữa. Những điều anh chị nghĩ về chính quyền đã được sửa đổi nhiều lắm – công an cửa khẩu, hải quan không còn làm khó dễ nữa. Điều này tôi đi khắp nơi nói với nhiều người Việt trên đất Mỹ. Tôi cứ nghĩ tôi không làm được gì cho quê hương xứ sở thì tôi cũng nói đúng được về quê nhà. Tôi cố gắng làm cho người về mỗi ngày đông hơn, một người về, mười người về, hàng vạn, hàng triệu người về theo tiếng gọi của quê hương. Đất nước ôi! hãy mở rộng vòng tay đón những đứa con đi xa trở về với một nét mặt rạng rỡ vui tươi.

Một nhà buôn không có quyền từ chối khi khách hàng mua một cây tăm xỉa răng hướng chỉ một Việt kiều về nước mang theo mình không dưới 2000 USD. Anh chị tôi cùng các cháu quyết định năm 2000 sẽ về, niềm vui tôi sẽ đón đợi anh chị ở cửa khẩu Tân Sơn Nhất.

North Carolina

Con gái Nina Nguyễn Thục Hoán đưa tôi về thị trấn Greenville, bang North Carolina cách Washington D.C. 600km. Thị trấn có ngôi trường East Carolina University, ngôi trường đại học cổ kính hơn 100 năm trong thị trấn yên tĩnh lạ kỳ. Trường có 18.000 sinh viên với tổng diện tích 100.000m², gồm ba khu riêng biệt và một bệnh viện mà con gái tôi ngày ngày đến thực tập.

Cháu đưa tôi vào thăm khoa Vật lý. Cháu là một trong sáu sinh viên Master và cũng là giáo viên của khoa nên có chìa khóa riêng mở cửa cho tôi vào thăm các phòng học. Gặp ngày chủ nhật ngôi trường yên lặng như tờ. Nhưng đâu biết có một nghiên cứu sinh đang nghiên cứu về vật lý âm thanh trong một phòng kín đáo như một nhà tu. Anh là người Tây Ban Nha đang theo một nhà vật lý học, Giáo sư Tiến sĩ Hu-Xin-Hua, người Trung Quốc. Anh đang nghiên cứu sự chuyển động của âm thanh cây đàn Đại Hồ Cầm, tiếng đàn ở đây không còn lãnh vực âm nhạc mà chuyển sang lãnh vực khoa học. Tôi đã sờ tay vào cây Đại Hồ Cầm cao hơn người tôi mà sinh viên bảo nó mới được chuyển từ Nga sang để nghiên cứu. Ở Mỹ, trong các khoa vật lý của những trường đại học, trong các trung tâm không gian phần đông là người Trung Quốc. Tiến sĩ Hua là người nhận con gái tôi vào học ở khoa của ông. Trong dịp tôi qua đây có hai sự kiện xảy ra – một, Tiến sĩ Vật lý bị cách chức vì cho rằng đã đánh cắp tài liệu

khoa học gửi về nước. Thứ hai, Tiến sĩ Hua bị giảm uy tín vì khoa ông nhận quá nhiều sinh viên Trung Quốc. Hàng năm ông đi phép về Trung Quốc ông lại đem theo một vài sinh viên thông minh hàng đầu của nước ông vào nhập học ở trường.

Thục Hoán học Master về Medical Physics, một ngành học rất hiếm hoi của nhân loại, một ngành học có tính hiện đại – trị bệnh ung thư bằng tia phóng xạ mà nhân loại mới tìm ra mỗi ngày mỗi mới. Những sinh viên được chọn học phải đủ các đức tính: thông minh, cần cù, chính xác, biết hy sinh vì khoa học.

Cô bạn của con gái tôi nói đùa: Tao quen với anh chàng nào mà tao thấy không thích nữa, tao chỉ cần nói tao học Master Medical Physics là nó trợn mắt nhìn rồi dột lẹ.

Tháng 5 năm 2000 cháu sẽ tốt nghiệp, nhà trường sẵn sàng để cháu học tiếp lên tiến sĩ và dạy ở trường, nhưng tôi nói với cháu: Nhân loại đang đợi con, quê hương đang chờ con và con cũng cần có một tấm chồng. Việt Nam, bây giờ chưa có thiết bị cho con sử dụng, một máy xạ trị 3,5 triệu USD, nhưng nếu con ra trường chấp nhận hai năm đi làm ở Mỹ, tay nghề vững, chừng đấy ngành y khoa Việt Nam cũng đã phát triển, đủ điều kiện con về nước phục vụ bà con mình.

California

15 giờ hai cha con lên xe, Nina đưa tôi đến phi trường Raleigh, cách nhà 250km để bay chuyến 20 giờ đến California. Tôi đã đi từ bờ tây Thái Bình Dương của nước Mỹ đến bờ đông Đại Tây Dương và từ bây giờ đi từ bờ đông Đại Tây Dương đến bờ tây Thái Bình Dương, cách nhau khoảng 8000km. Đến Los Angeles 12 giờ đêm (giờ Cali). Cali về đêm, vợ chồng cô em gái đón tôi ngay cổng. Hai mươi năm sống ở Mỹ người em gái không

nhìn ra người anh, từng người đi qua và tôi cũng đi qua, mắt lơ ngơ đón xe taxi về nhà, em về thì tôi đã ở nhà. Anh không giống người Việt Nam, tôi nghĩ.

Chuyến bay anh đi là chuyến bay nội địa US Airways. Tôi chỉ cần tìm một người Việt Nam trên chuyến bay này là anh mà tôi không thấy người Việt Nam nào nên tưởng anh không đến, ai ngờ anh đã về nhà.

Tôi không ốm đói, không đen xỉn như em tôi nghĩ, mà tôi – người Việt Nam vạm vỡ. Trên máy bay tôi từ chối bữa ăn tối để ăn một bữa ăn đêm ở nhà em thật là ngon. Đêm về khuya, trời như Đà Lạt Việt Nam, một bữa ăn cho cả gia đình đủ các món canh chua, cá kho, cơm trắng. Hai đứa cháu, một trai, một gái cả hai đẹp vô cùng, đẹp như những gì mà người Á Đông mình cho là đẹp, đẹp người, đẹp nét. Cháu gái Thanh Tuyền sinh ở đảo hai mươi một tuổi, John mười tám tuổi chưa có tên Việt Nam, cháu Tuyền mang họ cha nhưng John mang họ mẹ – họ Nguyễn.

Ngày hôm sau việc đầu tiên của tôi là định vị trí bàn thờ cho căn nhà. Đưa di ảnh của người cha quá cố của chúng tôi ở vị trí giữa và cao hơn một tí, đó là vị trí thờ cha và tổ tiên, người sinh thành ra mình, sự hiện diện mình trên trái đất là nhờ có tổ tiên cha mẹ. Bên phải thờ Phật Bà Quan Âm là thờ lòng nhân ái, vị tha của đức Phật, bên trái ở quê nhà thờ tôi thờ Đức Quan Công tức thờ lòng nghĩa khí của đàn ông. Còn em gái tôi thì thờ bà Cửu Thiên Huyền Nữ, thờ vị nữ thần cứu giúp, nâng đỡ khi sinh nở và sự cô đơn của đàn bà lỡ bước, khó khăn.

Tôi đến thành phố Tiểu Sài Gòn (Little Saigon) trên đất Mỹ. Tôi gặp lại một số bạn bè cũ lúc ở Việt Nam thường nhậu với nhau ở 81 Trần Quốc Thảo, Hội Văn Học Nghệ Thuật TPHCM. Các anh là họa sĩ, nghệ sĩ điêu khắc – anh Tám Râu, và một vài phụ nữ lớn tuổi lỡ thời vận, lỡ thầy lỡ thợ. Đàn ông lơ thơ trên

mọi nẻo đường xứ người, làm công làm thợ, đến cả những tiểu bang xa xôi như Alaska đánh cá, hiến đời cho biển cả, giá tuyết nhưng rồi không tìm ra lối thoát cho tương lai, rồi về lại thành phố Tiểu Sài Gòn sống thất tha thất thểu, kiếm từng đồng cho đủ ngày hai bữa, đủ tiền trả cho một căn phòng ẩm thấp một tháng 200 USD. Họ sống cho qua ngày chờ lãnh lương già, họ tính từng ngày từng năm cho đến tuổi 65. Ôi thôi! buồn làm sao cho cuộc sống mình già. Những đàn bà mới qua thường làm nghề Nail (làm móng tay), ngày ngày cúi mặt trên những bàn chân bàn tay người xứ lạ, rồi về lại căn phòng cô đơn, cố tìm lấy một người đàn ông sồn sồn ghép vào thành một cặp nương nhau tuổi chiều xế bóng. Rồi lại mang vào lòng nỗi lo con anh, con tôi – đã bán thân cho nỗi cô đơn, lại vương vào nỗi toan tính tình đời, bán cả tình dục cho người không yêu. Bà con anh em sòng phẳng đến lạnh lùng. Thà còn ở Việt Nam, anh em con cái gửi tiền về giúp đỡ, còn khi đã qua đến xứ Mỹ, chỉ có một thời gian đầu, nhiều lắm là sáu tháng còn giúp nhau, sau đó bắt buộc phải tự kiếm sống, ở chung một nhà là phải chia “tiền nhà”, chia “tiền ăn”. Thức ăn trong tủ lạnh của ai ghi tên người nấy. Lớp người thành đạt của mười năm – hai mươi năm đã qua rồi, bây giờ là khó khăn, khó cho những người diện HO. Lớp trẻ ào ào xông lên trên mỗi nẻo đường mệnh mông của nước Mỹ mới có thể thành công.

Một lời khuyên chân thành của tôi cho ai đó, dù nam hay nữ tuổi trên bốn mươi, có một việc làm dù là nhỏ nhoi nhất ở Việt Nam thì không nên đi Mỹ dù với bất cứ điều kiện nào trừ những điều kiện cá nhân. Nhất là những người già được con cái bảo lãnh, lúc mới qua còn ở chung với chúng nó, sau ở riêng, rồi được gởi vào viện dưỡng lão. Các con lúc đầu một tháng thăm một lần. Rồi lặng lẽ ra đi trong nỗi cô đơn mà không một lời trách móc con cái, vì nó quá bận rộn với công việc mà người Việt Nam vốn không quen. Thà người không con không cháu phải chấp

nhận, còn người con đàn cháu đống sao phải cô đơn cô độc nơi đất khách thế này. Tôi đã đến khu dưỡng lão, khu người già có đầy đủ tiện nghi, có nơi ăn chốn ở, có nơi tập thể dục, có bác sĩ chăm sóc, có xe đưa đi chơi tôi thấy cũng đầy ưu ái cho người già. Nhưng bà Thu, đồng hương Phú Yên với tôi, nói già sẽ về Việt Nam, tội gì vô nhà già ở Mỹ để mấy con Mỹ đen cho ăn nó và vào mỏ.

Bà Thu, họ Phạm là người tôi ngưỡng vọng trước đây và cả bây giờ. Chị đầy tài năng và đạo đức, chị làm chủ một bệnh viện phụ sản, hiệu trưởng một trường hộ sinh Phú Yên quê hương tôi. Chị giúp đỡ mọi người, chị dạy dỗ mọi thế hệ đàn em, đàn con cháu, nhưng chị hay la rầy, mắng chửi. Lúc còn nhỏ, tôi ngán chị lắm, vì bà con chị gọi tôi bằng anh nhưng tôi đến nhà chỉ mong đừng gặp chị. Nhưng mấy mươi năm sau, quyền lực đã hết tôi chưa nghe một ai than phiền oán trách chị, và hình ảnh của chị là hình ảnh của tôi bây giờ. Tôi cũng phải làm như chị mới giúp cho bao nhiêu sinh viên học sinh quê nhà ăn học, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm người cùng quê hương làng xóm. Quê hương ai đau ốm, cơ nhỡ đường sá tôi nuôi hết. Nhưng tôi cũng phải la như chị – lười học, biếng làm, hỗn láo tôi la rầy tới bến. Ai đau ốm không nuôi thuốc thì tôi nuôi cơm, nuôi người bệnh, nuôi cả người đi nuôi bệnh.

Chị Thu có đàn con tám đứa – sáu trai, hai gái – đứa nào cũng thành đạt bác sĩ, kỹ sư, thạc sĩ, tất cả sống quây quần trên đất Mỹ. Nhưng ước vọng của chị là về làng, chị để dành tiền về giúp làng xóm, chị có kế hoạch sau tết này sẽ mang về 15.000 USD. Chị nói phần chị có rồi nhưng còn phần anh Yên chồng chị, anh ấy cũng phải có cho quê hương anh. Chị nói nhất định già là về Việt Nam, đã mua một miếng đất của chùa để làm nghĩa trang cho dòng họ, rồi chết ở Việt Nam. Gia đình, dòng họ của



■ Gia đình ngày cưới con gái Nina

chị khá thành công ở Mỹ, nhà nào cũng đẹp, con cháu đứa nào cũng ngoan.

Gặp người quen xứ mình, chị nhiệt tình ưu ái, chị bắt tôi đến thăm từng nhà. Tôi đi tìm nhà bị lạc, giờ lên máy bay đã đến nhưng chị bắt phải gặp đứa này, đứa kia. Cả dòng họ tụ lại một nhà đợi tôi, chỉ còn hai tiếng đồng hồ để nghe đủ thứ chuyện, nghe cả thơ, chuyện này chuyện nọ. Gặp lại anh Ngô Xuân Phụng, em cùng cha khác mẹ với nhà thơ Xuân Diệu trong tiếng ồn ào của mọi người anh vẫn đọc thơ vào tai tôi. Tôi phân thân để nghe anh và nghe mọi người. Anh viết tặng nhà thơ Bùi Giáng bài *Kỹ Nữ*, rồi anh nói với tôi thế hệ anh, bạn bè anh bây giờ trên bảy mươi đã đi gần hết, Toàn là người tri âm duy nhất của tôi.

Tôi chợt nhìn thẳng em rể chị Thu, Thống chồng cô An, đẹp trai quá, mình chợt nhớ đến chuyện tào lao của mấy thằng xin. Tôi kể chuyện này tặng Thống. Tôi có thằng bạn nhậu xin về gọi vợ:

- Em, vậy chớ vợ vua gọi bằng gì em?
- Anh giả vờ nhiều chuyện, vợ vua là hoàng hậu.
- Còn vợ nhỏ vua gọi gì hả em?
- Là thứ phi chứ gì.
- Sao vợ nhỏ anh em kêu con đi chó!!!!

Cả nhà cười như đổ sóng bát. Cả nhà xúm xít chụp hình, tôi là khách có vị trí. Thống ngồi kế bên. Còn một chỗ cho cô An ngồi cao hơn, nhưng cô An nhất định nhường vị trí cao hơn đó cho người chồng để mình dù không phải là cát đằng với cội tùng cũng không đến độ đi ngược lại. Để tôi thấy đâu phải cứ ở xứ Mỹ là vị trí người đàn ông – người gần như tạo dựng cho loài người tồn tại phát triển trên hành tinh này, từ việc làm con đực để



■ Gia Long Nam Cali đêm lên đèn
2004 - USA

truyền giống, làm các nhà bác học, kỹ sư, phi hành gia lên cung trăng, rồi máy bay, xe hơi, nhà cửa và cả cái bàn cầu tự hủy cũng là do đàn ông phát minh sao lại được xếp họ thứ 13, sau cả chó mèo, súc vật, đàn bà, con nít. Một sự sắp đặt thứ tự lạ kỳ của nước Mỹ, để mỗi buổi sáng thấy rất nhiều đàn ông tuổi lục tuần dắt chó đi ỉa, trên tay cầm cục phân chó gói giấy. Ở Mỹ hầu như chỗ nào cũng có bảng: chó ỉa không hốt phạt 110 USD. Ở một đất nước như thế cô An cũng còn giữ nếp nhà – đứng sau, đứng thấp hơn chồng.

Ngày 18/11/1999, ngày tôi lên máy bay về lại Việt Nam, cũng là ngày sinh nhật thứ 18 của cháu John. Trước bàn thờ tổ tiên, tôi đeo vào tay John chiếc nhẫn và nói với cháu – *“Con 18 tuổi, đã đến tuổi vào đời, phải tách ra khỏi tuổi bảo bọc, chăm sóc của cha mẹ, phải tự lái xe đi học, phải tự quyết định ngành học và sở làm của mình. Cậu tặng con chiếc nhẫn, chữ “nhẫn” trong tiếng Việt có nghĩa là phải nhìn người, phải dần con nòng, phải biết mềm mỏng với đời, với người thì mới mong thành đạt lớn”*. Và cũng trước bàn thờ tổ tiên có di ảnh của ông ngoại cháu, tôi đặt cho cháu một cái tên Việt Nam mà lâu nay cháu ước muốn nhưng mẹ cháu cứ phải nhờ cậu qua Mỹ hay về Việt Nam gặp cậu. Cháu tên LÊ, tiếng Anh là LE. Ở tiếng Việt, đó là tên một dòng họ lớn đã góp phần chống ngoại xâm, mở mang bờ cõi, xây dựng đất nước Việt Nam. Dòng họ duy nhất hai lần làm vua – Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn – và LÊ cũng là họ của cha con, vì con đang mang họ Nguyễn, họ của mẹ và con cũng nhớ để hãnh diện là con mang trong người hai dòng máu của hai dòng họ lớn của Việt Nam, họ Lê và họ Nguyễn. Dòng họ Nguyễn có công mở mang bờ cõi Việt Nam rộng lớn nhất đến ngày nay, và là dòng vua cuối cùng của đất nước.

Lá cỏ

Từ Las Vegas về nhà, Kiều đưa cho tôi tờ báo Mỹ với hình cô thật lớn ngay trang đầu, mới nhìn qua tôi cứ ngỡ em mình đã nổi tiếng nơi đất Mỹ. Chợt nhớ đến ngày nào mấy mươi năm về trước, cô còn là con bé tí teo, anh em quây quần bên nhau. Tôi là đứa con trai đoạt trường, tôi cai quản một lũ em năm đứa cả trai lẫn gái – cho ăn, tắm rửa, giặt giũ, dạy dỗ. Có lần bắt gặp cô em bảy tuổi bắt chước bà hàng xóm người Huế hút thuốc, cha mẹ bươn chải ngoài đồng, tôi quyền huynh thế phụ, bắt em quỳ và ra roi, em khóc như mưa. Thế mà thoáng chốc bốn mươi năm, bây giờ nhìn hình em trên báo với dòng chữ *“Người đàn bà sống nhờ cỏ”*.

Năm năm về trước, em tôi bị bệnh ung thư vú, phải cắt bỏ một phần thân thể, phải uống và chích một lượng thuốc tây ngoài sức chịu đựng của cơ thể, da nhăn nheo, xám xịt, người khô quắc quéo. Để cân bằng và phục hồi, cô đã uống một loại lá cỏ mà tôi thấy hầu hết các quán sinh tố ở Cali đều bán – nước lá mạ lúa mạch. Quán nào cũng có một khay mạ lúa mạch xanh mượt để giới thiệu. Khi khách hàng muốn uống, họ cắt lá mạ bỏ vào máy ép ra khoảng một chung rượu xây chừng.

Lúa mạch ngâm nước khoảng 48 giờ, rồi gieo vào một cái khay có rải một lớp đất mỏng, đập bằng một miếng vải mỏng hay giấy. Ngày ngày tưới nước đến khoảng 6 – 7 ngày sau, mạ mọc lên khoảng hai tấc, cắt một nắm lá mạ xắt nhỏ bỏ vào máy xay sinh tố, đổ một tí nước, xay nhuyễn với một trái táo, lọc lấy nước để uống.

Nước lá mạ này có chất được liệu rất cao, khoảng 100gr lá mạ có tác dụng bằng 3kg rau, làm mát gan, lọc máu, tăng cường sinh lực, tăng cường chức năng tình dục, giúp tái tạo tinh trùng, trị đau lưng, chống ung thư, làm làn da tươi mát. Bằng chứng

hiển nhiên là chính cô em gái tôi, sau thời gian năm năm uống thứ nước lá mạ này da dễ phục hồi. Sau năm năm, ngày tôi qua đưa cô đến bác sĩ khám nghiệm lần cuối với kết quả là đã dứt bệnh ung thư. Có người bạn cô làm theo phương pháp này khi bệnh gan ở thời kỳ bác sĩ đã từ chối, sau ba tháng hết bệnh.

Những điều nghe trên đất Mỹ

Tôi về lại Việt Nam 10g30 ngày 19/11/1999 sau chuyến đi 50.000 km, tôi đã viết những điều mắt thấy tai nghe trên đất Mỹ, đây là phần còn lại chỉ nghe mà chưa thấy.

Trên đất Mỹ lắm kẻ ăn mày nhưng tuyệt nhiên không có người Việt Nam nào ăn mày.

Tôi nghe một người quen bị bệnh bao tử vừa chữa khỏi. Anh nói một bác sĩ duy nhất của nhân loại là người chữa bệnh cho anh.

Bệnh loét bao tử phải chữa bằng trụ sinh. Ta phải xem vết loét của bao tử như một mụn nhọt có mủ, phải trị bằng trụ sinh, cho dứt vi trùng. Rồi sau đó hãy hoàn thiện vết thương bằng những thuốc khác. Ông cũng công nhận là bệnh bao tử có thể do lo âu, khủng hoảng tinh thần.

Người ta thí nghiệm cho một con khỉ bình thường ăn ớt và cùng lúc theo dõi một con khỉ bị khủng hoảng. Một thời gian sau, con khỉ ăn ớt không bị bệnh bao tử nhưng con khỉ bị khủng hoảng tinh thần bị loét bao tử. Nhưng khi loét là có vi trùng nên phải chữa bằng trụ sinh.

Xứ Mỹ nơi nào cũng tham quan được – Nhà Trắng cũng cho mọi người vào thăm, trừ phòng tổng thống đang làm việc.

Lầu Năm Góc là đại bản doanh của quân đội Hoa Kỳ, nơi điều khiển mọi cuộc chiến tranh trên thế giới. Mọi người cũng có thể vào tham quan, đi một nghỉ, đi mỗi chân. Tòa nhà không cao lắm, nằm bên lề của thủ đô Washington, bên bờ sông Potomac, dưới cầu băng qua bang Virginia. Tôi chỉ thấy được bên ngoài.

Một điều không tưởng nữa là nơi in bạc. Đến xưởng in đồng tiền ngự trị thế giới, mà theo tôi nó còn mạnh hơn đạo quân viễn chinh của Mỹ đóng khắp thế giới, đạo quân cả áo lính và cả áo dân phục vụ sáu – bảy triệu người. Đó là nhà in tờ bạc mang tên hai nốt nhạc thứ nhất và thứ sáu ghép lại Đô La. Âm thanh hai nốt nhạc này tùy âm giai để nghe êm tai hay chói tai. Tùy hoàn cảnh, điều kiện, sự thế đúng sai nhiều ít để có thể ru ta ngủ hay làm ta rách màng nhĩ vỡ đầu. Mọi người cứ đến tự do nhìn ngắm, suốt bạc cứ tuôn ra ào ào, từng tấm lớn cắt ra từng tấm nhỏ, bó lại từng cục, cứ thế mà làm, chỉ có điều không được sờ đến.

Ở Mỹ có hai điều ai cũng thèm mà chỉ được ngắm, không sờ được. Đó là những bar vũ sexy đầy dẫy ở các con đường 42, 43, 46, 49 ở New York. Các em trần như nhộng, rẻ lắm, bảy đô-la cho một ly bia, nếu ngồi gần các em sẽ đem cái cửa... đến sát mặt, cách vài phân. Nhưng có điều tuyệt đối không được đụng chạm tay chân. Tôi thấy có vài ông Mỹ đen nuốt nước miếng, rồi le lưỡi, nếu lưỡi ông ấy dài thêm một tí là có thể đụng được, nhưng không bao giờ được đụng.

Cũng như đến xưởng in đồng đô-la. Họ rọi thật to lên màn hình, rồi chỉ cho mọi người cách làm bạc, loại giấy gì, dây kim loại làm sao thật tường tận, rõ ràng. Ai đó có ý muốn làm đô-la giả cứ thoải mái đến đây mà học.

ĐÀI LOAN VÀ TẤM HUY CHƯƠNG CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

40

*T*hắng Úc 2 – 0, thắng luôn hai cường quốc bóng bàn thế giới Đài Loan và Nhật Bản để vào chung kết thua siêu cường Trung Quốc. Đoàn bóng bàn người khuyết tật Việt Nam đoạt Huy chương Bạc giải vô địch Bóng Bàn Châu Á – Thái Bình Dương đã về nước lúc 10 giờ 30 ngày 9/9/1999, một ngày đẹp nhất thiên niên kỷ.

Giải gồm chín nước và khu vực tham dự: Đài Loan - chủ nhà, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zealand, Indonesia và Việt Nam. Đoàn chúng ta gồm năm người, hai vận động viên đứng, Mai Ngọc Trung và Nguyễn Minh Phước; hai vận động viên ngồi xe lăn, Nguyễn Văn Chiến và Đặng Vũ Chí; trưởng đoàn Nguyễn Tiến Toàn. Vốn vịn chỉ năm người, đã bốn vận động viên là khuyết tật, một người lành lặn, không huấn luyện viên, không người chăm sóc, không người hướng dẫn, một mình tôi tả xông hữu đột trên đất nước người, ngôn ngữ bất đồng. Thời gian thì ngắn, luyện tập thì ít, mãi đến 16 giờ chiều ngày 31/8 mới nhận được visa, 13 giờ 30 ngày 1/9 mang từ Hà Nội vào, đến 14 giờ cùng ngày chúng tôi ra sân bay để mang chuông đi đánh xứ người.

Đêm khai mạc nhìn các đoàn bạn, cứ mỗi vận động viên thi đấu có ba đến bốn người đi kèm. Đoàn Hàn Quốc có 30 người, Nhật Bản 23 người, vừa chăm sóc, vừa cổ động, lo lắng cho nhau. Đoàn ta có bốn vận động viên thi đấu, một người vừa lo thủ tục, vừa thông dịch, vừa động viên tinh thần anh em. Nhịp độ thi đấu rất cao, từ 9 giờ sáng đến 10g30 tối. Bốn ngày tôi không dám rời cầu trường, các vận động viên sợ sự lẻ loi hơn bất cứ điều gì.

Sau khi thua Hồng Kông 2-0 để mất Huy chương Đồng giải đồng đội, tôi họp đoàn khẩn cấp tại một góc cầu trường để chỉnh đốn đội hình và thay đổi chiến thuật. Thật là khó khi không có huấn luyện viên, trưởng đoàn không chuyên môn để làm các vận động viên tự ái. Nhưng với danh dự quốc gia, trưởng đoàn yêu cầu:

– Tôi nhận xét chúng ta thua Hồng Kông với lý do anh Phước tạt bóng nhiều quả không thành công, tôi đếm có năm quả liên không vào bàn. Trận sau anh Phước cố gắng đưa bóng qua lưới vào bàn, nhiệm vụ tấn công giao cho Mai Ngọc Trung. Tôi chờ đợi sự phản ứng. Anh Nguyễn Minh Phước, người kỹ sư điện:

– Tạt bóng là lối đánh của tôi xưa nay, nhưng chấp hành ý kiến trưởng đoàn từ bây giờ khi nào chắc ăn tôi mới tạt bóng.

– Đúng! anh là người trí thức nói hiểu ngay, nhưng tôi yêu cầu 70% là được. Bây giờ ta vào trận.

Sau khi hạ Úc dễ dàng 2-0, đụng với Đài Loan, bóng bàn mạnh hơn Hồng Kông nhiều, nhưng hai vận động viên của ta đã thành công với chiến thuật đề ra, hạ Đài Loan 2-1 với những pha bóng sôi động, cả trọng tài và ban tổ chức há hốc mồm theo dõi. Hạ tiếp Nhật Bản 2-1. Ban tổ chức mời hai đội Việt Nam – Trung Quốc tập trung, yêu cầu Đài Truyền Hình chuẩn bị truyền hình trực tiếp, các phương tiện báo chí chuẩn bị theo dõi. Cử

41

nhạc. Ban tổ chức đưa hai đội ra bàn chính thi đấu. Đây là trận quan trọng nhất của toàn giải, tranh huy chương giải đôi mở rộng, không kể thương tật nặng nhẹ. Chúng ta thi đấu với siêu cường bóng bàn thế giới, đất nước có 1,2 tỉ dân. Các giải bóng bàn thế giới người bình thường, họ luôn dành lấy gần hết các huy chương vàng, bạc, còn vận động viên của họ cũng rất kinh khủng.

Vận động viên số 111 của Trung Quốc mười bảy tuổi, cụt một tay và một vận động viên khác bị tật nhẹ ở chân đấu với Mai Ngọc Trung và Nguyễn Minh Phước của ta đều bị tật ở chân. Thật sự chúng ta đối đầu trực diện với đối thủ nặng ký nhất Châu Á – Thái Bình Dương. Những quả bóng xoáy như con vù, những cú bay người như chim của vận động viên 111 để đỡ lấy những cú bóng hiểm hóc của Mai Ngọc Trung. Lắc đầu chào thua để tỉ số 21-15; 21-16. Đó là tỷ số đầy hãnh diện cho vận động viên Việt Nam, và không hề quá đáng khi nói rằng không bao giờ chúng ta thắng được bóng bàn Trung Quốc để đoạt huy chương vàng của giải này. Đoàn Trung Quốc sang đây với bốn mươi người.

Trưởng đoàn Việt Nam được mời trao huy chương giải. Bước theo tiếng nhạc, sau tôi là một phụ nữ Nhật Bản của Liên đoàn Bóng Bàn thế giới, phó ban tổ chức, cùng phát giải. Đeo huy chương Vàng vào cổ hai vận động viên Trung Quốc, Bạc cho Việt Nam, và Đồng cho Nhật Bản lòng tôi đầy hãnh diện về tổ quốc, về đất nước Việt Nam khó khăn của chúng ta. Ban tổ chức không vô tình khi mời tôi trao huy chương cho một giải quan trọng này. Ngồi trên khán phòng nhà thi đấu làm việc, theo dõi mọi hành động, mọi việc làm của các vận động viên, đã bốn ngày qua không ngày nào, giờ nào vận động viên thi đấu mà không có mặt tôi, vui buồn theo từng trái banh, có lúc cười, có lúc nghệt thở theo từng trận đấu. Khi ngồi vào ghế trưởng đoàn



■ Trưởng đoàn bóng bàn người Khuyết Tật Việt Nam ở Đài Loan 1999

kiêm “huấn luyện viên” này tôi mới thấy có những vận động viên đã khóc nức nở hay ngất xỉu trong tay huấn luyện viên của họ ở các giải quốc tế khác. Tôi cũng vậy, vì danh dự quốc gia có những trái bóng đúng là tôi muốn vỡ tung lồng ngực, bồn chồn đứng phắt dậy theo từng động tác của các vận động viên mình. Những hình ảnh đó đã lọt vào mắt ban tổ chức nên họ dành cái vinh dự trao giải quan trọng nhất, giải đôi mở rộng, cho trưởng đoàn Việt Nam, một đoàn ít người tham dự nhất.

Giải kết thúc thi đấu vào ngày 7/9/1999. Đã năm ngày chúng tôi chưa ra khỏi khách sạn Plaza và trung tâm thi đấu. Ngày 8/9, có một ngày nghỉ ngơi để đi cho biết xứ người. Qua Đài Bắc chúng tôi gặp duy nhất một Việt kiều. Nói là Việt kiều nhưng thật ra anh là một người Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn, qua đây hai mươi năm có vợ con còn ở Việt Nam. Anh cho biết đôi điều về Đài Loan.

Dân ở Đài Loan không muốn tôn thờ ai, ngay cả Tưởng Giới Thạch, người có nhiều tượng và đền đài kỷ niệm ở các nơi. Bây giờ tượng đài đã lần lượt bỏ đi một cách tế nhị như nằm trong qui hoạch ga xe điện, xe lửa... Trước kia Tưởng Giới Thạch được thần tượng hóa, bây giờ dân chúng hiểu ra ông cũng có nhiều cái sai và ông cũng chỉ là một chính khách, mặc dù ông đã góp công xây dựng Đài Loan, đưa lãnh thổ hai mươi triệu dân lên giàu mạnh.

Đến Đài Loan nơi tôi phải đến là bảo tàng Bác Vật quán – viện bảo tàng Viên Sơn – được xem là một bảo tàng lớn nhất của nhân loại. Nơi này trưng bày hàng vạn, hàng triệu cổ vật từ lúc khai thiên lập địa của đất nước Trung Hoa, từ Thần Nông, vua Nghiêu, vua Thuấn, Hạ, Thương, Châu, Tần, Hán đến Minh, Thanh và đương đại, mà trước đây tôi nghe nói vợ chồng Tưởng Giới Thạch – Tống Mỹ Linh đã gom góp, thu vén từ Bắc Kinh

đem qua Trùng Khánh rồi đưa sang Đài Loan. Bây giờ chính mắt tôi thấy họ không làm của riêng mà xây dựng một bảo tàng cho đất nước họ và cho nhân loại.

Ngày 12/2 Âm lịch năm 1991 sinh nhật bà Tống Mỹ Linh, hãng tin UPI đưa tin bà vừa mới ký hợp đồng với Công ty dầu lửa Phillips của Mỹ khai thác khí đốt trị giá năm triệu USD ở bang New-Mexico rồi kết luận bà già chín mươi tuổi vẫn còn kiếm tiền, khoản tiền kếch sù của bà ở Bắc Mỹ sẽ để lại cho ai? Nhưng bà trả lời – ta chỉ muốn mọi người có lòng tin mà làm việc, cho mọi người thấy rằng người đàn bà chín mươi tuổi cũng không già nua đến nỗi chỉ chờ người khác lấp đất đến tận cổ mình. Còn tài sản và tiền bạc của bà người thừa kế sẽ là xã hội và thiên nhiên.

Bảo tàng viện Viên Sơn nằm trên một quả đồi phía Bắc Đài Bắc, nhìn xa giống như một con trâu nằm cạnh một khách sạn năm sao, Viên Sơn. Mặt tiền là tượng Tưởng Giới Thạch, cao hơn mười mét, đứng chống gậy mắt nhìn về biển. Vào bên trong việc đầu tiên là gởi tất cả các hành lý và máy ảnh. Chính giữa là tượng Tôn Trung Sơn ngồi trên ngai có hàng chữ Tôn Trung Sơn vị cha già dân tộc Trung Hoa. Tôi theo đoàn người khuyết tật của các nước Á Châu tiến vào bên trong, chưa biết to lớn như thế nào nhưng cô hướng dẫn nói với tôi nhiều lần. Hãy đi theo tôi kéo lạc. Tầng thấp gồm các hình tượng Thần Nông, Nghiêu Thuấn, Khổng Tử, Lão Tử, Khổng Minh... rồi một số đồ dùng và vũ khí bằng đồng tìm được ở vùng ven biển đông nam Trung Quốc, rồi đồ đá, đồ sành đẩy ngược lên hai ngàn năm về trước.

Tôi hòa vào dòng người trong một bảo tàng mênh mông. Đến phòng có hình tượng một vị quan mặc triều phục và một mỹ nữ, tôi cứ ngỡ phòng này kín đáo chắc là trưng bày bảo tàng trong cung cấm, đẩy cửa bước vào hóa ra W.C. “Bảy cây ngọc

như ý” là một trong hai báu vật trấn quốc của Việt Nam. Báu vật thứ nhất đó là viên ngọc dạ minh châu to bằng trứng gà mà Tôn Sĩ Nghị sau khi chiếm Thăng Long đã lấy đi khi bị vua Quang Trung đuổi chạy, ông bỏ cả ấn tín nhưng vẫn đem được viên ngọc về Bắc phương dâng cho vua Càn Long, sau Hòa Khôn lấy cấp đem về phủ riêng. Còn bảy cây ngọc như ý này lưu lạc rồi trưng bày ở Bác Vật quán. Khoảng năm 1963 Ngô Đình Cẩn nghe tin, xin anh Tổng thống Ngô Đình Diệm sang Đài Loan để thu hồi quốc bảo, nhưng ông anh thấy người em của mình không thể làm nổi việc này khi đối diện với Tưởng Giới Thạch nên không cho đi.

Bây giờ tôi cố lùng sục các nẻo, giữa muôn vàn cổ vật, cố tìm thấy báu vật quốc gia, hầu có thể nói với mọi người là đã một lần nhìn thấy. Nhưng với kiến thức hẹp hòi, người phàm mắt thịt của tôi, giữa chốn chân giả, giả chân, cũ mới, mới cũ, tôi đành thờ dài từ giả nơi này. Lòng ngậm ngùi ra đi. Nếu cho trở lại lần nữa mà bảy cây ngọc thật sự ở đó tôi cũng chào thua. Có lẽ người Việt Nam duy nhất được nhìn ngắm và sờ mó vào bảy món cổ vật này là cụ Vương Hồng Sển. Năm 1963, cụ được Phó Tổng thống Đài Loan Trần Thành mời tham quan và được ông Bao Tôn Thành, Quán trưởng Bác Vật quán lấy từ trong tủ sắt cho cụ xem bảy cây ngọc mà Lê Chiêu Thống đã đem dâng vua Càn Long để xin viện quân sau khi đánh không lại nhà Tây Sơn. Nguyên khi đem dâng vua Càn Long nó còn thô. Thành Cao Tôn có sáng kiến sai thợ khéo chế ra thành bảy cây như ý.

- Cây thứ nhất nguyên khối toàn màu trứng gà
- Cây thứ hai đẹp trội hơn bằng mã nảo bầm khói đen
- Cây thứ ba màu hường xen màu đỏ
- Cây thứ tư màu bí đao
- Cây thứ năm màu vàng đục tro đốm đen



■ Bảo tàng Bác Cổ Vật - Đài Loan

– Cây thứ sáu và thứ bảy hình dáng cong queo không giống năm cây trước.

Mặc dù tôi chưa được nhìn thấy nhưng cũng ghi lại đây để may ra người Việt Nam ai có dịp, cũng ngắm cho biết báu vật của tiền nhân ta bị lưu lạc xứ người.

Thua ở chùa mình lùa ra chợ, về khách sạn dẫn anh em ra chợ, đến khu chợ cũ. Thành phố Đài Bắc có hai khu tả ngạn và hữu ngạn. Một con sông bên phố cũ và một bên phố mới. Nếu Thành phố Sài Gòn có một chiếc cầu bắc qua Thủ Thiêm và một thành phố mới hình thành thì ta sẽ có hình tượng giống như Đài Bắc. Khu phố chợ sầm uất, ồn ào, đường phố tương đối chật hẹp, bảng hiệu san sát và dựng đứng để ta có thể nhìn từ xa.

Anh em đều ít tiền nên tìm mua cái gì rẻ để làm kỷ niệm chuyến đi. Tôi thấy một điểm bán quần áo, vừa bán vừa la xí xồ, nhiều người bu quanh. Thấy họ mua mình cũng mua. Tôi lấy một chiếc áo, chưa biết trả tiền như thế nào cầm nắm bạc xòe ra từ từ 100, 500 đến 1000 Đài tệ, người bán muốn lấy bao nhiêu cứ lấy. Ông ba Tàu rút cái ào ra từ 100, thế chỉ có 3 USD. Rẻ quá, tưởng cái nào cũng vậy tôi lấy thêm một cái áo khác ông rút từ 500, chết mắc quá, nhưng thôi lỡ rồi, còn tần ngần ông chạy lại đưa 300. Vậy là cái này 200. Tôi trở lại lấy tiếp một cái áo gió, xòe tiền ra ông rút từ 1000, trời ơi mắc quá đến 30 USD. Nhưng tôi cũng cố chờ xem ông có thối lại không. Chờ lâu mỗi mồn tôi bỏ lên tầng khác. Đang ngắm nghía mấy cái áo muốn mua cho bà xã nhưng thấy cái nào cũng hai, ba ngàn. Tự dưng có người đập đập vai, ai ở xứ lạ này mà võ vai quen biết. Hóa ra ông bán hàng tôi đưa cho mình 650 Đài tệ, thì ra cái áo vừa rồi chỉ có 350 Đài tệ.

Chúng tôi đến chùa Triều Âm để tham quan và tôi cũng có ý tìm mua một tượng Quan Âm. Gặp ngày lễ hội người chen chân nhưng thứ lớp, không ồn ào, hương khói ngút ngàn, bánh

trái hoa quả trải đầy chánh điện. Ở đây không hề thấy bóng dáng một người ăn xin hay một người bán vé số, mọi người làm râm cầu nguyện.

Đến chùa Triều Âm tôi không thể không nhớ đến một sự việc về bà Tống Mỹ Linh, đăng trong quyển “Tống Mỹ Linh” do NXB Văn Học xuất bản năm 1994. Năm 1991 do hội Quang Phục Nhật Bản sắp xếp, hơn 400 thân nhân lính Nhật chết trận ở Trung Quốc đã vào Đài Loan với danh nghĩa du lịch. Họ đến chùa Triều Âm cầu hồn cho quân Nhật chết trận trong thế chiến thứ hai. Cần nhắc đến quan hệ thương mại với Tokyo, nhà cầm quyền đàn ghita, giả điếc.

Bà Tống Mỹ Linh gọi điện thẳng đến văn phòng Tổng thống. Bí thư nhận ra giọng Lão Phu nhân vội chuyển máy ngay cho Tổng thống Lý Đăng Huy:

– A lô! Chú Lý phải không?

Người Nhật đang quấy rối chùa Triều Âm chú biết chưa?

– Biết rồi ạ! Nhưng ta và Nhật đang có hiệp định buôn bán máy chực tỉ đô-la, nên chỉ có thể áp dụng biện pháp ôn hòa.

Bà Tống Mỹ Linh vang lên với âm sắc lạnh lùng:

– Ôn hòa là thế nào? người Nhật có chịu ôn hòa với ta không? Các nghi thức quân phiệt đang diễn ra trên mảnh đất chúng đã từng chà đạp và tàn sát dân lành. Lẽ nào người Trung Quốc một chút thể diện cũng không cần nữa hay sao?

Lý Đăng Huy toát mồ hôi. Bí thư thấy rõ Tổng thống đang suy tính căng thẳng. Giọng bà Tống Mỹ Linh rít lên trong máy:

– Dù người Nhật mang tặng cả quả núi vàng to bằng núi Phú Sĩ, ta cũng không thể để mặc chúng hành động.

– Vâng, thưa Phu nhân. Tôi sẽ đưa cảnh sát đến ngay.

Bà cương quyết:

– Cảnh sát không xong, phải đưa ngay đội đặc nhiệm đến.

Đội đặc nhiệm là lực lượng cảnh sát đặc biệt chỉ có sáu mươi người to lớn, võ nghệ tuyệt luân dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tổng thống.

– Xin Phu nhân yên tâm, đội đặc nhiệm sẽ thi hành ngay.

Đặt máy xuống ông cười gượng với Bí thư cơ mật:

– Ý chí dân tộc và vì dân tộc của bà già mạnh hơn cả bất cứ ai!

Và cũng chính bà là người không đồng ý cho con trai Tưởng Vĩ Quốc ra ứng cử Tổng thống với lý do:

– Con có thể đắc cử Tổng thống, nhưng con nghĩ cha con làm Tổng thống, anh con làm Tổng thống rồi tới con, một họ Tưởng, một đảng, kế tiếp nhau làm Tổng thống thì trong mắt công chúng khó mà xóa được bóng đen kế thừa huyết thống. Nền dân chủ Đài Loan có thể thụt lùi.

Ra khỏi chùa Triều Âm lòng tôi cứ mãi ưu tư. Có phải nơi đây thờ Trịnh Thành Công là Quốc Tính Gia và quân sư Trần Cận Nam là hai người đã đánh đuổi quân Hà Lan chiếm cứ Đài Loan ba mươi tám năm từ Thiên Khải thứ tư triều nhà Minh đến năm Vĩnh Lịch thứ 15 tức Thuận Trị thứ 18 nhà Thanh, để dành độc lập và sát nhập Đài Loan vào bản đồ Trung Quốc, và nơi nào thờ người có công ra sức tranh đấu với triều đình nhà Thanh, tâu xin vua Khang Hy thu hồi quyết định bỏ Đài Loan và người con thứ sáu của Thi Lang là Thi Thế Loa làm thủy sư đô đốc tỉnh Phúc Kiến đồn trú ở Đài Loan năm Khang Hy thứ 16 (1677). Ngày 13/8 trời nổi quái phong bão tố làm dân Đài Loan chết rất nhiều. Thế Loa đứng ngoài trời suốt đêm ngày để lo cứu chữa cho dân mà chết. Lúc này dân số Đài Loan mới hơn mười vạn, để đến năm 1949 vợ chồng Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh bỏ

Trung Nguyên ra hải đảo này lập quốc, đến năm 1994 dân số là hai mươi triệu. Đài Loan có trữ ngân lớn nhất thế giới, có một nền công nghiệp vững chãi và ảnh hưởng rất lớn đến thế giới, để vừa rồi sau trận động đất tháng 9/99 tại Đài Bắc, cũng làm cho phần mềm máy tính của thế giới lên giá.

Đài Loan có kỷ luật rất nghiêm, mọi người dân ra đường đi xe máy đều phải đội nón bảo hộ, kể cả em bé. Quan chức hối lộ, những nhiều dân đều bị phạt nặng hay cách chức. Các vị lãnh đạo và nguyên thủ quốc gia là những người làm gương. Tưởng Kinh Quốc làm Tổng thống mấy mươi năm khi chết vợ con ở một ngôi nhà nhỏ trong hẻm, tài sản không có gì. Tổng thống kế nhiệm, Lý Đăng Huy, biết rõ tình cảnh này trích quỹ phúc lợi hơn một triệu đồng Đài Loan, khoảng 40.000 USD trao tận tay Tưởng Phương Lương, phu nhân Tưởng Kinh Quốc.

Luật pháp Đài Loan ngăn ngừa phạm pháp nhiều hơn là trừng trị phạm pháp, nên án chung thân rất ít, còn tử hình gần như không có. Tội trốn thuế ở Đài Loan không nghe nói đến, vì mọi người đến đóng thuế mà gần như không biết mình đã đóng thuế vì mọi việc đã đi vào nề nếp nên cứ thế mà thi hành.

Ở Đài Loan khi anh muốn mở một doanh nghiệp. Việc đầu tiên anh gửi một giấy báo đến một cơ quan giống như phòng kinh tế ở Việt Nam. Trình bày nghề nghiệp, việc làm, ý muốn của mình cũng như mặt hàng. Tùy tính chất kinh doanh hay sản xuất họ sẽ cử người đến quan sát, và cho chúng ta ý kiến là với địa điểm này có phù hợp, có đủ điều kiện để mở doanh nghiệp hay không? Nếu phù hợp họ sẽ là người lo thủ tục cho doanh nghiệp ra đời. Rồi họ theo dõi sự hoạt động cũng như nhắc nhở doanh nghiệp trong một điều kiện phù hợp với pháp luật. Họ sẽ cho ta biết thời gian nào ta phải đóng thuế, và báo cho cơ quan thuế đến làm việc. Và nếu có trục trặc hay trở ngại trong việc

kinh doanh hay sản xuất họ cũng bày cho doanh nghiệp biết phải làm đơn xin miễn giảm. Cứ thế tuần tự mà làm thêm có những mặt hàng hay điều kiện được miễn giảm thuế, một hai năm mà chủ doanh nghiệp không am tường luật thuế thì họ cũng báo cho biết để yên tâm, việc trốn thuế ở Đài Loan thật ít xảy ra.

Năm 2000 một vị đại sư trụ trì ở chùa Tu Nguyên Thánh Tự, ngôi chùa này nằm trên triền núi trên đường từ Đài Bắc ra sân bay quốc tế Trung Chính có lần tôi đã nhìn thấy mà chưa được đến thăm. Vị đại sư trên đầu có mười hai hai chấm chân hương, đi cùng ba mươi đệ tử trai có gái có sang thăm Việt Nam, và mua một trăm chiếc xe lăn của cơ sở Xe Lăn Tay Kiến Tường để phát cho người khuyết tật. Lần đầu tiên ông mời chúng tôi đến dự một bữa ăn tối tại nhà hàng chuyên bán lẩu dê và uống rượu X.O. Hơn mười cô gái đẹp từ Đài Loan qua cùng nhà sư thay nhau chúc rượu cho tôi say. *“Đúng là rượu nồng, dê béo, gái đẹp”*, để nghe tôi nói gì. Tôi nói gì làm sao tôi nhớ được. Trời cũng phải say, trời say trời cũng không nhớ gì. Chỉ có điều tôi biết dù ở chốn rượu thịt vị sư già trên tám mươi tuổi đó cũng được các đệ tử tôn kính một cách cao cả. Ông chính là bậc chân tu thượng thừa. Sau đó về khách sạn mười một giờ đêm, ông tỏ ý muốn ngày mai đến thăm nhà tôi, một số đệ tử của ông ái ngại, nên hỏi ông tại sao lại phải đến nhà tôi. Ông nói ông muốn đến để định vị phong thủy cho tôi làm ăn phát đạt, giàu có để giúp đời, giúp người. Tôi thì ái ngại về sự già nua của ông, nên nói với ông dịp khác nhưng ông nói ngay *“Only tomorrow”*, chỉ ngày mai. Một đệ tử của ông nói việc ông đến nhà một đệ tử là hiếm hoi, và mỗi lần ông đến ai thì thường họ phải cúng cho chùa năm ngàn đô-la trở lên, anh cúng bao nhiêu, một chút suy nghĩ trong cơn say, tôi tặng nhà sư ba chiếc xe lăn để Ngài cho người tàn tật, ông - OK! Đã gần mười hai giờ đêm phải tìm ngay một thông dịch viên giỏi

để sáu giờ sáng mai đưa ông lên nhà tôi ở Thủ Đức cách nơi ông đang ở hai mươi cây số.

Sư ông áo vàng rực rỡ trong sương buổi sớm, trông ông khỏe mạnh nhanh nhẹn như một vị La Hán, một vị Tỳ Kheo, một vị Bồ Tát. Ông nhìn ngắm chỉnh sửa định hướng bàn làm việc của tôi, rồi đến giường ngủ của tôi và các con tôi. Ông đồng ý với các bàn thờ trong nhà tôi. Nhà tôi có một gian thờ chính diện, thờ tổ tiên và cha tôi, bên phải thờ Phật Bà Quan Âm, bên trái thờ Quan Công. Tôi nói với ông, quan niệm của tôi thờ tổ tiên, cha mẹ là bậc sinh thành cho ta sự hiện hữu trên trái đất này. Bên phải thờ lòng từ bi bác ái của Phật, bên trái thờ lòng nghĩa khí trung liệt, thủy chung của Đức Quan Thánh. Ông cũng đồng ý với quan niệm của tôi. Người thông dịch là một người Trung Hoa đậu cử nhân Hán học Việt Nam, có ý kiến sao tôi là nhà doanh nghiệp mà không thờ Thần Tài, ông chỉ vào bàn thờ Quan Thánh đây cũng là vị Thần Tài, vị thần giàu lòng nghĩa khí trấn nhậm một phương, giữ yên kỷ cương gia đạo, kẻ bạo ngược hung tàn không dám đến, không dám xâm phạm gia cư, kẻ dữ phải lánh xa, người hiền tìm đến.

Sau khi đọc thần chú làm phép cho cháu ngoại “Bobby” Trịnh Quốc Phủ của tôi vừa hai tháng tuổi được khỏe mạnh, chóng lớn, mai sau khôn lớn, thuận thảo với mọi người, hiểu để với ông bà cha mẹ và có ích cho xã hội, chúng tôi ngồi với nhau đàm đạo về văn chương, đạo pháp. Nhà tôi có thờ bức tượng Đạt Ma Sư Tổ, trong chữ hiệu Kiến Tường có nghĩa sự tu luyện như Đạt Ma Sư Tổ Kiến Tường, nhà sư viết tặng tôi.

*Đạt Ma Tây phương lại
Toàn bằng tâm ý dựng công phu
Nhuộc yêu chỉ thương tâm Phật pháp
Bút chiến khiêu can Động Đình Hồ.*

Người thông dịch hỏi tôi Đức Đạt Ma từ Tây phương đến truyền phật pháp bằng tâm ý, nếu truyền phật pháp bằng chữ viết thì viết cạn Động Đình Hồ, không hiểu sao viết cạn Động Đình Hồ?.

– Phật pháp cao siêu, nếu diễn giải bằng chữ viết, mục để viết cạn Động Đình Hồ.

Một chiếc nút áo của ông tuột chỉ, vợ tôi khâu lại một cách cẩn trọng. Ông cầm bút viết:

*Từ mẫu thủ trung tuyến
Du tử thượng thượng y
Lâm hành mật mật phùng
Hán tử tất hồi qui*

Người thông dịch, người mẹ hiền cầm kim chỉ khâu lại chiếc áo của đứa con lãng tử, người mẹ làm một cách cẩn trọng, đứa con Hán tử sẽ tức tốc quay về, và người thông dịch nói tôi không hiểu tại sao Hán tử sẽ tức tốc quay về. Tôi trả lời, Hán tử là đứa con có học, hỏi vị đại sư – đúng, và hỏi tôi có học Hán học phải không?

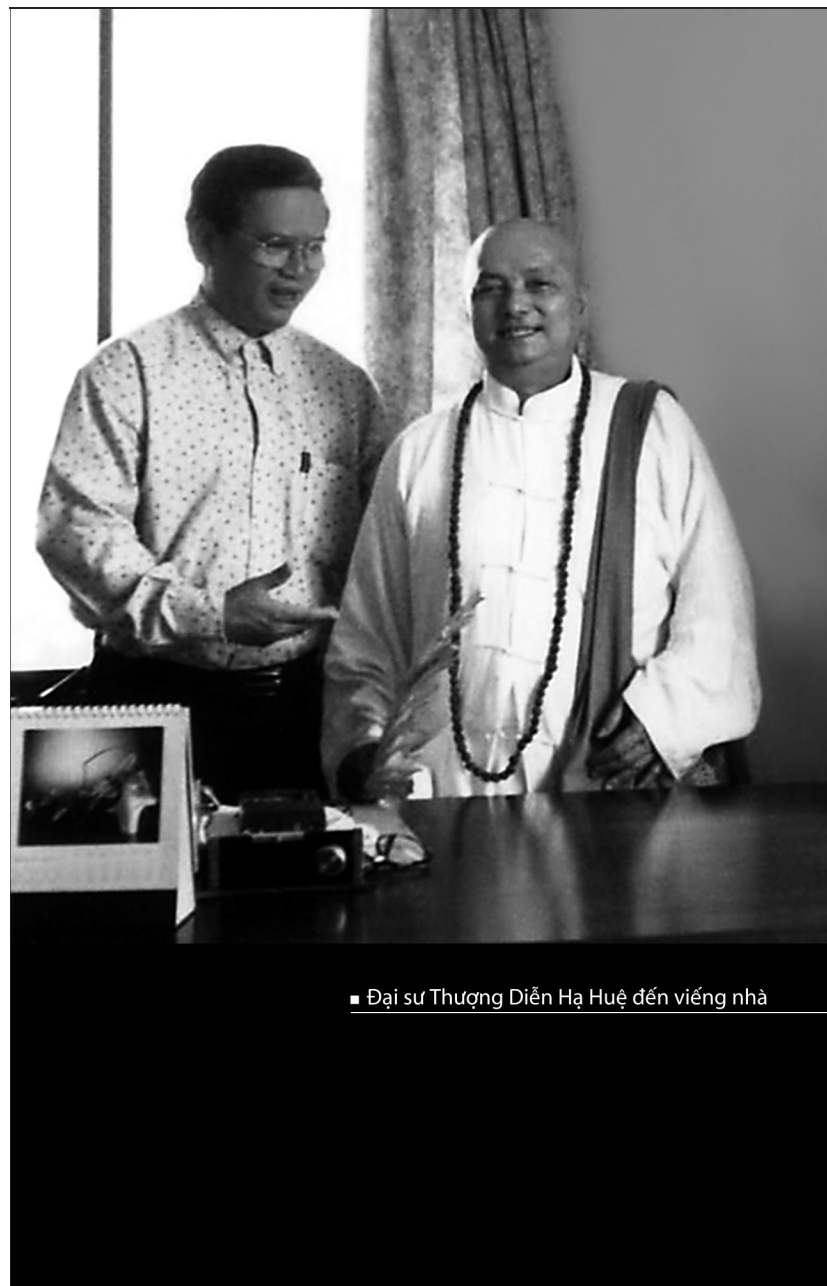
Trước giờ chia tay ông viết hai câu tặng tôi:

*Kiến thiết Việt Nam Quốc
Tuồng hòa độ chúng sinh.*

Tặng Tiến Toàn đại đức huệ tồn
Việt Nam Quốc trọng thu
Tỳ Kheo Thích Diễn Hạ Huệ hợp thập

Và người thông dịch lại hỏi tôi hợp thập là gì? Tôi chấp mười ngón tay.

Cuộc hội ngộ của gia đình chúng tôi với vị Đại Sư chùa Tu Nguyên Thánh Tự Đài Loan để lại cho tôi một cảm tưởng như



■ Đại sư Thượng Diễn Hạ Huệ đến viếng nhà

một sự trùng phùng của hai con người, của một sự giao cảm thông hiểu nhau, thấu triệt nhau như hai người bạn vong niên, như một thầy một trò hòa hợp. Một sự giao hòa của con người dù không đồng ngôn ngữ.

Khi tôi đưa những bút tích của ông cho các đệ tử của ông xem họ xuýt xoa: vạn hạnh vạn hạnh, chúng tôi sống với ông có người mười năm, hai mươi năm cũng không có được sự vinh hạnh như anh.

Tôi tiễn nhà sư đi về phương Đông, lòng vẫn còn vương vấn, sau này xem phim Anh Hùng Xạ Điêu, tôi thấy Nhất Đăng Đại Sư Đoàn Nam Đế từ bỏ ngai vàng, từ bỏ cung tần mỹ nữ để đi tu, trên đầu cũng chỉ có chín chấm chân hương, mà vị sư này đến mười hai chấm. Thật là một cơ duyên cho người phàm trần lấm hỉ nộ ái ố như tôi. Hay chính lòng tôi, ý tôi cũng có một phần đạo hạnh mà có lần nhà thơ Nguyễn Duy đã viết tặng tôi trong ngày kỷ niệm tôi tròn năm mươi tuổi:

*Kiến quốc vị vĩ nhân
Tường thành Thiên-Địa-Nhân
Tiến đạt lương danh thân
Toàn ý sinh đạo nhân*

Tôi cũng xin hợp thập khấu nguyện cùng trời đất cho thiện tánh, đạo tánh của tôi được phát sinh trường tồn trong tôi.

MALAYSIA NĂM 2000

Đại hội Thể thao Người Khuyết Tật Đông Nam Á năm 2000 được tổ chức tại Thủ đô Kuala Lumpur, Malaysia từ ngày 15/5 đến 20/5/2000, gồm bảy nước tham dự: Malaysia, Việt Nam, Philippines, Singapore, Indonesia, Lào và Myanmar. Phút cuối đoàn Thái Lan rút tên vì lo tập luyện cho Olympic Sydney 2000. Tổng số vận động viên lên đến 1.175 người, thi đấu 14 môn. Đoàn Việt Nam tham gia sáu môn: đua xe lăn, tennis, bóng bàn, cầu lông, cử tạ, bắn súng.

Đoàn Việt Nam gồm 25 người. 16 vận động viên và 9 cán bộ do ông Vũ Thế Phiệt, Tổng Thư ký Hội Thể thao Người Khuyết tật Việt Nam làm Trưởng đoàn. Thành phố Hồ Chí Minh có bốn vận động viên, ba cán bộ và một vận động viên cầu lông của tỉnh Vĩnh Long sát nhập luôn với đoàn TPHCM. Toàn đoàn đã mang về cho Việt Nam 20 huy chương Vàng, 5 huy chương Bạc, 3 huy chương Đồng, một kỷ lục có lẽ khó lập lại.

Đại hội khai mạc lúc 17 giờ 30 ngày 15/5/2000, dưới sự chủ tọa của Nhà Vua và Hoàng hậu Malaysia. Nhà Vua và Hoàng hậu đã bắt tay, trao quà lưu niệm cho từng đoàn, và cùng dự đến giờ phút cuối. Trong sự xúc động trước những bài ca, điệu múa của những người khuyết tật, Nhà Vua đã tặng Đại Hội 200.000 RM tương đương khoảng 60.000 đô-la Mỹ. Đoàn Việt Nam

không được hưởng phần nào trong khoản này vì đoàn đã ra phi trường vào buổi trưa trước đêm bế mạc.

Do kinh phí ít các vận động viên đều phải tự túc, Ủy Ban Thể dục Thể thao chỉ cho mỗi người 130 đô-la để đóng tiền ăn ở. Với số tiền ít ỏi này cho một tuần lễ cộng thêm phong tục Hồi giáo của nước chủ nhà là không ăn thịt bò, thịt heo nên sức khỏe vận động viên xuống thấy rõ. Vận động viên cử tạ Chu Văn Phi Quốc ở nhà tập luyện có thể cử được 130kg nhưng khi thi đấu chỉ nâng được 115kg, thua vận động viên Philippines cử 120kg ở hạng cân 65-70kg, chấp nhận huy chương Bạc trong sự tiếc rẻ và buồn đến rơi nước mắt. Bù lại, vận động viên Trương Công Hưng - Hà Nội ở hạng cân 60-65kg cử được 95kg vẫn thấy còn sức. Trưởng Ban tổ chức bộ môn Cử tạ trong giờ giải lao đến nói nhỏ với Hưng: *"Anh ráng lên 2kg nữa là phá kỷ lục bộ môn"*. Hưng lên tinh thần cử thêm 5kg để chẵn 100kg đoạt huy chương Vàng trong tiếng hoan hô vang động, mà trước đó vận động viên Trương Công Hưng đã đoạt 3 huy chương Vàng môn Xe lăn đua ở ba cự ly 400m, 200m và 100m nam. Ở bộ môn Xe lăn đua, Việt Nam có 3 vận động viên Trương Công Hưng - Hà Nội, Diệp Đức Quyền - TPHCM và Nguyễn Thị Nguyệt Ánh - Hà Nội đã tung hoành trên đường đua, ra sân là đoạt huy chương Vàng. vận động viên Diệp Đức Quyền trên xe lăn đua Kiến Tường với ba cự ly 800m, 1.500m và 10km đoạt luôn ba Huy chương Vàng. Chỉ có một đối thủ ngang tài là một vận động viên của Malaysia nhưng không đủ kinh nghiệm trên đường đua, bị Quyền bám sát, quay người nhìn lui hai lần leo lên ngã xe, bị Diệp Đức Quyền hạ gục ở cự ly 10km, vận động viên xe lăn đua Việt Nam đã tiến xa vượt bậc so với sáu năm về trước.

Hiện nay Việt Nam chỉ có đối thủ duy nhất là Thái Lan đã từng đoạt giải vô địch thế giới, ngoài ra ta không còn e ngại bất cứ vận động viên nước nào trong vùng Đông Nam Á. Vận động



■ Xe lăn Kiến Tường chiến thắng

viên Nguyễn Thị Nguyệt Ánh vừa mới đoạt giải vô địch Bán Marathon tại Hàn Quốc cách đây một tháng. Nếu được đầu tư đúng mức, các vận động viên Việt Nam chắc chắn sẽ không thua kém bất cứ một quốc gia nào trong vùng. Thiết nghĩ, Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia nên có kế hoạch đầu tư cho vận động viên khuyết tật như một bộ môn chính của ngành thể thao quốc gia; và có sự quan tâm đặc biệt để vận động viên đỡ phải tự xoay xở một cách tội nghiệp như hiện nay. Điển hình như vận động viên cầu lông Nguyễn Văn Tài – Vĩnh Long đã phải vay năm triệu đồng với tiền lãi 3% tháng, với hy vọng có được tiền thưởng để trang trải món nợ, và anh cũng đã mang về một huy chương Vàng đồng đội, một huy chương Bạc cá nhân, biến hy vọng thành hiện thực. Với số huy chương lớn như kỳ này, nếu cũng được thưởng như lần trước ở Thái Lan thì các vận động viên sẽ vô cùng xúc động và có điều kiện tập luyện.

Bộ môn bóng bàn kỳ này ra quân vẫn với bốn vận động viên kỳ cựu, hai đứng là Mai Ngọc Trung và Nguyễn Minh Phước đã từng đoạt huy chương Bạc Châu Á – Thái Bình Dương tại Đài Loan và hai vận động viên ngồi xe lăn là Nguyễn Văn Chiến và Vũ Đặng Chí. Cả bốn vận động viên này đã tung hoành trên đấu trường chiếm hầu hết các huy chương vàng, bạc của giải, loại hầu hết các đối thủ để Trung – Phước vào chung kết đơn, còn Chí – Chiến vào chung kết trận cuối.

Trận đấu đầy kịch tính giữa Nguyễn Minh Phước và vận động viên Myanmar, Phước bị dẫn trước 1-0 trong tiếng hoan hô vang động cầu trường của 100 vận động viên Myanmar, mặt Phước đã tái nhưng sau khi hít thở để lấy lại bình tĩnh, anh đã giành chiến thắng 21-18, 23-21. Bộ môn bóng bàn đã đoạt sáu huy chương Vàng và hai huy chương Bạc, đem vinh quang cho thể thao Việt Nam.



Trao huy Chương Vàng cho vận động viên
Diệp Đức Quyền trên xe lăn tay Kiến Tường
Malaysia - 2000

ANGKOR ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH

62

Người ta thường gọi là Angkor Thom và Angkor Wat. Angkor là đô thị, Thom có nghĩa là lớn. Tiếng Kampuchia Tà thom là ông lớn. Angkor Thom rộng lớn menh mông, tường thành có bốn cửa xây về bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Angkor Wat nhỏ hơn và đẹp hơn. Các bức tranh và hình tượng ta thường thấy cũng như trên lá cờ Kampuchia biểu tượng của đất nước này là năm ngọn tháp lớn, hình ảnh lung linh dưới đáy nước hồ trước mặt, mặt tiền quay về hướng tây. Đó chính là toàn cảnh của đền đài Angkor Wat.

Angkor là một trong bảy kỳ quan cổ của nhân loại. Angkor là niềm đam mê của mọi người. Một phụ nữ người Mỹ đã viết di chúc khi bà chết, di hài của bà phải được thiêu đốt, nghiền nát và rải trên lối đi vào Angkor Wat. Di chúc này được thực hiện vào năm 1936 để đến bây giờ khi ta lững thững bước vào đền Angkor Wat, trên lối xưa có cả hồn người và từng hạt bụi thân xác của bà. Tôi đã ở Kampuchia vào những năm 1986, nhưng chưa đến được Angkor mãi đến bảy năm sau, năm 2003 mới có dịp tham quan. Đường bay Tân Sơn Nhất – PoChenTong – thành phố PhnomPênh một giờ bay – từ đây đến Siem Riệp thêm một giờ đồng hồ nữa. Còn có một đường tàu cánh ngầm PhnomPenh-Siem Riệp, bốn giờ tàu chạy dọc trên sông Tông

lê-sáp. Hai bên bờ sông là vùng cây trái xanh tươi để đến Biển Hồ. Từ trên cao nhìn xuống ta mới thấy sự menh mông của Biển Hồ. Vừa là biển, vừa là hồ, vừa nước mặn cũng như vừa nước ngọt.

Biển Hồ có nhiều loại cá ở biển như cá mập, cá đuối, cá nhám, cá thiêu nhưng cũng có thật nhiều cá lóc, cá tra và nhiều nhất là cá linh. Cá tra đẻ ở Biển Hồ, trứng cá theo bọt nước trôi về Đông, trôi về Việt Nam, nở thành con, lớn lên mùa nước nổi trở về Biển Hồ đẻ, không đẻ nơi khác. Còn cá linh là loại cá dùng để làm mắm bò hóc. Tiếc một điều, từ máy bay ta không nhìn được sự hùng vĩ và to lớn của Angkor, mặc dù sân bay Siem Riệp cách Angkor không quá mười cây số.

Siem Riệp là một thành phố du lịch đang phát triển từng ngày. Người người từ Nam Vang lên Siem Riệp làm ăn ngày càng đông. Các khách sạn từ năm sao đến nhà nghỉ bình dân đang mọc lên như nấm đầu mùa mưa, để đón khách từ khắp nơi trên thế giới đổ về đây thưởng lãm một công trình điêu khắc nghệ thuật hàng đầu của nhân loại. Một công trình mà không thể nói là con người có thể làm được. Hàng trăm, hàng ngàn phù điêu tượng đá mà không thể nói hàng năm có thể hoàn thành. Đế Thiên – Đế Thích đã được xây dựng trong thời gian hàng mấy thế kỷ. Từ thế kỷ thứ VI, đến thế kỷ thứ IX cho đến thế kỷ thứ XIII. Công trình cuối cùng còn lại là tượng thần Bayon và tường thành Angkor Thom do một dân tộc, mà ngày nay chúng ta gọi là Văn minh Phù Nam (Founan). Dân tộc Phù Nam phát triển từ thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ sáu thì đất nước loạn lạc – Một vị Kambuja dẹp loạn thống nhất đất nước, đóng đô ở Angkor Thom và tên Kambuja có từ đó. Người Việt Nam gọi là Cao Miên.

63

Đến thế kỷ IX vua Jayavarman II thống nhất toàn cõi đất nước, đóng đô ở Kulen sau phá núi xây dựng Angkor, là một vị vua mở đầu cho kỷ nguyên Angkor, vị vua anh dũng đầu tiên truyền đến đời Jayavarman VII là vị vua cuối cùng của dân tộc Kambuja. Thời Jayavarman VII đất nước Kambuja vào những năm 1120 mở rộng đến Viên Chăn – Lào, phía Tây Nam của Miến Điện, Mã Lai phía đông Bắc, đó là thời cường thịnh nhất của Kambuja. Năm 1190, ông cử sứ thần sang Việt Nam mua chuộc vua Lý Cao Tông, rồi xua quân đánh chiếm thành, chiếm kinh đô Vijaya tức thành Bồ Đàn – Bình Định ngày nay. Khi đã chiến thắng ông cho xây dựng Angkor Thom với mười hai km thành lũy, tượng và thành Bayon. Từng đoàn người đông như kiến, người ta tìm thấy một tấm bia ở đền Prat Khan ghi có hai mươi ngàn tượng thần bằng vàng, bạc, đồng đen và trên ba trăm ngàn lao công gom về các đền thờ hàng ngàn ký vàng-bạc hàng chục ngàn viên ngọc. Sau đó vua Jayavarman VIII qua đời vì bệnh hủi. Người Thái Lan đem quân sang đánh, dân chúng mỗi một không còn một ai muốn chiến đấu, nên phải bỏ Angkor rút về Ô Đông rồi Phnompênh. Từ đó đất nước Kambuja không còn hùng mạnh nữa. Các nước liên bang xâu xé, nội tình rối loạn. Angkor bị quên lãng trong rừng già nhiệt đới. Mãi đến năm 1914 người Pháp mới tìm ra, thì đã bị kẻ cắp lấy mất các tượng và các phiến đá phù điêu đem đi bán.

Ngày nay, những ngày đầu năm 2003 – từng đoàn công nhân được sự tài trợ của Unesco cơ quan bảo tồn di sản thế giới trùng tu, lấp vá những gì đã mất, đã hư hao và đổ vỡ theo năm tháng, bù đắp được những phần hồn của người xưa. Chúng ta thử xem qua một cảnh đêm trăng ở Angkor, mừng chiến thắng của vua Jayavarman VII. Chiếm được kinh đô Đồ Bàn của Chiêm Thành trở về, mở cuộc luân vũ trên bệ trước đền Angkor Thom. Đêm náo nhiệt lạ thường.



■ Trên đất nước Campuchia

Tiếng hát, tiếng cười trong tiếng chiêng, trai gái, già trẻ xiêm y rực rỡ, mớ tóc loang loáng dầu dừa, tay bụng âu đồng lấp lánh, dất dàu chen chúc nhau vào cửa đền đứng chật cả sân, mắt chăm chú nhìn vào bệ. Một khúc nhạc bắt đầu nổi thì họ im bất như có lệnh của thượng đế. Nhà vua đội mũ mười chín tầng dát ngọc, trong đền từ từ bước ra, ngự trên ngai vàng, hai bên là các quan đại thần và những người thân cận. Văng vẳng có tiếng vàng chạm nhau, thoang thoang có mùi hương trong gió. Một đoàn Rmam (vũ nữ hay là con gái, ví dụ gà Rmam là gà mái), nhẹ nhàng uyển chuyển như một con na ga uốn khúc từ một phía hành lang, tiến ra đi hết một vòng bệ rồi tới trước ngai vàng quì xuống một lượt. Bao nhiêu đuốc bỗng tắt, chỉ còn ánh trắng lóng lánh trên những mũ và xiêm y dát vàng, dát ngọc của sáu trăm vũ nữ.

Nhà vua giơ tay lên ra hiệu, cả đoàn vũ nữ lùi ra, chia làm năm tốp như đóa hoa nở ra năm cánh, rồi khúc nhạc du dương nổi lên, quện lấy những tấm thân đầy đà nhưng vô cùng mềm mại. Một ngàn hai trăm bàn tay xòe ra một lúc và họ bắt đầu múa. Ta chỉ còn thấy một viên kim cương vĩ đại lặn chuyển dưới ánh trắng vàng vạc, chiếu ra hàng triệu tia sáng lung linh đủ các thứ ngọc ở xiêm Lào Pailin, tiết ra một mùi hương ngan ngát của các thứ trầm quý giá nhất ở Mã Lai, các thứ hoa thơm trong miền Siemreap. Hàng vạn cặp mắt không chớp, hàng vạn bộ ngực nín thở. Rồi một giọng hát từ trong sáu trăm cái miệng thoát ra, khi như bay vút lên cung trăng, khi như quuyến luyến trong cành lá, trong không trung, trong mây khói. Trong khi đó thì ở hồ Srah Srang, hồ Barai Đông và Tây hàng trăm chiếc thuyền sơn son thiếp vàng, chong đèn hai bên lướt trên làn nước phẳng lặng. Còn ở trong các đền TaKeo, TaProm, Banteai, Kdei, Meboa. Ta

som, Prak khan.... Giọng tụng kinh của hàng vạn Ô Lục làm vang động cả rừng thẳm, cả kinh thành Angkor Thom đêm nay ca khúc khải hoàn⁽¹⁾.

Năm 1296 một người Trung Hoa tên Chu Đạt Quan đến Kambuja đứng cúi mặt trước cảnh đồ nát của đền đài Angkor viết một cuốn sách du ký có đoạn về xây dựng Angkor.

Bảy trăm năm sau, tôi Nguyễn Tiến Toàn một người Việt Nam đứng lặng yên cúi mặt trước đền đài Angkor đã qua bao nhiêu triều đại. Tôi cảm thấy rờn rợn cùng một luồng khí lạnh chạy dọc xương sống lên đến tận gáy.

*Đối mặt với Angkor đồ nát
Đá cũng tan hoang hướng chi là kiếp người
Đá ơi! Xin tạc lại đây lời cầu chúc hòa bình
Nghĩ cho cùng mọi cuộc chiến tranh
Phe nào thắng nhân dân đều bại*

Nguyễn Duy

Hồn tử sĩ, hồn người ngàn xưa và nay vẫn còn lẫn quần đâu đây, trên đầu cây ngọn cỏ, ao hồ sông suối hay nằm yên trong tượng đá. Nơi đâu cũng đều toát ra một cái gì đó không chỉ ở vùng đất kinh đô này mà cả đất nước chùa tháp vừa như muốn níu chân người du khách, vừa như muốn thúc dục hãy về đi, để rời khỏi cảnh ma quái này!!!

Chúng tôi về lại Phnompênh tìm đến khu nhà người Việt Nam, định cư ở vùng Chu Tùng Qua, tìm đến đền thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh thắp cho Ngài một nén hương và tự hỏi sao ở đất nước linh thiêng này có đền thờ một người Việt Nam? Ngược dòng lịch sử ta mới thấy Lễ Thành Hầu là người được dân

(1) Trích trong quyển Đế Thiên Đế Thích.

chúng lập đền thờ nhiều nhất ở vùng châu thổ sông Cửu Long, vùng bến đò Châu Đốc, vùng cù lao Ông Thượng, và ở cù lao Phố Biên Hòa. Mọi người đều cảm ơn công đức của Ngài. Năm 1669 chúa Nguyễn Phúc Chu cử Ngài vào lập nền hành chánh ở vùng Nam bộ. Việc đầu tiên là tập hợp dân chúng tuyên bố xóa án cho những ai đã phạm tội từ trước, từ vùng ngũ Quảng vào đây. Từ nay trở về sau ai phạm tội sẽ bị trừng trị theo luật pháp hiện hành. Ai chí thú biết lo làm ăn, tập hợp được dân chúng khai hoang vỡ đất trồng trọt ruộng lúa hoa màu đều được tặng thưởng và phong cấp tùy theo số hộ dân dưới quyền của mình. Kêu gọi mọi người kê khai ruộng đất nhưng cũng nói với các quan chức thuộc quyền đừng nên quá khắt khe có thể du di cho họ, có một trăm mẫu chỉ khai năm sáu mươi mẫu là được, để khi đóng thuế số hộ kê khai, phần còn lại để họ lo ma chay cưới hỏi, lễ Tết hoặc cúng giỗ. Ân đức của Lễ Thành Hầu được truyền tụng râm ran trong công chúng, cuộc sống yên lành và no ấm đến với mọi nhà.

Vua Chân Lạp lo sợ sự ổn định của dân Việt Nam nên có ý đồ mang quân chiếm lại vùng Thủy Chân Lạp. Được tin, Lễ Thành Hầu đem đại quân đến vùng Tân Châu đóng quân để ngăn chặn. Đợi một tháng trời không thấy Chân Lạp đổ quân, ông điều lên Nam Vang, nhưng thấy phố vắng người. Vua Nặc Ông Thu và triều đình bỏ chạy về Ô-Đông. Lễ Thành Hầu ra lệnh toàn quân không được lên bờ, không được vào thành phố. Ai đụng đến dân, cướp bóc của dân đều bị chém đầu. Ông thân hành tìm gặp nhà vua bày tỏ lòng hiếu kính. Đây chỉ là một cuộc viếng thăm giao hảo, thiết lập bang giao để đem lại hòa bình cho hai dân tộc, rồi ông rút quân về. Trên đường rút quân về ông ngã bệnh và từ trần tại cù lao Cây Sao ở Tiền Giang, nay được mang tên cù lao Ông Thượng.

Cảm ơn công đức của Ngài nên nhiều nơi đã lập đền thờ Ngài, người dân Campuchia thoát qua một cơn đại hồng thủy mà trước đó họ nghĩ thành phố Nam Vang sẽ ngập chìm trong máu lửa tan hoang, của cải vàng bạc, tượng đồng tượng vàng của Cao Miên sẽ xuôi dòng Mê Kông về Việt Nam.

Nay ba trăm năm qua, tôi đứng thấp hương trước đền tượng của Ngài để chiêm nghiệm về cuộc đời đầy đầy hạnh phúc và tai họa này.

Angkor tháng 05 năm 2003

TRỞ LẠI NƯỚC MỸ

70

*T*háng bảy hai ngàn lẻ bốn. Nước Mỹ sau sự kiện 11/9/2001 các cổng vào sân bay Hoa Kỳ hâm hấp nóng. Bằng đủ mọi phương tiện, bằng đủ các loại máy móc tối tân nhất để dò tìm khám xét. Mất người an ninh như muốn nhìn xuyên suốt cả quần áo và tâm can các du khách. Khổ nhất là các bà, sau khi giữ bỏ mọi thứ bằng kim loại trong người ra cho vào rổ, như dây nịt, giày dép, nữ trang, nhưng qua cổng máy vẫn kêu, vẫn tru tréo làm các bà xanh mặt phải tự tìm lấy còn cái gì của mình. Thì ra vẫn còn có một cái ở chỗ đẹp nhất mà không thể bỏ ra là hai gọng sắt của áo ngực, các ông an ninh hầu như đều biết, còn các bà an ninh thì thường phải đưa khách vào phòng kín xem cho được cái của nợ này mới chịu.

Sau hơn mười lần ra nước ngoài vì lý do công vụ, đưa các vận động viên khuyết tật tham dự thi đấu thể thao ở các nước, đây là lần đầu tiên có vợ cùng đi, sang Florida thăm vợ chồng đứa con gái lớn. NiNa Nguyễn Thục Hoán, đứa con gái ngày xưa năm tám tuổi đã từng ngồi bán thuốc lá bên vệ đường bị người mua giựt trên tay hai gói Samit khóc hết nước mắt, cha mẹ cũng khóc theo vì đó cũng là một phần tài sản của gia đình. Sau mười năm du học Canada rồi sang Mỹ, hiện tại NiNa đang là Thạc sĩ Vật lý Y khoa làm việc ở bệnh viện bang Florida, Hoa Kỳ.

Vợ chồng và thằng con trai út, mười tám tuổi, học ở Mỹ gần một năm về nghỉ hè qua lại, sau gần 48 giờ đồng hồ từ Tân Sơn Nhất, qua Đài Bắc, đến Los Angeles thức trắng một đêm chờ đi chuyển nội địa Salt Lake, chúng tôi mới về được thành phố Orlando.

Lời đầu tiên tôi nói với con – Ngày mai con đưa ba mẹ đến nơi con làm việc để ba mẹ biết sau bao nhiêu năm nuôi con ăn học con đã làm được gì cho đời, cho người và cho con.

“Florida Hospital” là cả một khu phố nhà cao tầng có cả siêu thị nằm trong khuôn viên vài chục hecta. Trong đó có một khoa xạ trị, NiNa có một phòng riêng để làm việc và điều hành một bộ phận nhân viên khoảng tám người, hầu hết là người Mỹ. Họ vừa là những kỹ thuật viên tốt nghiệp cử nhân khoa học, vừa là người sử dụng thành thạo một máy điều trị ung thư bằng tia phóng xạ, chiếc máy cao hơn nửa căn phòng trị giá trên vài triệu đô-la. Chiếc máy được đặt trong một phòng cách ly bởi ba bức tường bê tông dày một mét, sàn nhà sát lòng đất, cánh cửa ra vào được đóng mở bằng điện tử độ dày nửa mét, để chống tia phóng xạ lọt ra ngoài. Con gái tôi chịu trách nhiệm về chiếc máy này để chữa trị cho các bệnh nhân đa số là đàn ông bị ung thư vòm họng và ung thư tiền liệt tuyến.

Nó cũng vừa trải qua một cuộc thi để đánh dấu một giai đoạn và khả năng chuyên môn, được công nhận là Nhà Vật lý học (Physicsis), sau hai năm nội trú (Residenci) ở một bệnh viện thuộc thành phố Menapolish, bang Menesota. Từ bệnh viện này, một nhà bác học đã công bố về gen của con người trong cách chữa bệnh.

Thạc sĩ Vật lý Y khoa rất hiếm, con gái học ngành này càng hiếm hơn. Được chọn vào học vật lý y khoa với những điều kiện khắt khe, ngoài chuyện học giỏi, thông minh, cần mẫn còn phải

71

yêu nghề và với lời thề hy sinh vì khoa học. Hy sinh ở đây không có nghĩa là bị nhiễm phóng xạ. Mỗi người làm việc ở khu xạ trị đều đeo trên ngực một chiếc máy nhỏ, và được kiểm tra thường xuyên, ai bị nhiễm phóng xạ máy sẽ nổi lên màu xanh mà chuyện này rất hiếm khi xảy ra.

Đời có nhiều việc bất ngờ, khi còn học ở trường Đại học North Carolina là một ngôi trường lớn hàng đầu của nước Mỹ, ngôi trường có đội bóng đá nữ là đội bóng quốc gia Mỹ đã đoạt nhiều huy chương vàng World cup, NiNa được dạy một lớp năm đầu của đại học. Một cô bé Việt Nam cao không quá 1m60 bước vào lớp hai mươi học sinh hoàn toàn người Mỹ với chiều cao trên 1m70 đứng lên chào cô. Cô giáo chìm khuất trong đám học trò và run lấy bầy, nhưng rồi cũng quen và các học trò đều lễ phép trước cô giáo nhỏ nhắn, xinh xắn của mình và hãnh diện vì mình có cô giáo người Việt Nam dạy vừa hay vừa thú vị.

Ở bệnh viện cũng vậy, sau cú sốc ban đầu, NiNa luôn được bệnh nhân và mọi người yêu quý. Đúng như lời hứa ban đầu khi được phỏng vấn, NiNa đã nói với vị trưởng khoa “tôi có gien làm việc của cha tôi là cẩn trọng, siêng năng và cẩn mẫn”. Trong công việc làm, các nhà khoa học luôn chú trọng đến gien di truyền và đã nhận đỡ đầu cho NiNa hai năm nội trú ở bệnh viện. NiNa được một nhà bác học, Tiến sĩ Huo, gọi phỏng vấn và ông ấy rất lý thú vì đứa học trò ngoan này, ông hứa sẽ giúp đỡ nhưng rồi ông lại nhận một người Mỹ. Khi được tin bị từ chối, đương đêm NiNa gọi điện thoại cho ông ấy và nói trong nước mắt của đứa con gái Á Đông – Ông đã làm tôi quá hy vọng rồi thất vọng. Tôi rất buồn, cha mẹ tôi bên kia bờ đại dương còn buồn hơn. Biết nói làm sao đây, cuối cùng ông vận động một nhà tài trợ để ông có thể nhận cùng một lúc hai nghiên cứu sinh. NiNa được nhận và đây là lần đầu tiên trong đời của nhà bác học nhận một lúc hai

nghiên cứu sinh, một nam Tiến sĩ người Mỹ và một nữ Thạc sĩ Việt Nam.

Mùa hè Florida thành phố rực nắng, nếu nói đến khí hậu thì Florida và Sài Gòn là một, dù cách nhau hơn hai mươi ngàn dặm bên đây và bên kia bờ đại dương. Cái khúc ruột thừa của bản đồ nước Mỹ dôi ra biển, Key West, nơi nhìn thấy mặt trời sớm nhất của trái đất của ngày đầu thiên niên kỷ, nơi mà một người đàn bà đã đổi năm trăm mẫu đất để lấy bờ biển, cải tạo thành bờ biển đẹp nhất thế giới. Hàng năm vào mùa hè cả thế giới kéo nhau về đây để phơi mình dưới ánh nắng. Tôi thì quá ngán cái nắng phương Đông, cái nắng Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi! nên đến bờ biển Florida ai cũng xuống nước rồi lên bờ phơi nắng, tôi vác một cái dù vĩ đại như một tàng cây mạnh bước trên bờ đại dương nước người đi dạo. Nếu như ngày xưa ông con trai út của tôi còn nhỏ cũng sẽ chạy theo ba, ngày nay Nguyễn Kinh Quốc đã gần hai mươi tuổi rồi, mới vào trường College ở Florida, thằng con mang từ Việt Nam sang một kỷ vật là tượng ba cô gái của ba miền đất nước Việt Nam để đóng góp vào Bảo tàng Văn hóa của trường, sau bốn lần lên xuống máy bay, đem đến cho cô giáo chủ nhiệm, trình trọng mở từng lớp giấy bao bì và nâng niu nhưng hơi oi! Cả ba cô gái đều rụng đầu vì tượng làm bằng đá Non Nước quá dòn. Cô giáo thì cười ngất còn thằng học trò mặt mày xanh xám xin lỗi cô và tức tốc chạy về nhà đem lại món quà khác, ba cái mặt nạ sân khấu hát bội, và giải thích cho cô giáo biết từng màu sắc của mặt nạ thể hiện cho từng tính chất con người; mặt đỏ thể hiện sự trung liệt kiên cường như Quan Công, mặt xanh thể hiện sự gian trá như Tần Cối, mặt đen thể hiện sự nóng nảy thô bạo như Trương Phi. Cô giáo quá thích – good – good – rồi đặt vào bảo tàng mà sinh viên các nước mang đến nhưng chưa có Việt Nam.

Kinh Quốc sống với chị NiNa được chị áp dụng chế độ sinh viên như hàng trăm sinh viên đã từng sống và làm việc ở Kiến Tường, từ dọn dẹp nhà cửa, cắt cỏ, nấu ăn. Mỗi chiều đi học về trước chị, nấu cơm chờ chị đi làm về, chị nấu thức ăn, cùng ăn và rửa chén. Chị NiNa tuyên bố đưa Kinh Quốc vào kỷ luật xem việc học như một công việc ở công sở phải có thời khóa biểu học và làm việc một cách đúng đắn. Những ngày đầu mới qua chưa có xe, buổi sáng Kinh Quốc chạy marathon 2km đến trạm xe bus đúng 6 giờ 30 đến trường, buổi chiều 4 giờ tan học, xin phép thầy giáo ra trước ba mươi phút chạy đến trạm cho kịp xe về, hôm nào lỡ trễ phải đợi đến ba tiếng đồng hồ sau mới có xe bus. Những ngày đầu nơi đất Mỹ là cả sự khó khăn về đời sống và việc học, khủng hoảng tinh thần đến độ phải uống thuốc giảm stress, may quá lần duy nhất chị đi làm về sớm thấy thằng em nằm cứng đờ, mắt mở trừng trừng, cấp tốc gọi 911 để xe cấp cứu chở đến bệnh viện, nếu không có chị hôm ấy thằng em có thể vượt qua thế giới bên kia thay vì vượt đại dương đi học. Con kinh hoàng đã qua, bây giờ tự lái xe đi học.

Phan Thanh Tòng, chồng NiNa là thạc sĩ tin học, đôi vợ chồng trẻ mơ một căn nhà ở bờ biển Florida nhưng tôi nói với con – các con còn trẻ khoan nghĩ cho mình mà hãy nghĩ đến gia đình, đến cha mẹ anh em, mọi người đã hy sinh cho mình thành danh. Và để ủng hộ lời nói của cha, năm nay, 2004, bốn con bảo đổ ập vào Florida mà gần một trăm năm qua mới có, bao nhiêu ước mơ về ngôi nhà ở biển đành tắt vụt.

Cuộc gặp gỡ của những người làm xe lăn

Hoa Kỳ có một trường đại học lâu đời trên một trăm năm mươi năm - Đại Học San Fransico. Trường Đại học này có khoa

cho người tàn tật. Giám Đốc khoa, Tiến sĩ Marc, phối hợp với một giòng tộc giàu có ở Na Uy đi khảo sát các cơ sở sản xuất xe lăn ở 64 quốc gia trên thế giới để tìm một nơi có khả năng sản xuất xe lăn chất lượng cao cho người tàn tật vì họ thấy nhiều nơi ở một vài quốc gia sản xuất xe lăn chất lượng kém. Trong 2 năm đi lại gặp gỡ và nghiên cứu, họ đã chọn cơ sở là Kiến Tường ở Việt Nam.

Với năm lần làm việc ở Kiến Tường là chúng tôi, lần gần nhất tháng 6 năm 2004 với đại diện giòng tộc ở Na Uy là hai Tiến sĩ của trường Đại học và Giám Đốc Khoa của Đại học San Fransico, khi ra về họ nói với chúng tôi: – Chúng tôi sang đây với ý nghĩ sẽ dạy cho quý vị làm xe lăn nhưng thực tế là học ở quý vị rất nhiều về phương cách sản xuất. Quý vị sản xuất bằng thủ công nhưng có một phương pháp kiểm soát chặt chẽ, mỗi một khâu sản xuất một bộ phận là liên tiếp có một khâu kiểm tra dây chuyền liên sau đó để đến khi thành phẩm là hoàn chỉnh. Chúng tôi dù sản xuất bằng máy, sản xuất hàng loạt vẫn thiếu đi khâu này. Hầu hết công nhân Kiến Tường đều lành nghề và cẩn thận, chăm chỉ trong sản xuất. Chúng tôi học ở Kiến Tường từ việc lớn đến việc nhỏ như mỗi ngọn đèn hàn có một cây nhang, lúc mới nhìn qua cứ ngỡ để thờ cúng nhưng nhìn kỹ mới biết để mỗi khi đèn hàn tắt, còn chúng tôi muốn mỗi đèn hàn phải bật quẹt lửa phòng tay là chuyện thường xảy ra. Việc này chúng tôi học và áp dụng đầu tiên.

Tôi chỉ cho họ trên vách của xưởng sản xuất với câu “*Cẩn trọng trong sản xuất, mềm dẻo trong kinh doanh*”. Sản xuất đã phải cẩn trọng là lẽ đương nhiên rồi, còn kinh doanh cũng phải mềm dẻo dù chỉ là cây kim sợi chỉ hướng hồ là xe lăn cho người tàn tật. Kinh doanh mềm dẻo để phù hợp với giá cả thời điểm hướng chỉ là kinh doanh với người tàn tật, bao nhiêu cảnh đời, cảnh ngộ và thương tật. Làm sao cho phù hợp với bệnh tật, nhất là với hoàn cảnh của từng người trong nỗi khổ ải của trần gian.

Đại học San Francisco chính thức mời vợ chồng tôi sang thăm và ký hợp đồng vào đầu tháng 8 năm 2004. Sau khi đi một vòng nước Mỹ từ Florida – Virginia Washington DC – Philadelphia – New York rồi California, chúng tôi đến San Francisco, qua hơn mười hai thành phố nước Mỹ bằng xe hơi là chính. Hẹn 12 giờ trưa ngày 04/8/2004 chúng tôi có mặt ở trường đại học. Trời thành phố Cựu Kim Sơn mát dịu, mọi người đều mặc áo vest đen đón chúng tôi một cách long trọng. Vì đường xa từ Cali đến, hơn mười tiếng đồng hồ trên xe sáu trăm dặm, tôi không áo vest. Sau phút gặp gỡ mọi người đều cởi áo vest và mời chúng tôi dùng cơm trưa ở một quán ăn người Tàu nói tiếng Việt với một lẵng hoa và hai chai rượu chát.

Cuộc hội ngộ càng thêm vui khi còn hai ngày nữa là đến ngày sinh nhật Tiến sĩ Marc, ngày ông đang tìm đường ra khỏi bụng mẹ để bây giờ ông làm xe lăn cho người tàn tật. Tôi có món quà từ Việt Nam mang qua nhưng không phải cho riêng ông mà cho cả Tiến sĩ Authur và ông Bob. Cũng là ba cô gái bằng đá vượt đường xa đến đây không biết còn nguyên vẹn hay không? Mỗi người chọn lấy một còn trong bọc giấy gói kín, nếu vị nào nhận phải một cô thành phé nhân cũng đành chịu, âu đó cũng là số phận, may quá cả ba đều toàn vẹn, mọi người đều vui nâng niu cô gái Việt. Ông Marc chính thức mời chúng tôi dự sinh nhật ông vào buổi chiều ở một quán ăn lưng danh thế giới về món bò bít-tết ở ngoại vi thành phố San Francisco cùng vợ của ông, người phụ nữ có mái tóc bạch kim. Bà là giám đốc một công ty điện thoại, đang ngồi trên chiếc xe lăn mà chính tay ông Mark sản xuất cách đây 18 năm sau tai nạn xe hơi. Chúng tôi tặng ông bà một bó hoa, một đĩa nhạc hòa tấu nhạc dân tộc Việt Nam và một đĩa nhạc Trịnh Công Sơn có hai bài Diễm Xưa và Hạ Trắng. Tôi nói với họ hai bài hát này được người Nhật yêu chuộng đặt tên Mỹ Tích và Nguyệt Hạ Mỹ Nhân, có nghĩa là người đẹp xưa



■ Nguyễn Tiến Toàn và những chiếc xe lăn 1987

và người đẹp dưới trăng, vẻ đẹp của bà tương xứng với hai bài nhạc này, tôi nghĩ ông bà sẽ hạnh phúc bên nhau khi cùng nghe hai ca khúc này. Chúc hạnh phúc muôn đời đến với hai người. Sau bữa cơm trưa chúng tôi về lại khoa người tàn tật của trường đại học để chính thức làm việc. Đầu tiên họ giới thiệu với chúng tôi những phương cách và dụng cụ giảng dạy cho người tàn tật. Một nữ giáo sư giới thiệu với chúng tôi một chiếc máy may hiệu Singer được gọi là cụ Singer vì cụ đã 155 tuổi nhưng vẫn hoạt động tốt, đặc biệt là cụ làm việc cho người không có hai chi dưới, nên thay cho hai chi dưới bằng cái cằm của người ngồi xe lăn sử dụng. Chỉ đặt cái cằm cần là máy chạy tốt, nhưng bà ấy lại bảo thói quen may ở nhà bằng chân nên khi để cằm vào máy thì cái chân của bà nó cứ cử động và dạn ra. Tôi nổi máu tiểu lâm nhảy phóc lên để cằm vào máy và chân tôi hẩy hẩy về trước, tôi nói đàn bà khi may thì chân dạn ra còn tôi đàn ông nên chân nguậy nguậy, thế là cả phòng cười ồ. Bà ấy cười nghiêng ngả, chúng tôi chưa dứt tiếng cười thì từ phòng bên lao ra một chiếc xe lăn đâm thẳng vào trụ cột ở giữa phòng một cái rầm, mọi người giật mình trở mắt nhìn, tôi vớ đại một chiếc xe lăn đang làm chưa sơn phóng lên lượn qua một vòng trong căn phòng nhỏ hẹp cũng đâm vào trụ cột thêm một cái rầm rồi đưa tay ra bắt tay người ngồi trên xe lăn, thế là chúng tôi hiểu nhau ngay phút gặp gỡ đầu tiên. Đó là một cách thử độ bền chắc của xe lăn. Ông kỹ sư, phụ trách về kỹ thuật xe lăn của trường, một con người trầm tĩnh được một chút buồn. Ông nói chiếc xe đầu tiên ông sản xuất cách đây 30 năm và giờ đây là chiếc xe mới nhất của ông đang ngồi. Tôi cũng là người sản xuất, chiếc xe đầu tiên của tôi là cách đây 20 năm, khi tôi sản xuất điều gì chưa làm được tôi đem cả lên giường ngủ, còn vợ tôi, tôi bảo xích xích ra. Chúng tôi hiểu nhau, nói với nhau như hai người bạn thân, trao đổi với nhau về những kinh nghiệm xe lăn rồi đến cả gia đình. Ông có gia đình nhưng



■ Hai người làm xe lăn ở hai bờ Đại dương

Ảnh chụp 5-8-2004

không có con, chỉ có một đứa con nuôi được hai mươi tuổi. Còn tôi có những đứa con thông minh học giỏi và thành đạt. Trong cuộc nói chuyện với ông, tôi nhìn lên giá để xe lẫn trên cao có hàng trăm chiếc, những mẫu xe lẫn của cả thế giới được sưu tầm ở đây, bất ngờ tôi nhìn thấy một chiếc xe mang nhãn hiệu Kiến Tường, tôi nói – Ông, kia là chiếc xe lẫn của tôi! Ông ấy – Tôi đã nhận chiếc xe này cách đây sáu năm, tôi làm đủ mọi cách để cho chiếc xe nó hư, nó vỡ ra bằng cách va, đập nhưng đành chịu. Tôi chỉ mơ có một ngày gặp được người sản xuất chiếc xe này, hôm nay tôi gặp ông ở đây như cuộc sống trong mơ... Tôi và ông cùng lẫn xe tiến lại gần nhau, choàng vai nhau, tôi nói chúng ta nắm tay nhau vì hạnh phúc nhân loại, vì người tàn tật. Chúng tôi nhìn vào mắt nhau, hai người đàn ông ở hai bờ đại dương không cùng tiếng nói màu da mà rung rung nước mắt.

Trời đã về chiều, chúng tôi chia tay để đi cùng với các bạn ông thăm chiếc cầu kỳ quan thế giới, cầu Golden Gate và thành phố cảng biển cũng là một thành phố đèo dốc, Cựu Kim Sơn. Chúng tôi hẹn gặp nhau vào đầu năm 2005 ở Việt Nam. Trước khi chia tay chúng tôi ký chính thức văn bản hợp đồng về việc cùng hợp tác sản xuất xe lẫn kiểu mới nhất của trường ĐH San Francisco mà theo lời ông là chiếc xe kiểu có thể lên xuống cầu thang hoàn toàn bằng tay. Sau khi ký xong văn bản này tôi chợt nhớ và thầm cảm ơn các quan chức Quận 11 đã giúp đỡ cơ sở chúng tôi di dời khi giải tỏa. Cơ sở chúng tôi nằm trong khu trường đua Phú Thọ mà bốn lần trước những người trong đoàn của trường ĐH San Francisco đến tham quan còn trong vùng ẩm thấp, nhà xưởng chấp vá, ọp ẹp, dơ bẩn chật chội. Tôi luôn luôn phập phồng lo sợ mai một sẽ đi đâu về đâu, chỗ ăn chỗ ở cho bảy mươi công nhân, rồi chỗ buôn bán, địa chỉ liên lạc, mặt bằng sản xuất... Hàng trăm câu hỏi trong đầu, nhiều khi đánh liều tới đâu thì tới, nếu cần nhà nước đền bồi chia cho công nhân mỗi người

vài triệu đồng rồi giải thể cơ sở để họ về quê làm ăn, còn tôi về ngoại ô thành phố sản xuất nho nhỏ bán xe lẫn. Đất đai nội thành đành chịu thua, gần hai mươi năm làm xe lẫn thu nhập chỉ đủ mua sắm trang thiết bị, sửa chữa nhà xưởng còn trông ngóng gì hơn, hỏi thăm chung cư một phòng mặt tiền dưới đất giá mấy trăm triệu, không mua nổi còn hy vọng gì, chỉ chờ mấy ông Tây sang nói lời từ biệt.

Nhưng rồi một hôm chúng tôi nhận được giấy mời sáng ngày 22/11/2003 đến số 50A đường Phú Thọ nhận mặt bằng di dời xưởng cấp tốc trong vòng ba ngày, Sea Games sắp đến. Buổi sáng đến cổng sau đường Minh Phụng, một người đàn ông dựng xe Honda trước cổng, vợ tôi đến xin lỗi – Anh dắt dùm xe qua một bên để cán bộ Quận đến giao mặt bằng cho cơ sở chúng tôi.

– Anh chị không nhớ tôi sao? Tôi Nguyễn Văn Hiệp – Phó Chủ tịch Quận 11 đến giao mặt bằng sản xuất cho anh chị đây.

Úi cha! Người quyết định vận mệnh cho mình và cho hơn bảy mươi công nhân cùng với bao nhiêu người tàn tật đây mà mình không biết, thật là vô tình, quá vô tình, hơn mấy chục năm ở Quận 11, ngày lo làm tối về nhà ở Thủ Đức không hề biết đến ai, có lỗi, quá có lỗi. Sau đó đại diện các ban ngành Công ty Dịch vụ Công ích, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Công nghiệp và văn phòng UBND Quận 11 cùng có mặt. Ai cũng biết Kiến Tường sản xuất xe lẫn, một mặt hàng nhân đạo cần giúp đỡ, đến để giao cho một nhà xưởng của xí nghiệp Nhựa Phú Thọ vừa dời đi nơi khác để Kiến Tường có một nơi rộng rãi thông thoáng đủ điều kiện và phù hợp cho việc sản xuất xe lẫn mà lần cuối cùng phái đoàn trường Đại học San Francisco đến thăm yên tâm để ngày hôm nay ký hợp đồng sản xuất.

Xin gửi đến ông Nguyễn Văn Hiệp, ông Lê Văn Ngân, các vị lãnh đạo cùng các ban ngành Quận 11 và đất nước, một lời cảm

on chân thành đã giúp đỡ chúng tôi một cách vô tư vì sản xuất công nghiệp và vì lợi xã hội.

Chúng tôi lên xe với Tiến sĩ Au Thur và Giáo sư Robert đi thăm cầu Golden Gate, chiếc cầu huyền thoại, đã lên cầu gieo mình xuống biển là không bao giờ còn sống. Một gia đình lãnh thầu sơn cầu cứ giáp một năm là cũng vừa quay lại. Chiếc cầu kỳ quan của thế giới được xem là chiếc cầu dài nhất thế giới ở đầu thế kỷ 20.

Chiếc cầu đứng thứ hai là cầu Paul Doumer (cầu Long Biên) bắc qua sông Hồng của Việt Nam. Đem cầu Long Biên mà so sánh với cầu Golden Gate là đem gà mà so với công, nhưng thời bấy giờ chỉ có một con công nên con gà chọi số một của Đông Dương cầu Long Biên cũng không hổ danh.

82

Chiếc cầu màu cam trong nắng chiều đỏ ối, những sợi dây treo móc trên hai đầu trụ treo chiếc cầu bằng qua eo biển làm chiếc cầu đóng đưa trong nắng vàng, ôi đẹp làm sao!!! Người người đổ về đây quay phim chụp hình, chỉ cần thu phí qua cầu cũng đủ nuôi hàng vạn người. Ngày 27 tháng 5 năm 1937 khởi công, cầu dài 2km 7, khi khởi công nhiều người nói không thể xây được, nhưng bốn năm sau cầu được khánh thành và thông xe thì không ai khỏi trầm trồ. Cầu nối liền thành phố San Fran và huyện Malin, mỗi ngày có 120.500 chiếc xe chạy qua cầu, đó là chuyện năm 2001, còn nay tôi đứng bên này cầu nhìn qua bên kia ngút ngàn và xe nối liền nhau như những sợi chỉ đủ màu liền nhau. Tiếc một điều sao Cam Ranh Việt Nam không có một phần nào của cảng San Fran. Cảng Cam Ranh có thể trở thành San Francisco của bên này bờ đại dương, vị thế giống nhau, một cảng biển nước sâu, vị trí như nhau, nhưng con ốc sên Cam Ranh vẫn chỉ là con ốc.

Từ già cầu Golden Gate. Tôi đã đi bằng xe hơi từ Virginia lên Washington DC qua Philadelphia rồi đến New York, bay chuyển nội địa sáu giờ đồng hồ để qua Los rồi mất gần mười tiếng trên xe hơi đến San Francisco, rồi bây giờ từ San Fran lại trở về Nam Cali bằng đường bộ để nhìn thấy nông nghiệp của Mỹ. Mỗi người nông dân canh tác 180 ha, vùng nào đậu phộng chỉ toàn là đậu phộng ngút ngàn, bắp chỉ toàn là bắp. Đường từ Santa Anna – San Fran bỏ hàng triệu con, bò đen, trắng đứng đa đủng đỉnh gặm cỏ, lâu lâu mới thấy một nhà máy sản phẩm sữa và nhà máy cỏ. Cỏ được đóng thành bánh một khối vuông, và hàng đoàn xe chở cỏ.

Những nhà máy đóng đồ hộp liền với đồng cỏ và bò. Một cậu con trai con một nông dân ở thành phố về quê thăm nhà, người cha khoe với con đây là nhà máy, lừa con bò vào đầu này và xúc xích ra đầu kia. – Đầu có hay ba – Con sẽ nghiên cứu để chế tạo nhà máy bỏ xúc xích vào là ra con bò mới hay, người cha – Có máy mẹ mày!

Năng suất lao động nông nghiệp của Mỹ cao nhất thế giới, một người làm có thể nuôi sống 79 người, một nông dân bình quân có 180 ha, nhưng để các nông trại nhỏ và vừa tồn tại, nhà nước phải hỗ trợ mỗi năm, như năm 1986 là 26 tỷ đô-la. Đất nước ta giảm hay miễn thuế nông nghiệp là phải.

83

LAS VEGAS MỘT KỲ QUAN KỲ QUÁI

84

Đến Hoa Kỳ không thể không đến Las Vegas. Tôi qua Mỹ ba lần có hai lần đến Las Vegas. Vào năm 1999 tôi là Trưởng đoàn Thể thao Người Khuyết Tật Việt Nam đưa các vận động viên khuyết tật sang dự giải Marathon Quốc tế ở New York, sau khi hoàn tất nhiệm vụ, tôi về Cali, thủ phủ người Việt Nam định cư ở Mỹ, em gái tôi cùng vợ chồng ca sĩ Thanh Châu đưa tôi đi. Đi đêm sáu giờ đồng hồ xe chạy băng qua sa mạc. Từ trên dốc cao tôi thấy một cục sáng, rồi hàng ngàn vạn thứ, đèn ỏi là đèn, đèn như trời thấp chứ không phải người thấp, người phải biết tiết kiệm điện, có đem cả thủy điện Trị An qua đây cũng không thấp đủ cho cái sông bạc này!

Chạy một vòng “thành phố đèn điện” lúc hai giờ đêm, chúng tôi đến khu mới nhất, thành phố Paris. Nơi đây có đủ Khải Hoàn Môn, tháp Eiffel như ở nước Pháp. Vào bên trong là một thế giới khác, cả một bầu trời rộng lớn, có mây, có trăng sao như đang ở mùa thu Paris ẩm đậm sương mờ. Tôi ở suốt một ngày là nghe lạnh xương sống. Người người lặng lẽ ít ồn ào, người nào cũng trầm ngâm bên các sông bạc, lắm trò chơi, đủ cỡ, nhỏ nhất là một đồng kẽm 25 xu bỏ vào máy, kéo một cái là

xong, đến những bàn sập xám bảy lá, mười ba lá, những canh bạc năm, mười ngàn đến vài chục ngàn đô-la.

Đêm khuya Thanh Châu được ưu đãi ở phòng khách sạn không tốn tiền, vì anh cũng đã cống nạp cho nơi đây không dưới vài trăm ngàn đô. Phòng khách sạn sang trọng tôi chưa từng thấy, đẹp, sạch, giá 295 USD một đêm. Theo thói quen quê nhà, sáng nào cũng năm giờ thức dậy, tôi cầm chìa khóa xuống lầu nhập cuộc cho biết với đời. Tôi lang thang qua các nẻo, chơi mỗi thứ một ít, nhưng chỉ chơi ở dạng cò con từ 25 cent đến 25 đô-la để đợi trời sáng. Trời mãi không sáng, đợi vợ chồng Thanh Châu đến mười giờ không thấy xuống, tôi lên phòng, lúc này mới biết chìa khóa không có số phòng, nó như một thẻ điện thoại, cả ngàn phòng giống nhau như đúc. Thế là tôi lạc lối đào nguyên! Tôi đành trở lại sông bạc đánh nho nhỏ đợi bạn. Một sông xì-lác có hai người, một người đàn bà trung niên và tôi. Tôi chả có rành rẽ gì về bài bạc, đánh cho vui, nếu có thua vài chục đô cũng là đóng tiền điện. Mọi người nói ai đến đây cũng phải đóng tiền điện, thế thôi! Bà sành điệu mà thua toi bời, còn tôi rỉ rả cứ năm mười đô mà ăn quá cỡ.

85

Bà tức mình thấy tôi đánh những cây bài vô lý mà vẫn thắng, rút ba cây mười bốn điểm, tôi không rút nữa mà vẫn thắng. Bà hỏi tôi bằng câu tiếng Anh:

- *Where are you from?* (Anh từ đâu đến?)
- *I'm from Viet Nam.* (Tôi từ Việt Nam.)
- *Anh qua hồi nào?*

Chợt bà hỏi tôi bằng một câu tiếng Việt. Bà là người Việt Nam ở Mỹ lâu năm. Chuyện qua lại đôi điều rồi đường ai nấy đi, gặp nhau ở đường đời còn hy vọng giúp nhau, còn gặp nhau nơi này chẳng lẽ giúp nhau cho mau sạt nghiệp.

Đến mười hai giờ trưa mà bầu trời vẫn còn trăng và sao. Tôi quá mệt mỏi trong cái khí u ám như cõi âm này. Cả thành phố Las Vegas không đồng hồ, không canh sát. Hai điều người ta tránh, không đồng hồ để không định thời gian, không canh sát để khỏi lo âu. Rồi vợ chồng Thanh Châu xuống lầu, đưa tôi đến một nơi khác, bầu trời cũng âm u nhưng đỡ hơn, xứ Hy Lạp, trời có sáng hơn, nhưng mặt người vẫn đờ đờ, xanh, vàng theo từng con bạc. Vợ chồng Thanh Châu nhập cuộc, và tôi còn mấy trăm đô ăn được bên Paris cũng nhập cuộc nhưng với tâm trạng khác, chỉ mong chóng thua cho hết phần ăn của người, của thiên mình trả cho địa thì may ra mới thoát khỏi chốn này. Tôi đánh bại hơn, cũng kéo đến gần năm giờ chiều, thua hết phần ăn, mất thêm phần mình năm chục đô nữa, phải tay nói như rỗng, rủ người bạn cùng đường cho mình về. Tôi rời Las Vegas trong tâm trạng chán chường, mệt mỏi không thể tưởng và để nói một câu *Người ơi, người nghe lời ta cầu nguyện / Đừng đến đây mà gia đạo u sầu.*

Đến Las Vegas lần này tôi muốn tìm xem đâu đó hay một khu giải trí nào có bài thơ Màu Tím Hoa Sim của Hữu Loan mà ở Việt Nam báo chí đã đưa tin sẽ giới thiệu vào đầu tháng 4 tại Las Vegas, nhưng mệnh mông biết đâu mà tìm. Lần đầu bị mờ mịt trong khung trời mùa thu Paris nên không thấy gì. Lần thứ hai vào ngày 15/5/2005 cũng đúng vào sinh nhật con gái tôi, ba mươi ba tuổi, NiNa Nguyễn Thực Hoán là nhà Vật lý y khoa đang làm việc ở một bệnh viện bang Florida, và cũng là ngày kỷ niệm 100 năm thành lập sông bạc lớn nhất hành tinh này. Ở đây cái gì cũng lớn, cái gì cũng vĩ đại, phải gọi là King size. Cây tầm họ có thể thành cột nhà, chai Coca Cola dựng trước mặt bên trong là thang máy, con sư tử vàng biểu tượng cho hãng phim MGM đứng sừng sững giữa trời. Tòa nhà nào cũng quá cỡ, mà

quá cỡ của nó là dân số bang Nevada năm trăm ngàn người mà có hai trăm ngàn máy đánh bạc.

Từ phi trường Jonh Wayne, Santa Ana, miền Nam Cali sang, chỉ một giờ bay đã đến sân bay Las Vegas, nằm ngay trong thành phố. Xuống máy bay năm phút là vào nhà ga, bước vào nhà ga là các “tướng cướp một tay” đã sắp hàng chờ sẵn, tiếng kêu rẹt rẹt, loảng xoảng, ồn ào chào đón du khách – Đó là các máy đánh bạc, bỏ tiền vào, cầm cần gạt xuống một cái, nếu trúng thì một nắm tiền các lèng kèng tuôn ra. Nếu không thì bỏ tiếp vào kéo nữa, đến khi nào hết tiền đứng dậy đi về, từ 25 cent đến vài trăm đô đều chơi được.

Các tướng cướp đứng khắp nơi, dọc theo lối đường đi, nơi đợi nhận hành lý, trước cửa các phòng vệ sinh, tràn trọng chào đón những con người khôn ngoan hay những con thiêu thân đang dấn thân vào chốn tốt cùng vinh quang mà cũng tốt cùng cay đắng. Tốt cùng vinh quang vì thấy rất nhiều những canh bạc xì phé lớn nhất hành tinh được trực tiếp truyền hình cho mọi người xem, những người thắng được tôn vinh lên tận trời xanh, có xe ba cửa, có người hộ tống đưa về đến tận nhà, ngược lại những kẻ thua sạt nghiệp gần như điên khùng thì họ cũng không để phải quẩn trí tự vẫn ở Las Vegas mà cũng tạo điều kiện đưa trở về đến quê nhà.

Đến đây kẻ thắng thì huênh hoang, người thua thì lầm lũi, cũng có người tạo sự nghiệp bằng hai bàn tay trắng. Vào dịp tôi qua, đang đi vào chung cuộc của những tay xì phé lớn nhất hành tinh, tổ chức ở Khách sạn năm sao Ballagio, có bốn người Việt Nam vào chung kết để một người đoạt quán quân thắng một canh bạc sáu trăm ngàn đô-la. Những cuộc thắng này chỉ đẩy người Việt Nam vào sâu trong sự nghiệp trắng tay. Hai ngày hai đêm lang thang theo những con bạc, từ khu The Mirage, Monte

Carlo đến khu Caesar Palace, tôi thấy đa số người Việt Nam đánh lớn thua nhiều.

Người Việt Nam từ khắp nơi đổ về, người nào cũng mang theo vài chục ngàn đến hàng trăm ngàn đô-la đổi lấy những đồng nhựa (chip) có mệnh giá từ năm đô (màu đỏ), một trăm đô (màu đen) đến một ngàn đô (màu tím), để có những bữa ăn sáng, ăn trưa, ăn tối thịnh soạn bậc nhất, ở trong những phòng ngủ sang trọng bậc nhất, rồi phui tay ra về, đã để lại một nỗi xót xa trong tôi, nỗi xót xa của một doanh nhân kiếm từng đồng tận nơi quê nhà.

Nói vậy chứ mình cũng chẳng khá gì hơn, cũng phải đóng tiền điện không ít thì nhiều. Ngày hôm trước thua bảy trăm các con tôi hỏi – Ba có gỡ lại không? – Có! Ba gỡ cho đủ một ngàn rồi nghỉ. Quả thật không sai, mờ sáng hôm sau là nhập cuộc. Buổi sáng ít người chơi nhỏ từng đồng như mình, họ còn tiếp đón. Đến trưa mà chơi như mình thì không có cửa để vào, và chỉ ba giờ sau là đủ số tiền điện. Phui tay không vào sòng nữa, tôi tìm ra đường. Càng về đêm người ra đường càng đông, đổ về các sòng bạc, người đi bộ cũng nhiều, người người đi từng đoàn đến mòn đường vệt đá, tôi có cảm tưởng nếu một ai nhảy dù từ trên trời xuống bảo đảm không đụng đất mà sẽ rớt trên đầu người. Xe cộ cũng nối đuôi nhau thật dài nhưng rất thứ tự. Nơi đây có đủ các món giải trí, nhạc nước, vũ thoát y, đánh nhau thời Trung cổ... hay những rừng hoa với hàng ngàn hàng vạn hoa tulip đủ màu, những con ốc sên được kết nối bằng hàng trăm bông hồng thật đẹp mắt và lạ lẫm. Tôi lang thang trở lại khu Paris của sáu năm về trước. Nơi này lịch sự và trầm lặng, các cô chia bài đa số rất đẹp, hầu hết nói tiếng Pháp. Một tượng đồng người lính Pháp, không mang súng mà lại cầm đàn, có nhiều người đứng vây quanh bỏ nhiều đồng tiền dưới chân tượng. Có một người đưa tay bắt, có người đưa tiền tượng cũng lấy. Mới nhìn thấy là

tượng, sau mình tưởng là robot nhưng khoảng một tiếng đồng hồ ông này nhảy xuống bệ, ông khác lại nhảy lên, hóa ra tượng giả người. Còn đây người giả tượng y như thật.

– Đến đây ngán lắm các con ơi! cho ba ra khỏi thành phố này! Cả thành phố Las Vegas bằng khoảng ba quận, quận 1, quận 3 và quận 5 của Sài Gòn.

Tôi muốn đi về vùng ngoại ô cho đỡ ngột ngạt, đến thủy điện Hoover – Dam, nguồn thủy điện cung cấp điện năng cho toàn thành phố nê-on Las Vegas, hướng về tiểu bang Arizona, những vùng sa mạc, những núi đồi hoang vu, một thời của người da đỏ bây giờ còn sót lại, dọc đường có vài người ngồi bán những vật lưu niệm của ông cha họ cho du khách ngày nay.

Vợ chồng tôi, con trai, con gái cùng con rể và cô em gái tất cả sáu người được mấy người bạn tặng cho các phiếu ăn buffet ở nhà hàng năm sao Ballagio suốt hai ngày đêm. Nói chuyện đánh bạc cũng phải nói luôn đến chuyện ăn ở. Ăn ở nơi đây thuộc vào các canh bạc. Số tiền đổi từ tiền mặt ra đồng nhựa kèm theo phiếu ăn và phòng ngủ để có những bữa ăn sáng, ăn trưa, ăn tối và ngủ một, hai hay ba đêm của khách sạn năm sao. Với số tiền đổi như tôi một, hai trăm đô thì không có phiếu, nếu có chỉ đủ ăn bánh mì hay hủ tít ở khu phố Việt Nam. Còn những phiếu ăn trị giá bốn mươi lăm đô-la cho một người còn phụ thu mười tám đến hai mươi đô thì thức ăn ở đây món gì cũng có, từ món tôm hùm đút lò đến cang cua dài cỡ bốn, năm mươi centimet, muốn ăn bao nhiêu cứ việc ăn; đến hàng chục loại Pizza ngon nhất nước Ý cũng như những miếng thịt bò nướng thật tuyệt vời. Nhưng đừng dại dột gọi thêm một đĩa rau muống mười lăm đô là ta sẽ có một đĩa cao su sợi xanh xào tỏi, dai nhách, nuốt đại cho xong.

Những phòng khách sạn trị giá ba trăm, năm trăm đô đến ngàn đô một đêm, sang trọng hàng đầu của thế giới cũng ở nơi này. Trong dịp kỷ niệm 100 năm Las Vegas, người ta khai trương khách sạn Wynn, hiện đại nhất thế giới, có hình dáng cong cong, nằm ngay trung tâm thành phố và muốn có những bữa ăn, những phòng ở tiện nghi bậc nhất, người chơi phải bỏ những số tiền để đổi lấy đồng nhựa trị giá hàng chục, hàng trăm ngàn đô la.

Và có lẽ sau lần đến sòng bạc kỳ này, khó mà chúng tôi quay lại. Sòng đời đã lấm phen lặn độn, vào sòng bạc trước sau rồi cũng thua trắng cả đôi tay!!!

Las Vegas tháng 4/2005

ẨM THỰC NGƯỜI VIỆT Ở MỸ

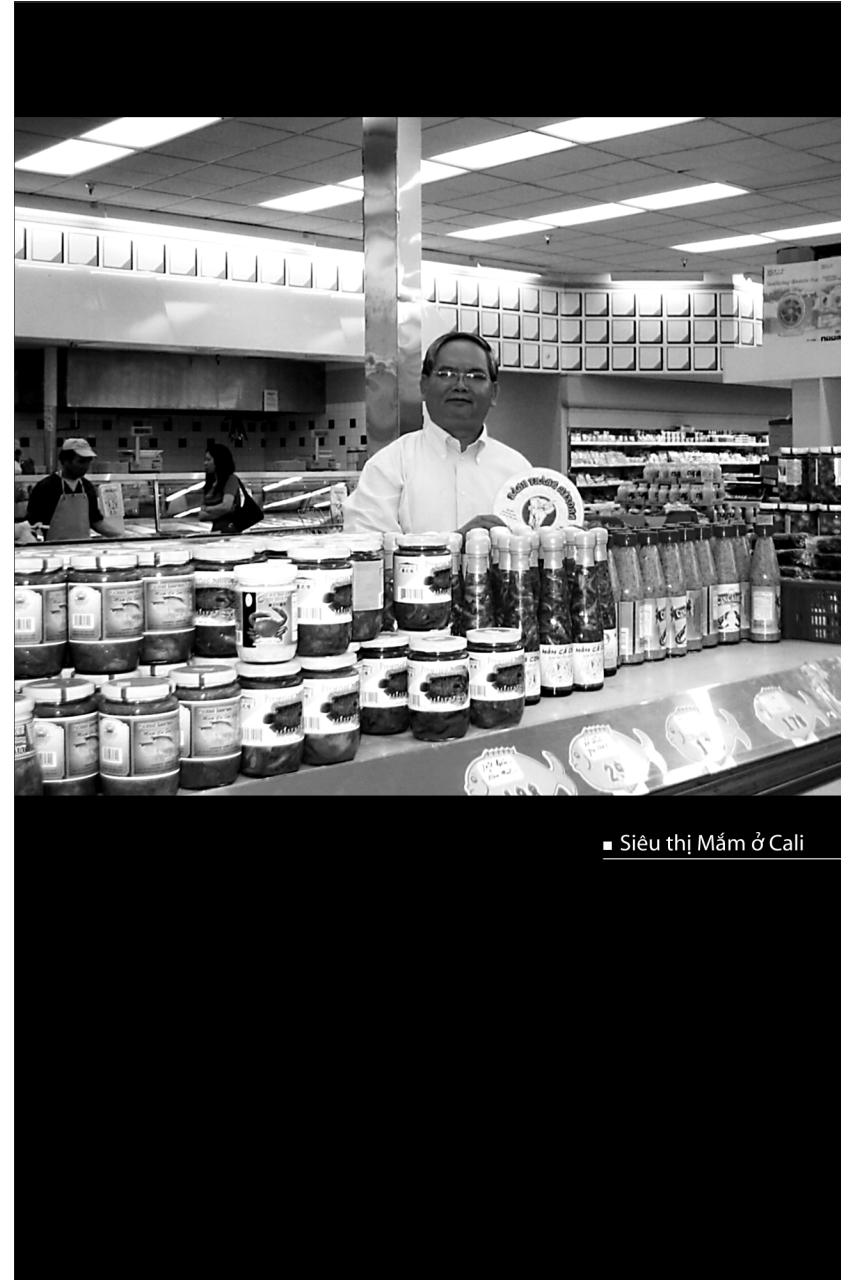
Nói về cái ăn, nhân loại có hai nền văn minh chính liên quan đến cái ăn. Đó là văn minh lúa nước và văn minh đồng cỏ. Văn minh lúa nước là gạo, cơm, cá, mắm...; văn minh đồng cỏ là lúa mì, bánh mì, thịt, sản phẩm từ sữa, trứng... Có hai sản phẩm tương xứng nhau là mắm và pho mát. Mắm có vô số thứ mắm như mắm nêm, mắm ruốc, mắm đồng, mắm lóc v.v... Pho mát được chế biến từ sữa có nhiều loại, có những loại pho mát thật thơm ngon nhưng cũng có cái rất nặng mùi.

Hai người bạn Việt Nam ở chung một nhà, một người có chồng Mỹ cao 1m90 nặng 90kg, một người có chồng Việt Nam cao 1m70 nặng 75kg. Đến bữa ăn, người có chồng Mỹ đập hai cái trứng cho vào chảo bỏ thêm pho mát quậy quậy đổ ra đĩa bung cho chồng gọi là món trứng omelette ăn với bánh mì sandwich, người có chồng Việt Nam cũng thế nhưng thay pho mát là một món mắm cùng hoặc mắm ruốc quậy với trứng để ăn với cơm. Hai người đàn ông trao đổi món ăn với nhau và ai cũng ok! ok!, giơ ngón tay cái lên number one (số một), nhưng thật ra người nào cũng thấy có mùi không vừa ý vì nó không phải là mùi của quê nhà. Nhà ở đây theo Bùi Giáng "Mình ơi! ta gọi là nhà, Nhà ơi! Ta gọi mình là nhà tôi". Chỉ có điều ông tây ăn bơ sữa và ở xứ lạnh nên cao to hơn ông Việt Nam ở xứ nóng.

Tôi mách bạn có một món ở giữa gạo và lúa mì bảo đảm đem lên là cả hai phe lúa nước và đồng cỏ đều xoi đẹp. Đó là bắp luộc lấy lấy hạt xào với bơ thêm hành lá và một chút muối tiêu là miễn bàn nếu không có gì quý, không bào ngư vi cá, không trứng cá cavia, thì món này sẽ làm hài lòng thực khách. Tôi đến Las Vegas với bữa tiệc buffet của nhà hàng năm sao Berlagio, phong cách Ý, có hàng trăm món ăn, từ thịt bò, tôm hùm, cua biển đến hàng chục món pizza không sao kể hết, mọi người ăn uống rầm rộ, tôi đi qua đi lại chọn mỗi thứ một chút, chỉ vài món đã không sao kham nổi, để cuối cùng chọn lấy một khúc bắp luộc là cảm thấy hạnh phúc rồi.

Người Việt ở Mỹ có người nói cái bánh hamburger chỉ đỡ lòng con đói, còn nếu nói ngon vẫn là cơm trắng, canh chua và cá kho tộ. Nhưng cá kho tộ Việt Nam xuất sang Mỹ bán ở các siêu thị quá tanh, nhiều người ăn qua đều lắc đầu, vì họ không đủ thì giờ để kho lại, còn nếu thêm vào một tí mắm muối hành tỏi và một chung nước trà đậm kho thêm một lửa thì ngon tuyệt.

Hầu hết các gia đình Việt Nam định cư ở Mỹ đều muốn có một chút gì của quê hương cho con cháu nên những ngày cuối tuần thường họp nhau để nấu nướng nào phở, bún bò, mì quảng, chả giò, cơm tấm, bánh cuốn... vật liệu có sẵn nên dễ nấu và nấu rất nhanh, hầu hết phụ nữ ở Mỹ đều giỏi nấu ăn. Tôi hỏi lý do, cô bạn cùng lớp với vợ tôi ngày xưa, cô Phương Lê, phó tổng thư ký Hội Cựu nữ sinh Gia Long Nam Cali trả lời – tụ họp được con cháu và bạn bè cho con biết một chút hương vị quê nhà. Đây là một trò chơi, tuổi thơ đứa con gái nào cũng biết chơi đánh đu, nhảy dây, buôn bán, nấu ăn. Bây giờ mình chơi nấu thiệt, ăn thiệt, lại được ngon, bổ, rẻ thay vì đến tiệm một tô phở đến 7 đô-la, còn một ổ bánh mì cũng đến 3 đô-la.



■ Siêu thị Mắm ở Cali

Tôi đã đi qua mười lăm bang nước Mỹ, nơi nào có người Việt nơi đó có phở, chả giò, và bánh mì thịt. Món nào cũng có cái đặc biệt của nó. Nói đến phở đương nhiên là phở Việt Nam. Phở ở Mỹ tô sành to như cái thau, nếu là tô xe lửa thì một người chỉ bung nổi một tô, thậm chí người yếu yếu hai người mới khiêng nổi một tô. Tô phở nhiều bánh nhiều thịt ăn được bao nhiêu thì ăn không hết là bỏ không phải “To go” (mang về). Tô sành nóng lên, từ lúc đem ra đến lúc ăn xong vẫn còn nóng, ở xứ lạnh không bị mỡ bò đông dính lại trên môi. Tôi nhìn tô phở mà kinh hãi. Nhiều Việt kiều về nước nhìn tô phở Việt Nam cứ nói sao nhỏ quá ăn không đã, cứ làm ba tô ở Việt Nam mới bằng tô xe lửa ở Mỹ.

Chả giò thì phải nói Tây Tàu Âu Á đều thích, vừa thơm vừa giòn. Nhiều nước ở Châu Á vài nơi cũng có chả giò nhưng nói như Yan Can Cook chỉ có bánh tráng Việt Nam làm chả giò giòn hơn hết và chả giò Việt Nam ăn ngon nhờ có nước mắm ớt tỏi, thiếu nước mắm giống như hát không đàn, thiếu âm điệu.

Bánh mì thịt ở Mỹ ngon hơn bánh mì thịt ở Việt Nam. Điếm qua một vài nơi bán bánh mì ở Sài Gòn, bánh mì gà Ngọc Sáng ngon nhưng ổ bánh tròn cứng, há cái miệng thật to để cắn được miếng đầu tiên thì thật tội nghiệp cho các bà môi son má phấn, tan nát hết một đời hoa. Bánh mì NL,ĐP sàng sàng như nhau, làm sẵn bỏ vào bao ni lông, dù có ngon để lâu vài tiếng đồng hồ cũng dai nhách, cắn vào một miếng bao nhiêu thứ nước sốt, thịt, đồ chua trào ra, còn nếu gặp phải miếng ớt thì nước mắt cũng trào theo. Ở Mỹ có hai hiệu chính là Lee Sanwich và bánh mì Ba Lẹ nằm ở khu Little Saigon. Ngoài những bí quyết riêng của từng hiệu bánh mì, họ làm bánh mì một cách cẩn trọng, đồ chua không làm quá chua, để ráo nước, ớt bỏ hạt xắt sợi để không cay hỗn, hạt ớt làm xé lưỡi và trào nước mắt người ăn, ớt là một chất nghiệm nhẹ không thể thiếu, thiếu ớt ăn mất ngon. Điều quan



■ Trước tiệm bánh mì người Việt ở Cali

trọng là khi họ phết bơ và pa-tê được trải đều ra ở mọi góc cạnh, ở hai bên và tận đầu của ổ bánh mì để khi cắn vào miếng đầu tiên đã bốc mùi thơm, giòn, mặn, chua, cay có đủ. Một chút cay của ớt, một chút nồng nàn của tiêu tỏi trong từng miếng thịt và cái cảm tình của miếng cắn đầu tiên lưu mãi như cái hôn đầu tiên môi lưỡi ngọt ngào của đôi lứa. Bánh mì Ba Lẹ trước năm 1975 ở Sài Gòn đã có và khá nổi tiếng. Sau này qua Mỹ có ở nhiều nơi và nổi tiếng hơn, nghe đâu ở Hawaii cũng có một tiệm mà nhiều báo chí nhắc đến về sự thành công của họ.

Khoảng mười năm về trước, nhà thơ Đoàn Vị Thượng có rủ tôi đi dự đám cưới của một Việt kiều thành đạt ở xứ người về quê cưới vợ cho con. Dù không là khách được mời nhưng nể bạn tôi đi và đó là đám cưới của con ông chủ bánh mì Ba Lẹ.

Ông chủ nói những lời rất khiêm nhường và tha thiết với quê hương, ông sẵn sàng đãi hết mọi người đến đây dù không mời nhưng không phải để khoe khoang mà muốn trả một chút nợ, một chút ơn với quê hương và cùng chung vui với giòng họ. Còn ở xứ người có làm gì to lớn thành công mấy cũng chỉ mặc áo gấm đi đêm. Những lời phát biểu của ông làm tôi cảm thấy nhẹ lòng khi đến dự. Tháng 4/2005 vừa qua chúng tôi có một chuyến sang Mỹ để nghiên cứu về vận hành trong các bệnh viện, tôi có ghé tiệm bánh mì Ba Lẹ phải đứng xếp hàng vì nhiều người mua về mười, mười lăm ổ bỏ vào tủ lạnh ăn từ từ.

Ở nước Mỹ có lẽ ổ bánh mì thịt là vừa phải nhất, còn món nào cũng to cũng nhiều, một bàn ăn mười người có năm đến mười món, riêng món cá hấp, con cá không dưới ba kí lô nằm chinh ỉnh trên đĩa với đầy đủ rau rác. Món sườn bò nướng (prime rib) nổi tiếng ở khắp nơi trên đất Mỹ, mỗi miếng thịt bò nặng trên nửa ký kèm theo khoai tây chiên hay khoai tây nấu nhừ, làm sao ăn hết, người Việt Nam ta ăn không bao giờ hết. Nước Mỹ

khuyến khích ăn không hết đem về, chỉ cần một từ “to go” là sẵn sàng vào hộp, vào bao mang về bỏ tủ lạnh, các món ăn làm ở nhà ăn không hết vài hôm sau mang ra ăn đi ăn lại gọi là “left over”, ăn đồ đi qua, sau nhiều lần ăn không nổi mới mang ra thùng rác. Riêng nhà con gái tôi có hai con cá vệ sinh tủ lạnh, một là con rể thạc sĩ tin học và con trai sinh viên đại học, mỗi lần đi ăn nhà hàng về là tắt bếp mấy ngày, hai con cá vệ sinh ăn cho hết rồi mới nấu tiếp.

Tôi thường dạy con cháu phải biết bụng mình và bụng những người cùng ăn với mình, đừng để con mắt to hơn cái bụng, chỉ có lo cái ăn cho vài người hay vài chục người mà không tính toán được thì làm sao làm việc lớn, làm sao giàu được. “Chiếu người giàu có không có chỗ cho người hoang phí ngồi”, một bữa tiệc để thiếu là dở, để dư thừa dở hơn, càng dư càng dở. Tôi đi dự đám cưới từ nội thành cho đến ngoại thành, đám cưới nào cũng có khoảng một kí đến một kí rưỡi tôm sú đủ cỡ đủ món, mà thường là một bàn chỉ ăn một nửa, bỏ một nửa. Nếu một trăm bàn thì đã đổ đi biết là bao nhiêu? Đừng cho tôm Việt Nam là rẻ, giá tôm Việt Nam đắt hơn và không ngon bằng tôm ở Mỹ nhập cảng từ Thái Lan và các nơi khác.

Dù văn minh lúa nước hay văn minh đồng cỏ đều từ con bò mà ra. Văn minh lúa nước con bò đi cày cho ta lúa gạo, ao cá và thịt. Văn minh đồng cỏ con bò ăn cỏ cho ta thịt và sữa. Từ ngàn xưa con người đã biết tiết kiệm nên không giết bò ăn thịt mà nuôi bò để lấy sữa hoặc để cày cấy - để nuôi sống con người có lợi hơn giết bò lấy thịt nên mới có đạo thờ bò cho đến hôm nay.

NHÀ LƯU NIỆM ERNEST HEMINGWAY

98

Nằm ở điểm Cực Nam gần trụ số 0 của con đường Nam Bắc nước Mỹ, cách năm trăm mét cột mốc Cuba 90 miles trên đảo Key West, bang Florida, có một căn nhà xây bằng đá với mỗi viên đá 18 x 18 inches (55 centimet vuông) rất chắc, trong khuôn viên 8000m², đó là nhà của văn hào Ernest Hemingway. Ông xây từ năm 1928, ông sống ở đây chín năm và hầu hết những tác phẩm nổi tiếng như *Giã Từ Vũ Khí*, *Chuông Gọi Hồn Ai...* ông viết ở đây. Vào mỗi buổi chiều ông thường đi uống rượu lang thang với các ngư dân, đêm đến săn bắn, câu cá, ban ngày ông viết. Nhà ông một trệt một lầu, phòng viết tách rời nhà chính trên một căn gác riêng có cầu thang thông qua. Hàng ngày 5 giờ sáng từ phòng ngủ nhà chính đi qua rồi ông đóng cửa rào cô lập để ngồi viết. Bàn viết giữa nhà, chung quanh có tủ sách để tham khảo, có bàn uống trà nhìn xuống hồ bơi, nghe được sóng vỗ ngoài biển, nghe cả tiếng rì rào của rừng phi lao. Nhà có tường gạch bao bọc. Trong nhà nuôi một giống mèo đặc biệt chân có năm móng vuốt, giống như cọp và chỉ ở đây mới có, hiện tại còn được 24 con. Chung quanh nhà bãi cỏ và cây cối rậm rạp. Hầu hết những cây cổ thụ đều chết khô mục bởi những cây chum gói phủ kín thân. Tầng trệt có hai phòng; một phòng trưng bày những hình ảnh của ông với các quan khách, có cả ảnh Tổng

thống Mỹ Truman đến thăm, phòng phía sau trưng bày những hình ảnh của gia đình với các người vợ và các con ông cùng những kỷ vật như súng săn, cần câu... những tấm ảnh về những con cá lớn nặng 500kg ông bắt được hay những con thú lớn như voi mà ông đã săn được.

Ở đây một thời gian chán ông dời đi và vợ ông đã bán ngôi nhà này cho người khác. Nhưng từ khi ông qua đời, chủ nhà không ở được vì mỗi ngày du khách đến Key West gõ cửa xin thăm viếng, quá phiền hà, không ở nổi phải đi nơi khác và biến nơi này thành nhà lưu niệm tư nhân. Người ta thuê người gác cổng, bảo vệ, hướng dẫn viên và bán vé 10 USD mỗi người. Mỗi ngày mở cửa từ 8 giờ đến 10 giờ đêm, bốn người được bớt một vé.

Ernest Hemingway sinh ngày 21-7-1899 ở Oak Park, bang Illinois, Hoa Kỳ. Năm 1920, ông cưới người vợ đầu tiên, cô Elisabeth Hadley, hơn ông tám tuổi, nhưng rất đẹp. Hai người qua Paris hưởng tuần trăng mật và sống ở đó để tác phẩm đầu tiên *Ba Truyện Ngắn và Mười Bài Thơ* ra đời. Năm 1926, ông cho in cuốn *Mặt Trời Vãn Mọc*. Có một nhà báo nữ của tạp chí thời trang *Vogue*, Pauline Pfeiffer, thấy Hemingway có vẻ nghệ sĩ, đâm ra mê ông, luôn ở gần và săn sóc ông. Sau khi ly dị với người vợ đầu ông tặng bà tác quyền vĩnh viễn quyển sách này và đồng ý cho bà giữ đứa con trai. Rồi Pauline có mang và ông đưa về sống ở Key West. Năm 1929 ông viết *Giã Từ Vũ Khí*, *Chết Trong Chiều*, *Tuyết Trên Đỉnh Kilimandjaro* để ông thực sự trở thành một nhà văn nổi tiếng.

Năm 1940, ông cưới Martha với hai bàn tay trắng vì người vợ thứ hai đã dọn sạch đồ đạc, tài sản trong nhà và khoác áo ra đi. Vào năm này ông xuất bản tác phẩm *Chuông Gọi Hồn Ai*, viết về trận chiến Tây Ban Nha, quyển sách đã mang lại cho ông số tiền lớn, cuộc sống rất sung túc. Ông làm giấy tờ nhà cho vợ

99

trước, và hai con rồi sang Cuba sống với Martha. Ông lại cho ra đời Vườn Địa Đàng, sau đó vợ chồng cùng đi du lịch tại Ý. Nơi đây ông cũng có một mối tình để khi trở về Cuba ông cho xuất bản The Old Man and The Sea (Ngư Ông và Biển Cả) nhận được giải Pulitzer năm 1953, và đoạt giải Nobel năm 1954, do Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao tặng.

Có nhiều người nói rằng ông chết ở Cuba nhưng sự thật là cuối đời sức khỏe ông đã suy yếu, thêm uống nhiều rượu, bên cạnh người vợ trẻ dù đã hết lòng chăm sóc tận tụy, tình hình Cuba không yên tĩnh nên ông cùng vợ, bà Mary, một ký giả người Mỹ, về sống ở tiểu bang Idaho đến ngày 2 tháng 7 năm 1961 ông dùng súng tự tử. Người vợ cuối cùng của ông là bà Mary sống như một nữ thánh đơn độc trong ngôi nhà của ông và qua đời 1986 cũng tại nơi này.

PHÚ QUỐC – ĐẢO NGỌC

Sài Gòn – Phú Quốc. Ngày hai chuyến bay 11 giờ 30 và 14 giờ 30. Đường bay 55 phút.

Tàu cánh ngầm Kiên Giang – Phú Quốc. Hai tiếng 120 Km. Tàu thường 8 giờ trên biển cách Hà Tiên 45 Km.

Từ trên máy bay nhìn xuống, Phú Quốc như một miếng ngọc bội màu xanh mà các cô gái con nhà quyền quý ngày xưa thường đeo giữa ngực.

Theo truyền khẩu là có một người Phú Yên, tên Trần Hưng Đạt, vào khoảng cuối thế kỷ 18 đi ghe bầu chở cả gia đình vào khai phá hòn đảo hoang ở cực nam của nước Nam và đặt tên Phú Quốc. Phú là giàu - Quốc là nước, chữ Phú còn có ý nghĩa là Phú Yên – quê của ông.

Phú Quốc còn có nghĩa một nước giàu biệt lập thời nhà Nguyễn. Dân Phú Quốc không được đi thi, không được làm quan. Truyền thuyết thời Gia Long tẩu quốc có đến Phú Quốc nhiều lần, lấy bà Trần Thị Răm con ông Trần Hưng Đạt làm vợ, đổi tên Trần Thị Tố Loan và được phong Hoàng Phi Yến.

Bà Hoàng Phi Yến phản đối việc Nguyễn Ánh nhượng đất Hội An – đất Côn Lôn cho Pháp và việc đưa con trai là Hoàng tử Cảnh theo Bá Đa Lộc làm con tin cầu viện Pháp chống Tây Sơn. Bà tâu với Nguyễn Ánh: “Việc ta và Tây Sơn tranh nhau là nội

tình, cầu viện nước ngoài vào cấu xé đất nước không khéo mang tiếng về sau”. Vua Gia Long tức giận đầy bà lên đảo cô lập trong một cái hang, lệnh cho dân đảo không được tiếp tế thực phẩm nhưng dân chúng vẫn lén lút mang cơm nước cho bà. Con trai bà là Hoàng tử Cải bị bệnh chết, bà sống cô đơn trong hang nên có câu ca dao:

*“Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay”.*

Để nói về nỗi đau khổ của người mẹ mất con. Về sau bà chết, dân chúng lập đền thờ để thờ phượng bà ở Côn Đảo.

Phú Quốc có diện tích 600km² bằng diện tích Singapore, dân số 80.000 người bằng phường Đa Kao quận 1, TP.HCM. Trước đây Phú Quốc là một vùng đất hoang vắng, cách đây 2 năm Sài Gòn – Tourist đầu tư thành lập công ty Sài Gòn - Phú Quốc mới có những tour đưa khách đến tham quan, những điều gì Phú Quốc có thì các vùng biển ở đất liền cũng có. Có vài thứ nơi khác không có thì Phú Quốc lại chưa khai thác có hiệu quả là chó Phú Quốc và nước mắm Phú Quốc vì máy bay không nhận chở.

Nếu Phú Quốc biết tận dụng điểm đặc biệt của mình thì phải khai thác lập trại nuôi chó có qui củ, có thú y, có chuồng trại, có quan hệ với ngành hàng không như thế nào để du khách ra thăm Phú Quốc có thể mang theo mình một vài con chó Phú Quốc, vài lít nước mắm Phú Quốc đặc biệt.

Phú Quốc còn có rượu sim thơm ngon như rượu Bồ Đào (rượu nho). Khi ngồi bên bờ biển sóng vỗ rì rào hay một góc rừng thanh u nào đó mà nhâm nhi, ta sẽ có cảm giác đang uống rượu Bồ Đào để ngâm lên:

*“Bồ Đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi*

*Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”*

Chỉ tiếc Phú Quốc chưa biết khai thác nguồn tài nguyên này, phải sản xuất qui mô chia thành nhiều loại đóng chai sành sứ thủy tinh, bao bì đẹp có ghi ngày sản xuất để du khách mang về làm kỷ niệm. Chúng tôi đến quán Biên Hải của một ngư dân bị trận bão số 5 năm 1997 đánh tan tác ghe chìm tận lòng đất sâu, sóng biển đánh cho ghe tan nát thối dạt vào bờ chưa đủ, cát thối chôn luôn chỉ còn lộ đầu mũi 3 tấc, quán tre nửa rách nát như đời người ngư dân Biên Hải. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng mua một con cá pốp, loài cá chuyên làm vệ sinh cho cá đuối cao bằng người ông, nấu canh chua nhâm nhi rượu sim nhìn về phía chân trời xa thấy Hà Tiên, thấy cảng Componxom ở Campuchia mờ mờ trong sương khói. Người ngư dân bỏ biển lên bờ cầm đàn hát vọng cổ những bài ca trên 30 năm trước làm nao lòng viễn khách.

*“Ly khách bên trời như muốn khóc
Tiếng đời xao động tiếng hờn căm”*

Thâm Tâm

Đoàn lữ khách đến bãi biển nổi tiếng, bãi Sao. Phong cảnh bãi Sao như sao chép lại bãi Đại Lãnh, chỉ khác Đại Lãnh nằm trên quốc lộ 1A dưới chân đèo Cả đường nhựa đến tận nơi, có điều đến Đại Lãnh ngồi ăn hải sản ở ghế bố trên cát kiến cản bỏ chạy lên chòi tính tiền 2 lần chỗ ngồi nên không đến nữa. Còn đường đến bãi Sao là con đường đau khổ nên nếu không sửa thì cũng không đến nữa. Các em trai tiếp khách vồn vã chất phác dễ thương, muốn có cái vông để đóng đưa cùng sóng nước các em mang đến – Ông bà cột đi, tụi cháu không dám treo lơ tẻ không tiền đền. Có các em bé mò ốc lược bán cho khách, mỗi ngày kiếm hai đến ba mươi ngàn đồng để lấy tiền đi học giá cả phải chăng.

Người dân Phú Quốc chất phác hiền từ, đây cũng là điểm mạnh của du lịch nhưng liệu có giữ được không!!!

Phú Quốc có hàng trăm đàn bò, thịt bò Phú Quốc ngon như bò Phú Yên – Tây Ninh nhưng dân Phú Quốc nuôi bò không phải để lấy thịt hay dùng để cày bừa mà nuôi bò để lấy phân trồng tiêu. Bò già thì chở về Kiên Giang giết thịt.

Vợ chồng nghệ sĩ Lưu Nhất Vũ – nhà thơ Lê Giang nói nước biển Phú Quốc chữa được bệnh lang ben. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đi Phú Quốc mấy hôm về ăn ngon, ngủ ngon như mới đi thở oxy cao áp. Có những cái Phú Quốc có nhưng chưa hưởng được là rừng du lịch sinh thái. Rừng không thể đến đứng ngắm rồi về mà phải vào thăm, ăn ở hít thở với rừng.

Phú Quốc phải cấp kỳ chỉnh trang, phải cấp kỳ sửa đổi. Phú Quốc đang làm du lịch nhà nghèo cho người giàu, giàu có mới đi máy bay đến nghỉ mà đường sá quá xấu, hàng quán liêu xiêu, bờ biển dơ bẩn, mới chỉ có Resort của SaiGon Tourist là khu nghỉ Sài Gòn – Phú Quốc nhưng đây là khu tiêu chuẩn quốc tế, nơi nào cũng có một nét như thế cho du khách nước ngoài cấp cao. Phú Quốc phải có qui hoạch, vẫn biết qui hoạch là Tru tiên kiếm treo trên đầu người dân, qui hoạch treo, qui hoạch theo cảm hứng là đem lại sự bất an cho người dân nhưng dứt khoát Phú Quốc phải qui hoạch một cách tổng thể, rước chuyên gia làm đảng hoàng và thông báo cho dân biết qui hoạch đầu tiên:

- 1/ Một con đường dọc theo biển, không xây dựng che khuất biển
- 2/ Một con đường ven rừng, không xây dựng che khuất rừng
- 3/ Hạn chế xây dựng nhà cao tầng
- 4/ Ngăn sông ngăn suối tạo nên những hồ nước ngọt để có nước ngọt quanh năm. Nếu được nên làm thủy điện. Phú Quốc bây giờ thế mạnh không phải là tiêu, không phải là đánh bắt hải

sản, những điểm mạnh này đã có từ lâu không làm mạnh hơn được nữa, thế mạnh của Phú Quốc sắp đến là du lịch. Mà một đất nước du lịch, người dân phải có ý thức về du lịch, chính quyền phải ý thức về du lịch. Sạch – lịch sự – bán đúng giá, không để du khách bị lừa vì 1 người bị lừa thì 10 người không đến, đồng ý bán có nói thách vừa phải để du khách có cái thú mua sắm nhưng không thách quá. Khách du lịch có 2 điều họ sợ nhất là mất đồ ở phòng khách sạn và xét phòng lúc đêm khuya.

Đất Phú Quốc là một tài sản lớn nên sau khi qui hoạch nên cho san nhượng và xây dựng theo qui hoạch, thông báo giá đất, mức thuế rõ từng vùng, từng khu, từng thời điểm nhanh chóng, dùng quỹ đất để phát triển, không phân biệt tiếng nói màu da khi mua đất và xây dựng nhưng ý thức không xây dựng diêm dúa, **qui định cả mái lợp, Phú Quốc không nên lợp mái tôn màu xám vì du khách đến Phú Quốc đầu tiên từ máy bay nhìn xuống, và từ già Phú Quốc cũng từ máy bay nhìn xuống không gì buồn hơn một mái tôn xám xịt giữa một vùng biển xanh rừng xanh và trời xanh.** Nên có những tour vào rừng mắc võng và lửa trại. Du lịch di tích cũng là điều cần thiết cho những người muốn tìm hiểu, nhưng không nên có những tour bắt buộc đến điểm tham quan có tính cách dã man, rừng rợn làm cho du khách khiếp hãi. Du lịch Phú Quốc là du lịch sinh thái, tìm lấy sự bình an và trong lành.

10-10-2003

TẢN MẠN CAO NGUYÊN

Trăm Năm Tây Nguyên

Theo tiếng gọi công chiêng Tây Nguyên 100 năm Buôn Ma Thuật. Theo dòng người tôi về Đắk Lắk và về đây là phải đi Buôn Đôn xứ sở của ngàn voi, voi rừng và voi nhà, mà gặp voi phải lên voi để biết thế nào là “lên voi xuống chó”.

106

Một em voi, gọi em vì voi năm mươi tuổi còn tôi chẵn sáu mươi, được mời tới, yên cương sẵn sàng, thế là mình lên voi. Lên voi rồi mới biết không sung sướng gì đâu, voi đi đứng đa đủng đỉnh qua rẫy qua nương, cục cầ cục kịch đến “u mê”, còn các bà thì run lẩy bẩy sợ đến phát khóc. Voi cứ vô tư, vừa đi vừa kiếm tí cỏ bỏ vào mồm, lắc qua lắc lại, năn nỉ ông nài bảy mươi hai tuổi cho về nhưng voi vẫn nhớn nhoe đi dọc bờ sông, con đường quen thuộc hàng ngày. Thế rồi cũng về đến nơi. Lên voi đã khó, xuống voi càng khó hơn. Voi phải đi dốc xuống mom sông, đến chỗ thấp nhất khi lưng voi ngang lưng cầu, mọi người trèo qua đầu voi run là cà lập cập, mò từng bước, từng bước, khi xuống đến mặt đất mới hoàn hồn. Có vậy để mấy bà biết đừng xúi chông lên voi có ngày không xuống được mà vào tù như chơi.

Thương ông già và em voi. Ông đem em voi từ rừng về hồi ông mới hai mươi hai tuổi và voi được một tuổi, cho bú cho ăn rồi gắn liền với nhau năm mươi năm qua. Con voi này dù là voi đực nhưng được phong là hoa hậu của buôn làng Bản-đẹp-khỏe-cần



107

■ Cùng nhau lên voi

mẫn và khôn. Hoa hậu voi ít nói lâu lâu kêu lên mấy tiếng gọi bạn tình. Hết cỡi voi bây giờ đến coi voi, lớn nhỏ già trẻ, trong đời cũng phải đi coi voi. Tôi có thằng cháu ngoại ba tuổi lên kế hoạch dâng hoàng – *chủ nhật tuần này đi sở thú coi voi, chủ nhật tuần sau lên nhà ông “coi” ông ngoại. Chiều nay Bobby đi học về, bà ngoại “đừng không có” ở nhà ghen.* Đó là ngôn ngữ của trẻ thơ.

Coi đua voi, nếu tất cả đều về đích, đều được xếp hạng thì không có gì hay, hay ở chỗ một đàn voi đang chạy khi vượt sông có một chú không thềm chạy nữa, quay đầu đứng đỉnh ngược lại lên bờ đứng nhìn các bạn mình lao về phía trước, ai làm gì tao thế mới hay.

Về mục bóng đá, hai đội hai phe hai cầu môn và một trái banh, nhưng có một chú voi thấy bóng thay vì sút vào gôn, cầu thủ này lại vượt qua tiến sát cầu môn dùng vòi vật ngã cầu môn rồi rống lên một hơi coi như mình chiến thắng. Tôi thấy vẫn có tư cách hơn là một cầu thủ bỏ banh lao thẳng vào thủ môn bằng hai tay hai chân đâm thủ môn đối phương nằm thẳng cẳng trong cầu môn. Phía bên kia thêm một màn trình diễn voi thi ném gỗ. Cái khổ là gỗ không để nguyên khúc mà đã được sơ chế để voi không còn biết đó là bạn nguyên sinh với mình từ rừng về nên trong đàn voi có một chú cứ tưởng là ổ bánh mì vĩ đại, trong khi các vận động viên khác ném còn chú thì đưa vào miệng nhai, khi nhai mới biết không phải bánh mì nên gác lên hai ngà chơi.

Rời Buôn Đôn tôi đến một vùng hẻo lánh, một thung lũng bao quanh là núi rừng nằm trên đường quốc lộ Buôn Mê Thuật-Đà Lạt 199 km. Đó là Huyện Lắk có hồ Lắk nơi khởi đầu của Cao nguyên 100 năm Đắc Lắc từ đây. Một cánh đồng nứt nẻ vì khô hạn dù đang mùa mưa của cao nguyên. Hồ Lắk vẫn đầy nước, cạnh hồ là ngọn đồi có một dinh thự gọi là Biệt Điện Bảo Đại. Ông vua cuối cùng của triều Nguyễn đã đến đây xây dựng

một lâu đài để cùng gái đẹp săn bắn và ngắm cảnh. Có người thắc mắc hỏi tôi tại sao các phòng chính đều hướng về Tây, phá vỡ nguyên tắc địa lý, nhà đẹp khi được xây hướng Đông Nam. Đến cao nguyên Đắc Lắc có câu – “đón bình minh ở Bản Đôn, ngắm hoàng hôn ở hồ Lắk”, nên bậc đế vương này chấp nhận cái nóng để buổi chiều ngắm hoàng hôn. Có người hỏi Bảo Đại là Vua là Quốc Trưởng sao không lo gì cho dân, có triều đình quan lại không có quân lính mà lại lắm lâu đài. Đà Lạt, Dinh Ba – Nha Trang, Nghinh Phong – Buôn Mê Thuật, Biệt Điện. Ông vua Tây tuyệt khôn và am hiểu chính trị tuyệt cao, ông làm gì có tiền, tiền do Pháp cấp cho ông ăn chơi vui thú phong cảnh thì ông phải ăn chơi càng nhiều càng tốt, không chơi cũng giả bộ chơi, không ai lại giết một ông vua ăn chơi không bằng tiền của dân mình nên ông không cần có quân đội bảo vệ, chỉ vài người bảo vệ là được rồi, tổ chức nhiều Pháp nghị là chống Pháp, phải thanh toán không giết cũng đi đày. Còn lo cho dân là lấy lòng dân, là muốn phục hồi để chế lại đi vào trường hợp trên. Mới nhìn tướng vua Bảo Đại là ngu muội hóa ra khôn, ông mới sống đến gần tám mươi tuổi. Có trường hợp tướng là khôn hóa ra ngu, đó là Nhạc Phi đời Tống quyết chí đánh Kim để cứu hai vua Tống Huy Tông – Tống Khâm Tông và ba ngàn hoàng tộc bị bắt đưa về Kim quốc. Nhưng ông không biết cứu hai vua, vua cha vua ông về còn vua con tại vị phải xử như thế nào đây? Do đó Tống Cao Tông phải để Tần Cối giết Nhạc Phi. Tần Cối muôn đời mang tiếng phản quốc và ác độc để mọi người căm hận đến độ làm một món bánh nặn hình Tần Cối bỏ vào chảo chiên, giò cháo quẩy – “chiên Tần Cối”. Đến Chợ Lớn nơi nào cũng có bánh chiên Tần Cối.

Đồng môn hội ngộ

110 Rồi một bữa tiệc được bày ra trên Biệt Điện Bảo Đại nhìn xuống hồ Lak do Chủ tịch Huyện chiêu đãi đoàn văn nghệ sỹ thành phố Hồ Chí Minh về dự liên hoan phim, có nhạc sỹ Nguyễn Văn Hiên, nhạc sỹ Võ Tấn Ngọc, nhà báo Thiên Hà. Sự sắp đặt hữu duyên tôi ngồi cạnh vị Chủ tịch, một người Huế. Bao nhiêu câu chuyện, bài hát, bài thơ đi qua rồi cũng có lúc phải có những câu chuyện riêng của những người ngồi kề bên nhau. Nói như thế nào không nhớ nổi của bao nhiêu điều trong buổi chiều chênh choáng hơi men, chỉ nhớ người đàn ông tóc tiêu pha muối lại nói về những người thầy yêu quý của mình, thầy Trần Đức Võ, thầy Nguyễn Duy Khác, thầy Nguyễn Cửu Triệp... Tôi đứng dậy nắm lấy tay anh. Học Hàm Nghi Huế phải không? – Sao anh biết? – Đồng môn đây.

Thế là hai người bạn Hàm Nghi Huế ở nơi tận chân trời cuối đất này tìm nhau, tay trong tay nắm chặt, những kỷ niệm năm xưa, xưa lắm, bốn mươi năm qua, nhớ thầy Kính, cô Kim Tiêu, cô Hoắc Hương, rồi Di Luân Đường, nhớ mùa hoa phượng đỏ rực lửa đường Đinh Bộ Lĩnh, tiếng ve sầu xứ Huế và ký ức tuổi thơ ủa đến. Tôi đọc hai câu tặng đồng môn Lê Hữu Thịnh, Chủ tịch Huyện Lăk... “rung rung dòng lệ cũ, người bạn xưa Hàm Nghi”. Anh đã rời xứ Huế lên cao nguyên gần ba mươi năm, lần đầu tiên gặp lại đồng môn Quốc Tử Giám – Hàm Nghi Huế. Cuộc gặp gỡ thăm đợm, mọi người cũng lâng lâng, nhạc sỹ Võ Tấn Ngọc không ngăn được giọng thơ, lật mặt sau phiếu tính tiền viết:

*Đồng môn nâng ly cạn ly
Hữu duyên tương ngộ còn gì vui hơn*

*Bên hồ Lăk, Đông Trường Sơn
Thịnh-Toàn tương ngộ keo sơn đậm tình.*

5/11/2000 – Võ Tấn Ngọc

Chiều đã xuống, Lê Hữu Thịnh xin đãi người bạn đồng môn, Tiến Toàn, ngắm hoàng hôn trên hồ Lăk ở nhà hàng Thủy Tạ cùng với nước, núi và rừng Đông Trường Sơn. Mặt trời lặn dần giữa hai ngọn núi, thời gian như ngưng đọng, mọi người ngưng tiếng, mắt hướng về phía tây. Vàng kim ô đỏ ối từ từ khuất sau đồi chuyển màu tím hoàng hôn, không còn cảnh nào đẹp hơn tạo hóa đã tạo nên. Rõ là “đón hoàng hôn hồ Lăk”. Tôi chợt nhớ mấy câu trong bài Màu Tím Hoa Sim của nhà thơ Hữu Loan – Màu tím hoa sim, tím chiều hoang biệt/ Màu tím hoa sim, tím tình trang lệ rớm/ Tím tình ơi lệ ứa/ Ráng vàng ma và sừng rúc điệu quân hành... *Chia tay em, chia tay hoàng hôn*. Tạm biệt Hồ Lăk, tạm biệt người bạn năm xưa.

111 Chia tay cao nguyên xuôi về miền biển Nha Trang, miền thùy dương cát trắng. Con đường dọc bờ biển, Nha Trang – Cam Ranh là con đường đẹp nhất thế giới. Tôi đã đến bãi biển Miami, Florida và bãi biển Malibu, Los Angeles, Hoa Kỳ – những bãi biển được xem là đẹp nhất thế giới, cũng không thấm vào đâu so với Cam Ranh. Những nơi này bãi biển không đảo như người đàn bà đẹp thiếu đôi gò bồng đảo, thiếu những đường cong mỹ miều. Mời quý vị thử một lần đi qua con đường biển Cam Ranh – Nha Trang, đường đi sát biển mới tận hưởng cái thiên nhiên tuyệt hảo của những hòn đảo. Đảo Yến, Hòn Tre, Hòn Mun... như những gò đồi của mỹ nhân, mây đậu lại như những sợi tóc làm cho biển không hung hãn gào thét và ta sẽ nhìn thấy bóng nước lồng bóng mây. Con đường uốn lượn theo núi như những đường cong tuyệt mỹ của giai nhân. Biển xanh và núi cũng xanh lọt vào đôi mắt xanh của người cảm thụ. Chỉ tiếc chưa được lọt

vào mắt thi nhân nên chưa có vàng thơ nào cho cảnh sắc thiên nhiên này.

Nuôi con

Về Cam Ranh tìm thăm hai người bạn, Phạm Phú Thiết và Huỳnh Văn Đạt ba mươi sáu năm chưa một lần gặp lại. Qua những biến đổi của trời đất, cứ nghĩ là sẽ không bao giờ hội ngộ nhưng các bạn tôi vẫn còn đây, vẫn khỏe mạnh và đứa nào cũng có một đàn con thành đạt, đẹp đẽ. Trong sự nghèo khó sau chiến tranh các mái đầu xanh giờ đây đã bạc, chúng tôi nói về một thời “khẩn kho” của đất nước, của người và của chính mình. Chúng tôi nuôi dạy các con bằng ý chí, cơm độn và cám heo nhưng vẫn giữ văn hóa. Phạm Phú Thiết năm 1980, thời mà sách vở bị thiêu hủy, thời mà khi xét nhà chủ nhà có một quyển “Tuồng Giới Thạch – Thân thế và Sự nghiệp” đã bị mời đến đồn công an ngủ lại một đêm để thẩm vấn về quyển sách ở đâu có và có để làm gì. Thiết thấy nhà người quen có bộ Thiên Long Bát Bộ của Kim Dung, anh đã đọc rồi nhưng muốn các con được đọc nên đã đề nghị chủ sách đổi một cái ghế trường kỷ – của gia bảo, ông cha để lại. Chủ sách đồng ý, nhưng khi mang đến đổi thấy nhà có một chiếc vali Samsonite đòi luôn, Thiết chơi luôn. Một ghế trường kỷ và một vali đổi lấy một bộ sách cho con đọc. Thiên Long Bát Bộ là một bộ sách nổi tiếng sau này được dựng thành phim, nói lên tình yêu trong sáng của A Tử và Kiều Phong; tình bạn sâu sắc của Kiều Phong – Đoàn Dự – Hư Trúc và sự hy sinh cao cả vì hòa bình của hai dân tộc Hán-Liêu mà Kiều Phong đã tự sát trước Nhạn Môn Quan. Vào thời kỳ này các bộ sách trên đều bị liệt vào văn hóa đồi trụy, ai tàng trữ hoặc cất dấu có thể bị bắt đi cải tạo. Không uống công của người cha, lần lượt từng đứa

con đọc, qua đến đứa thứ năm, cũng là đứa con gái út vừa đủ trình độ để đọc vào năm 1995 thì bộ sách này được phổ biến rộng rãi cả nước. Thiết cũng đã thỏa mãn. Các con của Thiết đều thành đạt, hầu hết làm việc cho các công ty nước ngoài, có đứa đã đi khắp thế giới và luôn nghĩ về người cha can đảm, dám hy sinh để dạy các con.

Thời chúng tôi nuôi con là thế đó. Chưa đủ, còn có một người khác nữa cũng không thể không nhắc đến. Thời chiến tranh bom đạn đầy trời, làng quê xơ xác, *đổi đường cày cam lòng ăn mây phở**, Nguyễn Văn Dũng dắt con lên phố, làm thuê, vợ chết vì bom đạn. Sau 30-4-75 hòa bình lập lại anh trở về quê xưa, củ năn củ nưa, củ khoai củ sắn, lên rừng chặt cây dựng nhà, ruộng đồng xanh màu mạ, vàng màu lúa chín, mừng khắp khởi, con cái được cái ăn cái mặc, được cấp sách đến trường, ê a tiếng trẻ. Nhưng chưa vội mừng thì năm 1977, thời bao cấp, ngăn sông cấm chợ tất cả vào hợp tác, đình chùa, miếu mạo bị đập phá để làm kho bãi – *đất nước linh thiêng sao lắm đền thờ làm kho hợp tác, đánh hỏa tù mù trấn lột cả thần linh* (Nguyễn Duy). Và chỉ cần một năm thôi tất cả đổi màu, ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ, máy hư, ruộng bể, ruộng lúa sâu rầy mất mùa liên miên, dân tình đói khổ. Nhưng cũng chỉ có hai năm mất mùa mà các chủ nhiệm hợp tác xã có nhà xây tường, sắm đài, sắm xe.

Chòi lá của Dũng nằm cạnh chuồng heo chủ nhiệm hợp tác xã. Cha con Dũng hai ngày chưa có miếng cơm, khuya mò sang chuồng heo chủ nhiệm, một nồi cháo heo toàn cám và tấm, nhìn đàn heo mập ú nghĩ mà thương cho thân phận con mình. Nhưng dù sao cũng phải sống và phải sống qua đêm nay. Hốt một mảng về cho các con, ăn đi các con, để sống, để dành lon gạo mai ba đem cá về nấu cháo. Rồi anh vác cần câu ra đi, bao nhiêu ao hồ khô cạn, ếch nhái, chàng hiu, ếch ương cũng không còn. Qua bao cánh đồng nắng cháy mới có một con rạch, có bầy con ròng, rón

rén núp vào lùm buông câu, nhưng cá mẹ nuôi con khôn lắm, nghe tiếng động hả miệng cho đàn con chui vào, im lặng lại nhả ra, cứ thế người và cá rình nhau kiên nhẫn và lặng yên chờ đợi. Nó nuôi con nó, mình nuôi con mình, không bắt được cá con mình chiều nay có gì ăn. Sự kiên nhẫn rồi cũng đem lại kết quả, cá mẹ phun con ra để kiếm ăn. Con nhái trên lưỡi câu boi boi, cá mẹ bập thế là dính câu. Lòng mừng khắp khởi bỏ vào lồng mang đi, đường xa về gần nhà thấy xốn xang, nấu cháo con cá này mình đã giết hại hàng ngàn sinh linh, hàng vạn con cá con không mẹ. Mình còn lon gao. Quay trở lại trả con mẹ về chỗ cũ cho nó nuôi con. Gần đến đích gặp thẳng bạn cùng hoàn cảnh cả ngày đi kiếm ăn.

- Có kiếm được gì không?
- Tao mới xúc được bầy con ròng trong rạch hố Chình.

Trời ơi! Mình bắt mẹ, nó bắt con. Muốn thuyết phục nó cùng thả cá nhưng lòng đầy xót xa. Người ta lừa thầy phản bạn, đâm cha chém chú, lừa người để đẩy hàng bao nhiêu người vào chỗ chết chưa kể, huống hồ gì một con cá.

- Tao câu được con cá mẹ.
- Sao trở lại làm gì?
- Tính xúc luôn bầy cá con.
- Tao với mày hùn lại nấu, một nồi cháo cho cả hai nhà.

Thời gian đi qua mấy mươi năm nay gặp lại mấy đứa trẻ đôi com rách áo ngày nào nay đã thành thầy giáo, cô giáo cho các trường trung học, đại học.

NHỮNG KỶ NIỆM
VỚI NHÀ THƠ THU BỒN

... *C*ửa nhà thông thốc muôn phương gió
Túi rỗng nhiều phen bạn đỡ dần...

Nhà Thu Bồn phòng khách và phòng ăn liền với bếp. Nhà bếp đầy dao thớt. Dao nhỏ, dao lớn, dao chặt xương. Thớt nhỏ bé tẹo đến tấm thớt có đường kính 0,5m xếp từ lớn lên khoảng mười cái và Thu Bồn giới thiệu “Đây là con đường đi đến phá sản”. Nhà Anh lúc nào cũng có bạn bè tới lui. Đời Anh – Thơ – Bạn – Đàn bà.

*“Có em anh trở thành triệu phú
Có triệu niềm vui và có triệu niềm đau
Anh đem triệu niềm vui làm tiệc đãi bao
nhiều người hàng xóm
Còn triệu cơn đau
Anh cô thành cao để nhấm nháp riêng mình
100 bài thơ tình*

Lúc còn ở số 6 Đặng Thái Thân, ngay phòng khách anh có nuôi một con heo đất. Chính anh và bạn bè cứ bỏ vào để chờ ngày xuất bản tập thơ 100 Bài thơ tình nhờ em đặt tên. Con heo

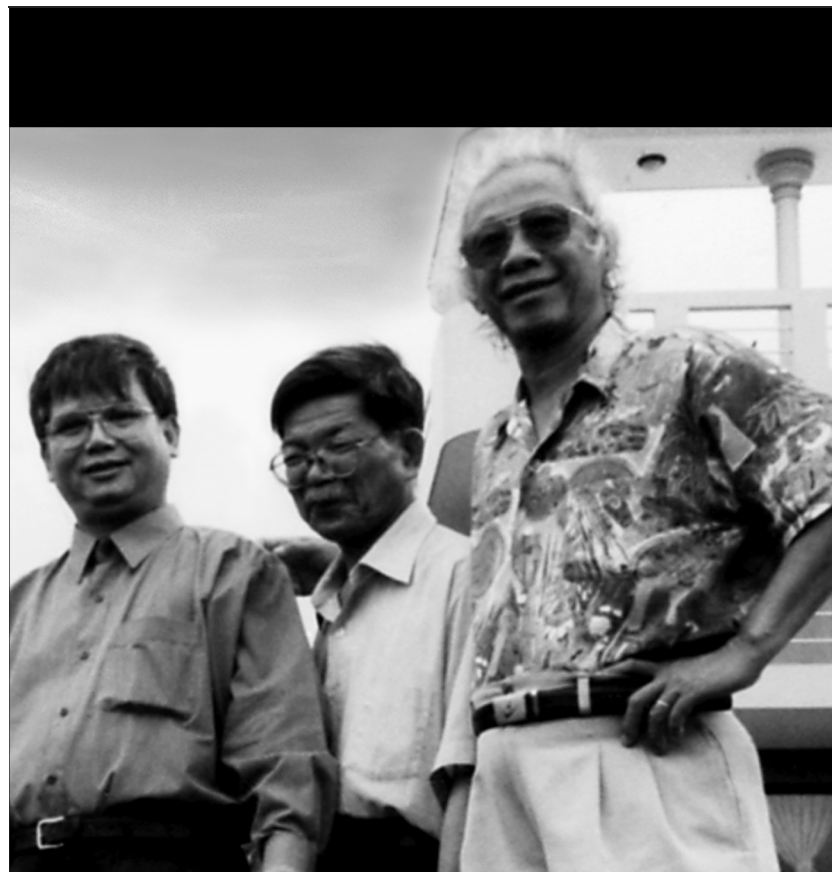
nuôi hơn một năm, lúc nào anh cũng đặt nhiều hy vọng con heo sẽ trả đủ tiền in.

Một buổi sáng của năm 1992 anh hẹn cùng tôi đi lấy sách. Đến nơi anh ăn mặc tươm tất trình trọng hai tay nâng con heo thả xuống nền nhà kêu cái bộp. Hai thằng trở mắt nhìn nhau chỉ có một tờ 50.000 đồng duy nhất anh mới bỏ vào chiều qua. Con heo cũ đưa nào đã bỏ đi đưa vào một con heo mới, mà tôi nghĩ ai đó cũng đã đổi heo nhiều lần mà anh không biết, vô tình anh vẫn cứ nuôi. Heo cũ đi heo mới đến anh vẫn vô tình như không. Còn nỗi thất vọng nào hơn, thế là tôi ứng tiền lấy sách chở về cho anh và tôi cũng không tử tế gì lắm, lấy một trăm quyển trừ nợ. Nhờ vậy mà sau này anh có sách tặng bạn, đến nay tôi cũng còn được mười cuốn.

Quốc Khánh 2/9/1993 một người bạn, đại tá Phan Đắc Lực đãi lẩu dê. Tan cuộc trời về khuya đường thanh vắng, lũ đàn ông chúng tôi bốn thằng xếp hàng đường hẻm vào nhà P.Đ.Lập, đãi đường!!! Trên tay chiếc đồng hồ mạ vàng lóng lánh, Thu Bồn đứng ngoài cùng, chờ cho các vôi rồng phun nước một cô gái ăn mặc đẹp xông đến ôm cứng Thu Bồn. Thu Bồn miệng bô bô, làm gì kì vậy, vợ tôi kia, vợ tôi ghen lắm...

Cô gái buồng Thu Bồn phóng lên yên sau một chiếc xe honda đợi sẵn, ngõ ngang mấy phút Thu Bồn mới biết chiếc đồng hồ mới toanh của mình đã đi theo người tình không chân dung.

Mùa hè oi ả 1993, chúng tôi ba người, Thu Bồn, Trần Công Tấn và tôi ra Huế. Đêm ghé lại quê nhà tôi, Phú Yên, dòng sông con cạn nước, nằm trên cát tìm sao Bắc đẩu, nghe tiếng pháo đám cưới nhà ai 2 giờ sáng thật lạ lùng và cũng thật thanh bình, để đến mờ sáng chúng tôi cùng thấp ba nén hương trên mộ cha tôi, từ già mẹ già tôi tiếp tục trên con đường thiên lý.



■ Tiến Toàn - Trần Sơn Nam - Thu Bồn

Đến Huế, H.P.N. Tường đi Quảng Ngãi chưa về, nhường xe cho Trần Công Tấn về quê. Tôi và Thu Bồn viếng lăng Tự Đức, khung cảnh trầm mặc u buồn, hai thằng tôi rảo bước, tiếng thông reo rì rào, mây nước bàng bạc...

Chúng tôi đứng tần ngần trước mộ vị vua quá cố. Một đoàn khách du lịch Sài Gòn ra đang lắng nghe cô hướng dẫn viên xinh đẹp người Huế ngâm bài thơ “Tạm Biệt Huế” của nhà thơ Thu Bồn. Tiếng vỗ tay vừa dứt. Tôi bước tới một bước.

– Xin lỗi cô vì sao cô thuộc bài thơ này của Thu Bồn?

– Bài thơ này được khắc lên tấm bia đá ở Công Ty Du Lịch, mỗi hướng dẫn viên chúng tôi đều phải thuộc để ngâm mỗi khi tạm biệt khách.

– Cô có biết nhà thơ Thu Bồn ở đâu không?

– Ông ấy ở Quảng Nam – Đà Nẵng.

– Không! nhà thơ Thu Bồn đang ở đây và đây là nhà thơ Thu Bồn.

Một con gấu hai chân bước đến, mọi người trở mắt nhìn và tiếng vỗ tay lại nổi lên với lời yêu cầu chính nhà thơ đọc bài thơ của mình. Sau đó khách du lịch và người hướng dẫn viên đưa Thu Bồn cùng lên xe, giai nhân và thi nhân lại gặp nhau ở những lần hẹn hò trên sông Hương, nhưng rồi nước vẫn chảy về đông và mây vẫn bay trên bầu trời để rồi khi chúng tôi về Sài Gòn mỗi người mỗi ngã.

Người bạn thân thiết của chúng tôi nhà văn Ngô Thảo. Ngày gả con gái đi lấy chồng giá nào cũng phải có Thu Bồn – Lý Bạch Huệ và vợ chồng Tiến Toàn. Chúng tôi từ Sài Gòn ra Hà Nội. Ngày hôm sau hôn lễ hoàn tất tốt đẹp, buổi tối họp mặt gia đình đầy đủ con cháu. Chị Lộc vợ anh Ngô Thảo phân chia công



Nhà văn Ngô Thảo người rút ống thở để đưa Thu Bồn về bên kia thế giới

việc. Thu Bồn – Lý Bạch Huệ tiếp khách. Tôi thay mặt gia đình nói lời cảm ơn đến mọi người. Xong, Ngô Thảo:

– Các Bác trong Nam ra gia đình chúng tôi không biết các Bác muốn gì để chiều các Bác, xin các Bác cứ nói.

Tôi cười.

– Ngày xưa khi Nguyễn Huệ ra Bắc Hà, Nguyễn Hữu Chỉnh cũng hỏi câu đó và Nguyễn Huệ trả lời anh biết rồi.

Trên xe từ Quảng Bá về Hà Nội, Ngô Thảo:

– Mọi việc tốt đẹp. Bà Lộc đưa các bà đi chợ Đồng Xuân, còn bọn tôi đi chơi.

Lần đầu ra Hà Nội nghe đi chợ Đồng Xuân các bà mắt sáng rỡ quên nhiệm vụ cai ngục, thả bọn đàn ông chúng tôi thông dong, vô ngay một quán bia với các em Bắc Hà, uống có người nâng khăn sửa túi. Tôi và Ngô Thảo thằng nào trong túi cũng có tí tiền nên đề phòng các em đụng tới. Thời này các em tiếp thị độc đáo lắm, nhét liền vào túi mỗi chàng một cái “ô kê”, mình biết móc quăng ra, còn Thu Bồn cứ vô tư, cứ thế mà uống, mà “tay em đây mời khách ngã đầu say”.

Là ngà ba thằng chệnh choáng về nhà. Bấy giờ không phải là các em mà là các bà lục túi. Phòng bên có tiếng gầm gừ, tiếng ngắc véo, ui cha... ở đâu đây?

Rồi tiếng Lý Bạch Huệ: Anh Toàn, Ngô Thảo lên đây.

Trời ơi, lờ khóc, lờ cười bọn mình đã quăng đi rồi còn Thu Bồn đại quá đem của nợ này về nhà. Rồi mình cũng cương quyết, chết bỏ, ngu sao khai!!!

Nhưng chuyện rành rành, biết nói làm sao, đành xuống nước năn nỉ, nhà mới đám cưới đừng la lối Ngô Thảo đổ hết lỗi cho tôi. Mới vô quán ông Toàn đã bô bô cái miệng vợ chúng tôi ở nhà ghen lắm các em ngồi xa xa kéo bay mùi nước hoa là chết.

Các em nhét cho Thu Bồn một cái chứ gì! Lý Bạch Huệ nghe qua cũng tạm ổn.

Kỳ Đại hội Nhà Văn Liên Khu 5 ở Đà Nẵng, Thu Bồn muốn đi nhưng Lý Bạch Huệ không cho vì bận đi bán lịch, không theo được. Thu Bồn nói với tôi, tôi đưa cho hai triệu anh làm lộ phí. Thu Bồn đưa lại, tôi ngạc nhiên.

– Sao anh không đi à?

– Bây giờ mang tiền về nhà bà lục lấy hết. Minh hẹn Toàn 5 giờ sáng ở ngã ba Tân Vạn.

Tôi đúng hẹn. Thế là anh lên xe đồ ra Đà Nẵng, nhưng chạy đâu cho khỏi, vừa đến nơi thì Lý Bạch Huệ đã đón anh ở bến xe. Thì ra Lý Bạch Huệ đi máy bay ra trước. Cũng may Lý Bạch Huệ là nghệ sỹ nên dễ hòa hợp với bạn bè, khi về Lý Bạch Huệ cảm ơn, nhờ tôi dịp này Thu Bồn – Lý Bạch Huệ về quê Điện Bàn thăm mồ mả tổ tiên cha mẹ, về Tam Kỳ thăm chị, về Hội An thăm anh.

Năm 1995 nhà văn Ngô Thảo – Phó Tổng thư ký Hội sân khấu Việt Nam vào tổ chức trại sáng tác ở Đà Lạt. Một đoàn hai xe có cả Lâm Triết – Kim Minh, đến La Ngà mua 1 con cá lạng 10kg lên Đà Lạt làm chả cá và nấu cháo. Trời chiều se lạnh, cả đoàn cùng làm, cùng ăn, tiếng cười nói râm ran vui như tết. Ăn xong lên xe đi dạo Đà Lạt đêm, sương mù dày đặc lạnh 8 độ C. Đến khuya các bà vào phòng, cả đám đực rựa nhậu tiếp. Thu Bồn: hồi chiều hình như còn nổi cháo.

Anh xuống nhà bếp bật gaz hâm nóng đem lên mỗi người mỗi tô húp sùm sụp, ai cũng khen ngon.

– Ủa cháo gì mà không thấy gạo?

Nghe ồn mấy bà chạy ra, trời ơi các ông ăn nhầm nồi nước rửa dao thót, còn cháo để trong tủ kia kìa. Thế là hời ơi, người

nào cũng nói tôi mới húp có một tô. Đêm này Thu Bồn viết về Đà Lạt:

*Những dòng thác trắng tuổi thơ
Chập chờn suy tưởng... bất ngờ thông reo
Cuộc chơi tìm những cheo leo
Ta hôn em giữa lưng đèo gió mây...*

Ba năm gần đây sau cơn tai biến anh không còn uống được nữa, nhưng thỉnh thoảng buổi chiều sau khi xong việc tôi cũng đến với anh. Anh ngồi nhìn tôi uống một mình. Hai đứa cũng ít nói, chỉ nhìn nhau.

Anh nói, Toàn ơi cái tay của mình giờ nó khờ, mình bức chỗ này mà nó trúng chỗ kia. Có hôm tôi và anh ngồi trầm ngâm nghe tiếng chuông chùa.

– Anh Thu Bồn ở đây nghe tiếng chuông chùa buồn quá.

– Tiếng đau khổ còn chưa nghe, nghe gì tiếng chuông chùa!

Đầu tháng 6/2003 anh vào bệnh viện Nguyễn Trãi. Anh ốm lắm chỉ còn ba mươi bảy ký mà Lý Bạch Huệ nói anh 50 ký anh vẫn tin và anh cũng tin mười ngày nữa là mình hết bệnh về nhà. Anh nằm trên giường bệnh - Toàn nghe mình hát 307. Một cánh tay còn giơ lên theo điệu hát.

Nhưng đến 19h ngày 17 tháng 6 năm 2003 ở tại căn nhà tự tay anh xây dựng cạnh suối Lồ Ô, tôi cạo râu anh lần cuối.

Ngô Thảo: – Toàn cạo râu cho Thu Bồn để rồi nó ra lại.

Nhưng không, râu Thu Bồn không bao giờ ra dài nữa. 19h 30 anh đã ra đi vĩnh viễn với bao nhiêu thương nhớ của bạn bè và mọi người. Con chim Chơ Rao đã mỗi cánh, con gấu Trường Sơn đã ra đi vĩnh viễn với bao khắc khoải của thế nhân.

“Tâm hồn ơi! Rồi Người sẽ tái sinh”.

NHỚ BÙI GIÁNG

Tôi gặp Bùi Giáng lần đầu năm 1990 ở nhà Thu Bồn số 6 Đặng Thái Thân, Quận 5, TP.HCM, nhưng nhiều lần gặp nhau ở 81 Trần Quốc Thảo, quán bia Hội Văn Học Nghệ Thuật Thành phố và họ Bùi ý thức về tôi là một người đồng hương Quảng Nam, là một người sản xuất xe lăn hiệu Kiến Tường hơn là một người đọc thơ ông.

Một buổi chiều giữa chốn đông đảo ông bảo tôi đưa cho ông cây viết và quyển sổ rồi mặc cho những tiếng ồn ào, mặc kệ những người kêu réo tên ông, “Bùi Giáng” viết vào sổ tôi một cách say sưa, viết những câu thơ không thành bài, đứt từng khúc từng đoạn bốn câu, hai câu, tám câu, không ăn nhập nhau, những câu thơ lạ kỳ, chữ nghĩa lạ kỳ có thanh có tục.

Sau này bạn bè tôi ở Mỹ, Canada, Pháp về Việt Nam tôi đưa cho họ xem, những người quý bút tích Bùi Giáng họ xin tôi và mang đi, chỉ những câu nào có đề tặng tôi mới còn lại. Tôi ghi lại đây một số câu và gởi theo bút tích:

Cả mừng tao ngộ Kiến Toàn

Niềm vui vô lượng muôn vàn tặng thơ

Tưởng bây giờ là bao giờ

Trung sinh thế hệ còn ngờ chiêm bao

Kính Tặng Kiến Toàn – Ký tên – 1992

Bùi Dán

*Dán bao nhiêu tuổi Dán già
Điền bao nhiêu tuổi gọi là điền non
Người còn thì của hầy còn
Còn thằng Bùi Dán hầy còn cái điền*

*Bốn câu tặng Nguyễn Kiến Toàn
Từ vô lượng đến muôn vàn hôm nay
Quảng Nam cố quận ngân dài
Niềm vui tao ngộ từ ngày sang đêm
Hoàng hôn thực nữ dịu mềm
Cả đôi vú với một êm đêm lâu*

Ngày 5.7.1992

124

Lần nào gặp ông cũng nửa tỉnh nửa điên nhưng có một lần ông đi xe ôm đến 81 T.Q.T. nhìn thấy tôi ông sà vào bàn, đứng sững đưa tay bắt người đối diện tôi và ông thay đổi hoàn toàn.

Ông là một người không phải Bùi Giáng, tỉnh táo, điềm tĩnh, lịch sự, nhu mỳ, ông gặp một người bạn, anh Phan Đắc Lực nguyên Đại tá cục tình báo Trung ương – người bạn đồng làng đồng niên và hai người bạn nói với nhau những câu chuyện của tuổi lên năm lên mười của một làng quê Quảng Nam, của một ngôi trường hai người cùng học, những câu chuyện mầy tao mà ngày xưa P.Đ.Lực thường ăn hiếp Bùi Giáng vì khỏe mạnh hơn. Ly bia vẫn để trên bàn đến lúc chia tay Bùi Giáng cũng không uống và có lẽ đây là lần gặp gỡ cuối cùng của họ để Bùi Giáng ra đi và P.Đ.Lực vẫn một tuần hai lượt xe Honda Sài Gòn – Định Quán.

Còn tôi và ông Bùi thỉnh thoảng lại gặp nhau, có khi gặp cả ông và ông già Nam bộ Sơn Nam, cả hai ông vua đi bộ Sài Gòn – Gia Định ở những năm cuối thế kỷ 20, hai tay đưa đi bộ kiệt xuất

– Bùi Giáng – Sơn Nam, hai lão vận động viên mỗi người mỗi nẻo, mạnh ai nấy đi. Thỉnh thoảng họ đụng nhau ở một quán cóc nào đó với một ly rượu hay ly cà phê rồi lại lên đường mỗi người mỗi nẻo rồi lại đụng nhau.

Tết Ất Hợi, năm 1995, mừng Một, năm giờ ba mươi sáng tinh sương, mọi vật đều yên lặng, cây cỏ hoa lá còn ngậm sương, bác Sơn Nam nhà ở cạnh Lăng Ông Bà Chiểu thả bộ xuống đường Trần Quốc Thảo. Qua Tú Xương đến gần ngã tư Nguyễn Đình Chiểu bác thấy một gã đầu bù tóc rối, áo quần tả tơi đang leo rào vào tòa nhà Tổng Giám mục. Đích thực là một kẻ gian, nhưng chưa vội la, thử xem nó lấy gì, núp sau gốc cây chờ. Kẻ gian bẻ một nhánh mai rồi trèo ra, qua hàng rào song sắt nhọn hoắc thật nguy hiểm. Sơn Nam nín thở không dám hó hé sợ kẻ gian giật mình bị tai nạn song sắt nhọn đâm. Đợi kẻ ăn trộm vượt được rào nhảy xuống đất cái bịch, Sơn Nam xuất hiện, chỉ vào mặt.

– Bùi Giáng ăn trộm phải không?

Bùi Giáng bẻ một nhánh mai trên tay đưa cho Sơn Nam.

– Đùng có la tao chia cho một nửa.

Thế là hai ông cầm hai nhánh mai tiếp tục cuộc hành trình trên quảng đường hay quăng đời còn lại của mỗi người để rồi Bùi Giáng về đến đích trước. Ngày 17 tháng 8 Âm lịch năm Mậu Dần, Bùi Giáng qua đời, để lại bao niềm thương tiếc. Còn Sơn Nam mất đối thủ, bỏ đi bộ, lên đời... xích lô rồi xe ôm. Tốc độ có nhanh hơn nhưng mong Ngài về đích muộn muộn để thế gian này, đất Sài Gòn – Gia Định này còn được quyền tự diễn sống để tra cứu.

Ngày bốn tháng tư năm hai ngàn lẻ một, ngày đưa Trịnh Công Sơn ra mộ ở chùa Quảng Bình có hàng vạn người đến tiễn anh. Tôi không đưa anh đi. Buổi trưa một số bạn bè có nhà văn

125

Nguyễn Quang Sáng, Đoàn Minh Tuấn, gia đình bố con Ngô Thảo ghé lại nhà tôi làm một mâm cơm khui chai rượu cúng anh.

Đêm hôm ấy tôi mơ thấy anh đến nhà tôi, lưng thưng bước lên lầu có vẻ khỏe mạnh hơn ngày thường nên sáng dậy gia đình tôi ra thắp hương mộ anh.

Đến cổng chùa, nằm trong nghĩa trang Gò Dưa, một chung cư vĩ đại với hàng vạn ngôi nhà đủ kiểu, không một tiếng ồn, không một lời cãi vã. Chúng tôi đi về phía mộ Bùi Giáng, dù đã đến hai lần nhưng vẫn không tìm ra. Một người đàn ông xuất hiện – Tìm mộ Bùi Giáng phải không? Tôi xây mộ cho ông. Đi theo tôi.

Khi tôi đến trước mộ thì người xây mộ cũng đi mất. Tôi chấp hai tay đứng trước mộ rất lâu, lâm râm đọc những câu thơ trên bia mộ thì một con chàng hiu cũng lần theo từng chữ.

*Thần tiên trên núi
Đùa với tuyết
Đốn với vân
Một mình nhớ mãi
Gái trần gian xa
Sương buổi sớm
Nắng chiều tà
Trăm năm hồng lệ
Có là bao nhiêu*

Tôi đọc đến chữ cuối cùng cúi đầu vái nhà thơ thì một tia nắng xẹt qua báo hiệu mặt trời lên cũng là lúc con chàng hiu phóng ra một tia nước rồi biến mất. Rồi cũng chính vào lúc này chuông điện thoại di động tôi vang lên báo tin người bạn thân nhất của tôi – anh Phan Đắc Lập vừa trút hơi thở cuối cùng sau hơn hai tuần nằm bệnh viện Chợ Rẫy.



■ Trước mộ phần nhà thơ Bùi Giáng

Thế là cả ba nhà Họ Bùi Giáng, Họ Trịnh Công Sơn, Họ Phan Đắc Lập lại gặp nhau ở chốn vô cùng.

Chiều ngày 3/9/2003 một người bạn 40 năm gặp lại, anh Trần Đình Trọng định cư ở Canada, trước 75 cùng học với tôi ở Sông Cầu – Phú Yên sau học chính trị kinh doanh Đại học Minh Đức Đà Lạt ghé thăm cùng nhau hội tụ uống ngàn chén. Anh nói về Bùi Giáng như một người thầy, người anh ngưỡng mộ và nhiều người ngưỡng mộ. Anh ao ước được một lần hội ngộ với trung niên thi sĩ Bùi Giáng. Nắng chiều tà, đêm đã xuống chúng tôi cùng lên mộ. Bước chân khắp khiêng năm người chúng tôi lần mò qua những chung cư im lìm trong bóng đêm để đứng trước mộ thành tâm khấn nguyện cho chàng thi sĩ rong chơi nơi cõi phiêu du và những người còn lại ở cõi dương trần bình an tự tại và chụp cho anh một tấm ảnh lúc mười một giờ đêm, để hôm sau anh lên máy bay về lại xứ người bên kia bờ đại dương và nhớ mãi...

Sài gòn Tết Trung Thu 2003

ẤN TƯỢNG
VỀ MỘT TÁC PHẨM
CỦA NHÀ VĂN
NGUYỄN QUANG SÁNG

Ở trên đời này có một nhà văn viết truyện ngắn và có một độc giả là một nhà doanh nghiệp đọc thuộc lòng không sót một chữ. Nhà văn đó là Nguyễn Quang Sáng và độc giả đó là tôi, Nguyễn Tiến Toàn.

Năm 1992 Hội Nhà Văn Việt Nam tặng giải thưởng văn học cho Nhà văn Nguyễn Quang Sáng với tập truyện ngắn **Con Mèo Foujita**. Tôi tìm đọc với nhiều truyện ngắn như **Bàn thờ tổ một cô đào, Tôi thích làm vua, Chiếc lược ngà...** câu chuyện nào cũng gây cho tôi một cảm nghĩ, một ấn tượng tốt đẹp. Nhưng với truyện ngắn **Bài học tuổi thơ**, khi đọc xong, buông quyển sách xuống bàn, tôi bàng hoàng ngơ ngẩn vì tính chân thật của câu chuyện, cái giản dị của câu chữ, cái chân thành của tác giả làm cho tôi đọc đi đọc lại nhiều lần đến thuộc lòng.

Câu chuyện được nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết về một đứa học trò bị cô giáo cho không điểm bài luận văn vì em để giấy trắng.

Cô giáo ra đề luận văn. “Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố”. Ngày trả bài, có một học trò nộp giấy trắng. Cô giáo cho không điểm, con số không cô cho to bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đấy ba. Chuyện đó ngay ở trong lớp của con chứ không phải con nghe kể đâu.

Cô giáo tức giận hỏi: “Sao trò không làm bài?” Nó cúi đầu lặng thinh. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: “Sao trò không làm bài?” Tới lúc đó nó mới nói: “Thưa cô, con không có ba”. Nghe nó nói, hai con mắt của cô mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng.

Sau này cô giáo và các bạn mới biết em mồ côi cha từ thuở lên ba. Cha em hy sinh ở chiến trường biên giới, mẹ em ở vậy tần tảo nuôi con.

Có người hỏi em: “Sao mà không tả ba của đứa khác?” Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Bạn bè thường phê phán tôi “thật mà thô”. Tôi sống chân thành và thật thà với cuộc đời. Trải lòng sống với mọi người, nhiều khi đến thô thiển:

Yêu ai cứ bảo là yêu
 Ghét ai cứ bảo là ghét
 Dù ai ngon ngọt nuông chiều
 Cũng không nói yêu thành ghét
 Dù ai cầm dao dọa giết
 Cũng không nói ghét thành yêu...
 Phùng Quán

Vì vậy khi đọc xong truyện ngắn **Bài học tuổi thơ** của Nguyễn Quang Sáng, câu chuyện này đã để lại trong lòng tôi một nỗi bàng khuâng. Nhất là đoạn cuối, nhà văn đã buông một câu: “Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.



■ Cùng Nguyễn Quang Sáng và bạn bè

Giữa những dòng chữ bìa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết” Làm tôi đã phải đọc đi đọc lại đến thuộc lòng. Và cũng gợi nhớ cho tôi một thời thơ ấu học trường làng bên dòng sông thơ mộng của quê nhà với những người bạn đầy chân thật. Chân thật đến nỗi học trò lớp năm lớp sáu dám cãi lại thầy giảng, sửa cả ca dao. Thầy giáo dạy: “O tròn như quả trứng gà, Ô thời đội mũ, Ơ thời mang râu” mà có một người bạn cùng lớp một với tôi dám giơ tay - thưa thầy Ơ thời mang ria mới phải, vì râu ở dưới cằm còn ria ở trên mép, hoặc ở lớp đệ thất (lớp sáu) thầy tôi đọc “Trèo lên cây bưởi hái hoa”. Có một bạn la lên – Thưa thầy, trèo lên cây bưởi gai chích lủng háng sao thầy?

Đó là những cái chân thật của thời ấu thơ trong sáng. Thật thà như câu chuyện đùa học trò để giấy trắng bài luận văn.

Tháng 11 năm 2000

NGƯỜI KHẮC BIA ĐÁ

Vua Tần là Doanh Chính con Dị Nhân và Dương Hoa chánh Hậu (có thuyết nói con của người buôn Lã Bất Vi và Dương Hoa) vốn là kẻ háo thắng và tàn bạo. Sau khi gom châu 6 nước: Sở, Triệu, Tề, Hàn, Ngụy, Yên sát nhập thành nước Tần, cho mình là đấng anh hùng cái thế suy tôn hiệu Thủy Hoàng Đế hay Tần Thủy Hoàng. Chia thiên hạ là 36 quận, vẽ bản đồ thống nhất, bắt các nho sĩ về an trí ở Hàm Đan, đốt sách chôn học trò. Kẻ có học đầy đi xây Vạn Lý Trường Thành, lập cung A Phòng tập hợp các gái đẹp bốn phương hơn một ngàn người ngày đêm tử sắc hành lạc.

Năm thứ 27 Tần Thủy Hoàng hội quần thần. Ta muốn tuần du phương bắc và truyền lệnh sửa sang xa giá du hành đến đất Lũng Tây. Đường xa diệu vợi, không kể mưa nắng quân lính lớp lớp tiền hô hậu ứng, đi đến đâu dừng chân lập hành cung đến đó. Quân lính dân tình phục dịch đói khổ chết không kể xiết. Long xa xa mã hàng hàng trước sau. Bỗng nhà Vua thấy trên đỉnh núi Kê Đầu có một đám mây mờ, rồi hiện ra năm vầng hào quang sáng chói. Nhà Vua thấy lạ cho mời quan cận thần Tống Vô Kỵ đến hỏi.

Vô Kỵ: Tàu Bệ hạ – hạ thần đã thấy nhiều thứ mây như Tường Vân, Phù Vân, Thụy Vân, Tề Vân, Khánh Vân. Nhưng chưa thấy thứ mây này, chắc là ám khí, triệu chứng bất thường,

điềm không lành phải trừ ếm. Xin bệ hạ cho khắc năm tấm bia đá ghi công đức của Bệ hạ dựng ở năm điểm mà năm vầng hào quang chiếu.

Tần Thủy Hoàng cho gọi năm người khắc chữ đẹp đến và ra lệnh khắc năm tấm bia đá ghi công đức của Vua Tần.

Người khắc bia già:

Muôn tâu Bệ hạ, thảo dân là người khắc bia ở nghĩa trang, ai sinh ngày nào, chết ngày nào, tháng nào thảo dân ghi đúng đã quen. Nên không ghi sai bao giờ.

Vua Tần: Đây là lệnh phải thi hành.

Người khắc bia già:

Muôn tâu Bệ hạ, để thống nhất một kiểu chữ, xin Bệ hạ cho 4 học trò tôi về, một mình tôi khắc là đủ.

Nhà vua chuẩn y.

Người khắc bia đá già dặn 4 người học trò đưa vợ con trốn sang xứ khác sinh sống, còn mọi việc do thầy.

Chốn hành cung, người khắc bia già cặm cùi khắc ngày đêm, khắc đến đâu phủ nhiễu đến đấy. Nơi hành cung có người nấu bếp, phục vụ Vua Tần giờ rảnh đến xem người khắc bia, một hôm người ấy nói:

Ta kẻ hèn mọn nấu bếp phục vụ cho một người, ngon dở cũng chỉ cho một người, cho một ngày, nhà người mang danh kẻ sĩ làm chuyện cho một đời, cho một trăm năm. Nhưng rồi 100 bia đá cũng mòn, nhưng chuyện cho mình ngàn năm vẫn còn.

Người khắc bia:

Nhà người nấu bếp lo chuyện nấu bếp có sao lại lên đây nhiều chuyện. Từ ấy người nấu bếp không đến chơi, không nói nữa. Chỉ đứng xa nhìn một cách khinh bỉ người khắc bia vẫn miệt mài nắn nét từng nét chữ.

Kỳ hạn đã đến. Một ngày đẹp trời đã đến, tập hợp toàn dân trong vùng, đầy đủ các quan địa phương, bá quan văn võ. Có Vương Bôn, Vương Bỉ, Mông Vũ, Triệu Cao, Lý Tư cùng đến thưởng lãm chúc mừng công trạng của nhà vua. Đích thân Tần Thủy Hoàng ngự lâm. 21 phát đại bác nổ, năm tấm bia đã được chôn cứng từ đêm trước, năm tấm nhiễu đồng loạt mở ra.

Năm vị quan cùng xướng đọc.

Thủy Hoàng Đế, năm thứ 27.

Tuần du phương bắc

Là vị vua cai trị một nước hùng mạnh

Gồm sáu bảy nước, thống nhất sơn hà chấm dứt

phân chia.

Là vị vua anh minh

Dem lại hạnh phúc no cơm ấm áo cho toàn dân

Dem lại thanh bình cho toàn cõi

Nghìn đời trước, nghìn đời sau không ai bằng...

Giờng cuối đó là: **“viết theo lệnh còn sự thật không phải vậy”**.

Tần Thủy Hoàng nổi trận lôi đình, ra lệnh đem đại bác bắn nát năm tấm bia. Lôi cổ người khắc bia chém đầu quăng thây đồng nội cho sài lang xé xác, truy tìm tru di cửu tộc, nhưng về làng thì bốn người học trò đã đi, dân làng cũng đã trốn đi phân nửa, còn phân nửa cũng bị tru diệt cho thỏa lòng tức giận của nhà vua.

Đương đêm người nấu bếp lấy thân và đầu người khắc bia đem chôn trong rừng và lập bia **Mộ Người khắc bia** rồi quì trước mộ:

“Trăm lạy tiên sinh, ngàn lạy tiên sinh tôi là người có mắt mà không người đã lỡ xúc phạm đến tiên sinh xin tiên sinh lượng thứ”.

Thời gian sau người ta thấy bên mộ người khắc bia có bộ xương khô, và tảng đá kế bên có giòng chữ:

**“Xin cho bộ xương khô này được nằm kế bên
người khắc bia vĩ đại”.**

*Người nấu bếp.
Sài Gòn 18-9-2003*

136

Ý TƯỞNG NGƯỜI XÂY DỰNG TRÀ TÂM CHÂU

*Không gian trở thành khoảng trống lặng im
Đường không hoa không lá không chim
Không còn gì nữa hết, không còn cái chết ở trên đời
Không còn ai mỗi mắt đợi con về...
... Mẹ không còn nữa ở trên đời*

Thu Bồn

137

Tôi đọc bài thơ “Mẹ” của Thu Bồn, có tiếng nấc của một người đàn ông ngồi đối diện, mặt đầy nước mắt. Sau 30 tháng 4 năm 1975 người mẹ trẻ bỏ làng quê Quảng Ngãi dắt dìu đàn con bốn đứa, đứa lớn nhất mới 11 tuổi, lên non Bảo Lộc còng lưng hái trà nuôi con. Nhưng ngọn trà không ra khỏi rẫy, cơm không đủ ăn, đàn con trẻ bỏ trường bám váy mẹ lên đồi ngắt xủ vì thiếu ăn. Đứa trẻ mới mười sáu tuổi đầu quyết lòng ra đi – Nguyễn Thanh – qua đến Mỹ một mình bằng hai bàn tay bằng một khối óc, bằng nhiệt huyết của con người Việt Nam vừa làm vừa học, học làm bồi, học tiếng Anh, học làm người xứ người, học làm giàu.

“Học đi thấu hiểu chuyện đời/ Mai sau khôn lớn làm người Việt Nam”.

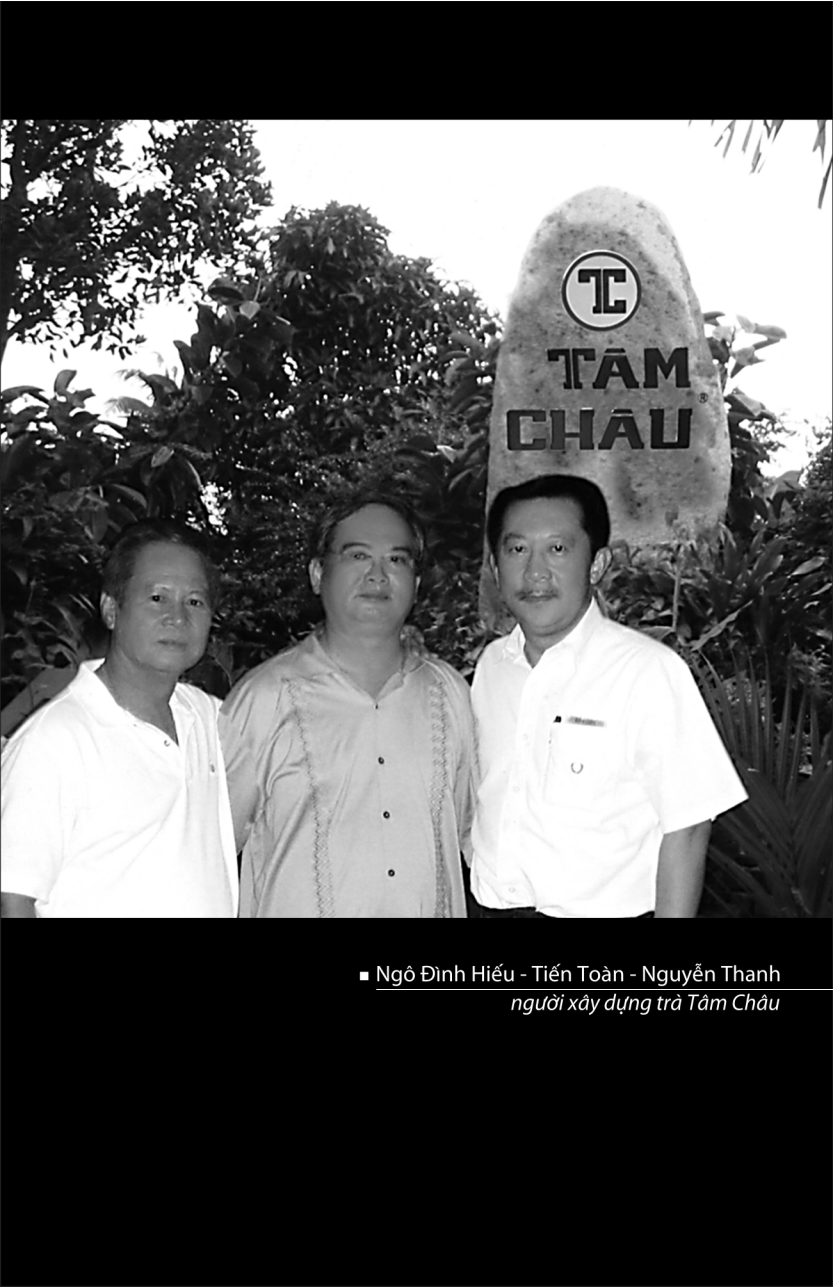
Hai mươi năm sau, đứa trẻ năm xưa thành đàn ông triệu phú đô-la ở xứ người. Người mẹ trẻ năm xưa thành người mẹ già kiệt sức với năm tháng khổ đau và mỗi mắt đợi con về, người con gởi bao nhiêu tiền về để nuôi em ăn học thành tài, nuôi mẹ để thỏa lòng bù đắp cho một thời gian khó nhưng rồi người mẹ cũng ra đi. Nguyễn Thanh về cư tang mẹ, nhà mẹ chỉ có năm bộ đồ mang theo quan tài và vài trăm ngàn đồng nhưng sao người thân thì ít mà người khóc lại nhiều - Nặng lời hỏi các em – tụi mày thuê người khóc mẹ phải không? Thì ra bao nhiêu tiền gởi mẹ, mẹ lặng lẽ giúp cho mọi người cùng cảnh ngộ ngày xưa của mẹ, người xe thuốc lá, kẻ sạp báo, chị xe bánh mì, anh xe hủ tít gõ để cứu họ, cứu gia đình họ ở quê nhà của mẹ Quảng Ngãi, Lâm Đồng. Họ không hề biết nhau nhưng ngày mẹ qua đời họ biết, họ đóng sạp, họ ngừng xe, họ nghỉ tiếng rao phở, về cư tang mẹ họ khóc như khóc mẹ mình.

Và tối hôm nay 27/10 năm 2005 Thanh nghe tôi đọc *mẹ không còn nữa ở trên đời, mẹ không còn buồm trắng giăng khơi, không còn ai mỗi mắt đợi con về*, anh lại khóc mẹ và anh xin hát bài “*Bông hồng cài áo*” trong tiếng nấc nghẹn ngào.

...“*Một bông hồng cho anh, một bông cho em, một bông hồng cho những ai không còn mẹ...*” và mọi người cùng khóc theo anh.

Để rồi sau tang mẹ, anh về lại quê hương thứ hai của anh, có vợ con anh đang sống ở Mỹ nhưng quê hương thứ nhất nơi sinh anh và thân xác của mẹ hiền Việt Nam thêm một lần nữa ăn sâu vào lòng anh. Món nợ ân tình phải trả “*làm giàu xứ người như mặc áo gấm đi đêm*” lời của người xưa...

Sao ta không mặc áo gấm quê nhà.



■ Ngô Đình Hiếu - Tiến Toàn - Nguyễn Thanh
người xây dựng trả Tâm Châu

Đất nước mở cửa, ruộng đồng xanh màu mạ, đồi trà xanh màu lục; ngày xưa theo dòng người thuyền nhân, theo dòng tử sinh gấp gáp; bây giờ anh theo dòng người trở về “Người về mỗi ngày càng đông hơn, người đi hàng đêm càng thưa dần...”

Năm 1998 anh về VN với một triệu đô-la và về nơi mẹ anh qua đời – Bảo Lộc – cùng với người bạn ở cùng tiểu bang Florida – Anh Ngô Đình Hiếu. Con trai tôi 20 tuổi du học ở Mỹ và phụ giảng môn toán của trường đại học đang học; có tư chất nhà giáo nên Nguyễn Kinh Quốc không thích theo chơi nhậu nhẹt, nhảy múa tung bừng của lớp trẻ mà trầm lặng nên thích tìm đến những người lớn để học hỏi những điều cần biết Quốc đã tìm gặp anh Ngô Đình Hiếu – Trưởng ban Việt kiều định cư ở Florida. Ngày anh Hiếu về Việt Nam, chúng tôi tìm nhau hóa ra người xưa tìm nhau; tôi và anh cùng học lớp đệ tứ trường Hàm Nghi – Huế vào năm 1964. Cùng một miền tử sinh Nông Sơn – Đức Dục ở Quảng Nam. Sinh tử, tử sinh không biết nhau, ba mươi hai năm, bốn mươi năm sau tìm nhau trong niềm vui sống sồi. “Tóc xanh giờ đây đã bạc/ Nếu chẳng quen lung, đổ nhìn ra được” Và đứng chẳng nhìn nhau nếu không có thế hệ sau, thế hệ con cháu cho cha chúng tìm nhau.

Anh đến nhà tôi vài tiếng đồng hồ để kịp hẹn nhau ngày thứ năm 27/10/2005 lúc 10 giờ 30 để ăn cơm trưa ở Bảo Lộc. Tôi tự hỏi sao ăn trưa quá sớm? nhưng không, anh là nhà tổ chức và tôi – người đứng giờ để đủ thời gian anh đưa chúng tôi đến những đồi trà bát ngát xanh mướt, dưới nắng hồng có hàng trăm công nhân lom khom hái lá; trong nhà máy rì rầm tiếng máy sấy trà, se cuốn, phơi, sấy, vào bao và đóng hộp. Chúng tôi còn được đến thăm nơi ăn chốn ở của công nhân để tới giờ ăn trưa chúng tôi không quá “đúng bọ”. Một bữa ăn ở nhà hàng Tâm Châu tọa lạc ở Bảo Lộc trên đường quốc lộ Sài Gòn – Đà Lạt, một bữa ăn



■ Lễ khởi công xây dựng trường Duy Tân - Phú Yên

vừa phải không dư bất cứ một tí thức ăn nào. Đó là thiện cảm đầu tiên của tôi với hai anh Ngô Đình Hiếu và Nguyễn Thanh, hai vị lãnh đạo tối cao (Hội đồng quản trị) của công ty trà Tâm Châu VN ở Bảo Lộc, ăn xong họ móc tiền túi trả ngay tại chỗ.

– Các anh không phải chủ của công ty này, nhà hàng này hay sao?

– Chúng tôi mang về Việt Nam mấy triệu đô-la để thành lập công ty này với lời thề không đem một đồng về Mỹ và cũng không sử dụng tiền của CTy Tâm Châu dù chỉ một đồng. Hôm nay anh là khách mời của anh Hiếu nên anh Hiếu phải trả tiền.

Tôi không ngạc nhiên vì chính quê nhà Phú Yên của tôi, nơi người mẹ già đang sống, vào năm 2001 khi về làm chủ tịch HĐQT để huy động những cựu học sinh Phú Yên góp vốn hơn hai trăm ngàn Mỹ Kim và chính tôi cũng đã góp vào đó hai mươi ngàn đô-la xây dựng trường dân lập Duy Tân Phú Yên. Ngày động thổ, tôi cũng hứa với lãnh đạo Tỉnh, với sông núi Phú Yên sẽ không đem bất cứ một đồng lãi nào ra khỏi đèo Cả và đèo Cù Mông ranh giới Bắc Nam của tỉnh. Tôi bắt tay hai anh với một sự đồng cảm sâu xa trong tận cõi lòng của nhau.

Buổi chiều anh Hiếu đưa chúng tôi đi một vòng các nhà máy, nơi ăn chốn ở của công nhân, nơi nào người công nhân cũng cười vui rạng rỡ, cúi chào hay đứng nghiêm chào hỏi một cách thân ái. Đến khu vực của gia đình công nhân, các em bé lớp năm lớp ba chào thưa các chú, các ông rộn rã. Từng căn từng phòng cho nam cho nữ, cho những đôi vợ chồng sạch sẽ khang trang. Với ước mơ của anh có một khu đất rộng hơn năm đến mười héc-ta để nhà xưởng mở rộng, nhà ở công nhân khang trang hơn và có cả trường học cho con công nhân để mai sau chính những đứa con của thế hệ này nối tiếp quản trị Cty Tâm Châu của chính họ.

Tôi mong sao ước mơ của các anh thành công và cần nhất là một ngôi trường của chính mình để dạy con người chữ lễ và trách nhiệm của người với người, với đời, với xã hội và đất nước.

Sài gòn, 4 giờ ngày 16-11-2005

LẦN CUỐI VỚI TRỊNH CÔNG SƠN

Đêm mùa xuân về khuya, xứ Huế trong, yên tĩnh lạ thường, mọi người đã ngon giấc, công viên Khách sạn Đồng Đa còn ba người – Trịnh Công Sơn, Hoàng Thiệu Khang và tôi, bỗng vang lên tiếng rao “phở” trong trẻo của một cô gái. Xe phở chỉ còn hai tô, phần tôi một.

Tôi nói với anh Sơn:

– Vào khoảng 1963 – 1965, tôi học trường Hàm Nghi, ở trọ trong Thành Nội, cứ đêm đêm từ 12 giờ đến 1 giờ khuya, không kể nắng mưa bão lụt, nổi lên tiếng rao – một tiếng một “Phở”.

– Đúng ông bán phở đó, anh Sơn nói – hồi ấy cứ hàng đêm khoảng 9 - 10 giờ thì bên này Sông Hương, tôi ăn, rồi ông qua bên Thành Nội, Toàn ăn.

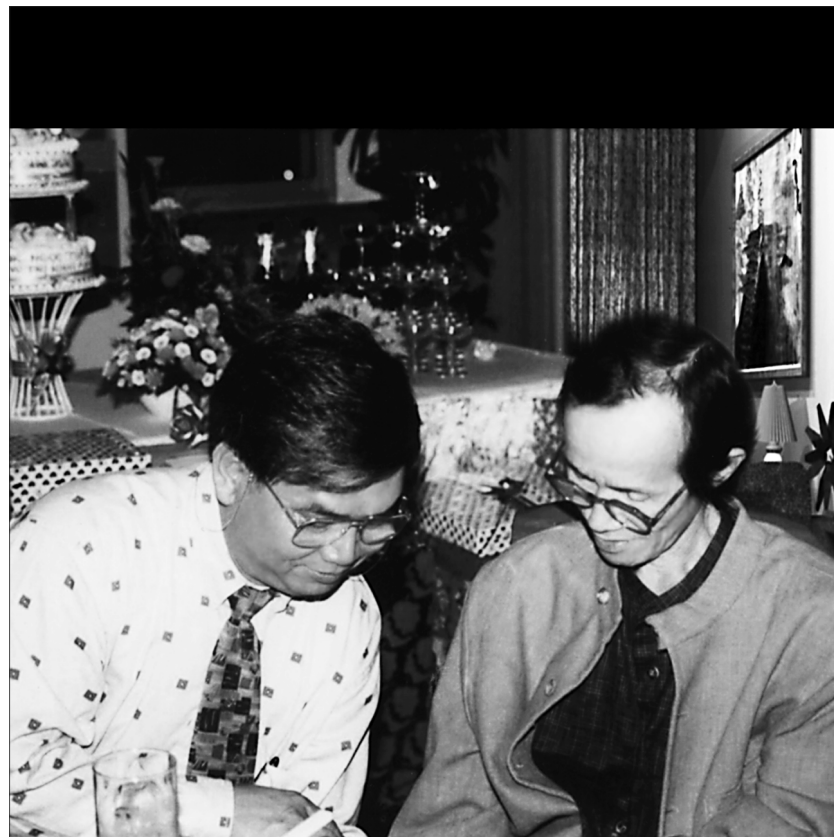
– Cô có biết ông già đó không? Sơn hỏi cô gái bán phở.

– Ông cụ là cha tôi, ông đã qua đời để lại xe phở cho tôi.

Ngước nhìn cô gái độ 30 tuổi, một chút ngậm ngùi cho người xưa, một chút thương cảm cho cô gái mỹ miều hàng đêm đẩy xe phở mấy chục cây số, hương phở thơm nồng, lửa nấu phở ầm. Trịnh Công Sơn rút cây viết từ túi áo, viết hai câu tặng tôi:

*Mùa xuân gặp gỡ nơi này
Món ăn thuở nọ vẫn dài các nay.*

Tặng Toàn 12-2-1995



■ Mùa Xuân gặp gỡ lần cuối với Trịnh Công Sơn

Tôi với anh Sơn tuy không đồng hương nhưng đã cùng uống nước chung một dòng Sông Hương, ăn cùng một xe phở. Bây giờ anh đã về với cát bụi, còn tôi ở lại trần gian với cát bụi đầy mình.

Tôi không hiểu tình bạn của Nguyễn Quang Sáng với anh thân sơ thế nào mà năm nào ngày sinh nhật của anh Sáng đều có Trịnh Công Sơn. Thời bao cấp hầu hết ai cũng nghèo, có năm, gần đến giờ đi dự sinh nhật, nhà tôi dọn cơm, Thu Bồn không ăn, để dành bụng ăn sinh nhật. Nhưng khi vào tiệc, chỉ có duy nhất một món bắp xào mỡ hành và một chai whisky Trịnh Công Sơn mang đến.

Có năm mưa bão đầy trời, thời chưa có taxi, Trịnh Công Sơn cũng đội mưa để bạn chở Honda tới. Và sinh nhật Nguyễn Quang Sáng năm 1999, sau khi qua cơn bạo bệnh, sức khỏe còn yếu, anh cũng đến.

Anh Sáng nói vài lời mở đầu trước khi nhập “tiệc mặn” vì ăn lẩu mắm:

– Hôm nay sinh nhật tôi, ở đây chỉ có mấy người, chỉ có điều không ai được yêu cầu Trịnh Công Sơn hát, thứ nhất vì Sơn không khỏe, thứ hai đừng bóc lột sức lao động của Sơn, tôi thấy nơi nào cũng yêu cầu Sơn hát. Mời mọi người nâng ly!

Qua mấy lần cụng ly, tôi hướng về Trịnh Công Sơn.

– Anh Sơn, nhiều người nói ca từ của Trịnh Công Sơn là thơ nhưng mấy ai phổ ca từ của anh thành thơ, hôm nay tôi xin phép làm việc đó và tôi đọc bài **Tiến thoái lưỡng nan**.

*Tiến thoái lưỡng nan
Đi về lặn đạn
Tình đôi ngập ngừng
Tiến thoái lưỡng nan...*



■ Viếng mộ Trịnh Công Sơn

Anh Sơn lấy cây đàn từ tay Bảo Phúc, hai mắt anh nhắm lại, tiếng hát cùng với tiếng đàn của anh phun ra, anh như tan cùng cây cỏ. Tiếng hát anh đã dứt, tiếng đàn anh đã ngưng, nhưng không có tiếng động nào khác. Tiếng vỗ tay cũng không. Mọi người và không gian im lặng. Trịnh Cung đến từ lâu vẫn đứng yên ngoài bàn tiệc, bây giờ mới từ từ bước vào và dịu anh đi, anh đi như giọt hư không...

05-04-2001
*Viết sau một ngày tiễn đưa
Trịnh Công Sơn ra mộ.*

QUA ĐỜI TRÊN BỤC GIẢNG

36 năm về trước, cũng vào năm Dậu (Kỷ Dậu 1969), thầy Đông Hồ đã nằm xuống trên bục giảng, giữa đám học trò thương yêu mà ông gọi là “con trai, con gái”.

Từ năm 1964, nhà thơ Đông Hồ được mời về làm giảng viên môn văn học miền Nam tại Đại học Văn khoa Sài Gòn, song chỉ đến năm 1969 vì tuổi già sức yếu thầy không tiếp tục dạy nữa, nhưng thầy trở lại trường vì nể lời linh mục Thanh Lăng, khoa trưởng Đại học Văn khoa bấy giờ: “Sinh viên quý tiên sinh lắm, tiên sinh cố gắng đến với học trò, nếu lỡ có ra đi thì âu cũng là nghiệp dĩ”. Câu nói ai ngờ như một điềm báo trước.

Sinh viên học chứng chỉ văn học quốc âm lại được học với thầy. 10 giờ sáng 25-3-1969, thầy dạy chúng tôi tại giảng đường 4. Như thường lệ, thầy dành khoảng một phần tư giờ học chính để nói về đạo lý thầy trò. Rồi thầy nói về cách ngắm nhìn và cảm nhận cuộc sống, kể lại những chuyện xưa cũ trong kho ký ức của một danh sĩ đất Hà Tiên.

Ngoài hành lang giảng đường bấy giờ bỗng có vài tà áo dài màu lướt qua. Thầy nhìn ra và chợt vỗ tay lên trán: “Các con trai, con gái của thầy có biết chủ nhật vừa qua, ngày mồng sáu tháng hai là ngày gì không? Đó là ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng...”.

Ngưng một lát, thầy nói tiếp: “Từ xưa đến nay thơ vịnh Hai Bà rất nhiều, nhưng thầy chỉ thấy có bài *Trung Nữ Vương* trong tập *Tiếng vọng sông Ngân* của Ngân Giang nữ sĩ là cảm động nhất. Thầy còn nhớ bốn câu cuối:

*Ái bắc quân thù kinh vó ngựa
Giáp vàng khăn trở lạnh đầu voi
Chàng ơi điện ngọc bơ vơ quá
Chênh chênh trăng tà bóng lẻ soi*

Nói đến Hai Bà Trưng ai cũng nhắc đến thù nhà nợ nước, nhưng không mấy ai nói đến cảnh cô lẻ của người đàn bà không chồng với vành khăn tang bơ vơ đơn chiếc ở chốn cung vàng điện ngọc...”

Thầy vẫn đứng trên bục gỗ cao giọng đọc lại bốn câu thơ lần nữa trong sự xúc cảm đến tột độ. Câu thơ cuối vừa dứt, chợt thầy loạng choạng vịn tay vào mép bàn. Đám sinh viên nháo nhào lên đỡ thầy, sau đó đưa thầy vào bệnh viện nhưng đã quá trễ... Đến 19 giờ cùng ngày, thầy đã vĩnh viễn đi vào cõi thơ của riêng mình.

Thầy được an táng tại nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi (nay là công viên Lê Văn Tám), đến năm 1983 mộ thầy được cải táng đưa về Hà Tiên, quê hương thầy. Trên núi Tô Châu, trước Kỷ Niệm đường Đông Hồ thi nhân là những bức thư pháp tiếng Việt mà thầy là người đầu tiên viết vẫn in nét tài hoa:

*Ôi đến bao giờ chinh chiến hết
Hỏi làm chi nữa chuyện hoang đường
Than làm chi nữa thời ly loạn
Vạn vật từ xưa đã chủ trương...*



■ Bức thư pháp của nhà thơ - nhà giáo Đông Hồ
Ảnh Minh Hạnh

QUỐC TỬ GIÁM HÀM NGHI HUẾ VÀ NHỮNG LẦN HỘI NGỘ

152

Trường Hàm Nghi – Huế chúng tôi nguyên là cơ sở của trường Quốc Tử Giám. Năm 1803 vua Gia Long cho xây dựng ở làng An Ninh gần chùa Thiên Mụ với tên Quốc Học Đường. Đến năm 1820 vua Minh Mạng đổi thành Quốc Tử Giám. Đến đời vua Duy Tân 1908 dời về kinh thành Huế bên trong cửa Thượng Tứ, cách Đại Nội một con đường.

Từ cổng chính vào trước sân là trụ cờ và tấm bia khắc 14 bài thơ của vua Thiệu Trị. Hai bên đường là hai hàng tượng văn võ mỗi bên khoảng chín vị. Ra xa hơn là hai dãy nhà làm phòng học, dãy bên trái có khắc chữ Quốc Tử Giám bằng chữ Hán, dãy bên phải có hàng chữ Quốc Tử Giám bằng chữ Quốc Ngữ vào 1908. Chính giữa trung tâm là Di Luân Đường và là nơi thờ Đức Khổng Phu Tử. Chính diện Di Luân Đường có tấm hoành phi ghi hai niên hiệu Minh Mạng 1829 và Duy Tân 1908.

Dưới thời Minh Mạng học sinh gồm có ba loại: Tôn sanh (con cháu nhà vua); Ấm sanh (con cháu các quan); Học sanh, Công sanh (con dân bách tính học giỏi).

Đến năm 1956, cơ sở vật chất của Trường Quốc Tử Giám được làm nơi giảng dạy học sinh Trường Hàm Nghi và chỉ còn có một loại học sinh thứ ba - Học sanh và Công sanh. Tuy không còn là nơi đào tạo Tôn sanh và Ấm sanh, chúng tôi những cựu học sinh Hàm Nghi có một chút tự hào đã từng ngồi ghế nhà trường của các bậc tiền bối của mình, đã từng được đào tạo nên những bậc tiến sĩ và danh nhân của đất nước. Đến năm 1975, trường Hàm Nghi không còn nữa.

Từ già trường, từ già xứ Huế, bạn bè thầy trò tình sâu nghĩa nặng, trái đất mệnh mông bước chân người lữ thứ của một thời bom đạn, ly tán. Kẻ sống, người chết. Kẻ chết về đâu? Người sống tìm nhau.

1994

Ba mươi năm sau tôi trở về Huế, về lại ngôi trường cũ. Tần ngần đứng trước cổng. Trường không còn học trò mà chỉ thấy toàn súng đạn, xe tăng, thiết giáp. Di Luân Đường không còn là nơi thờ Đức Khổng Tử mà là nơi trưng bày vũ khí chiến tranh. Sao lạ thế này? Trường học phải là của học trò dù làm bảo tàng đi nữa cũng là một việc không nên có, dẹp học trò để chứa vũ khí, nhất là ngôi trường đã một thời mang tên Quốc Tử Giám.

Bùi ngùi từ già trường về lại ngôi nhà cũ để tìm lại một chút hơi hướng của người xưa mới biết người thầy mà tôi yêu quý nhất, thầy Trần Đức Võ ở Sài Gòn, chỉ cách nhà tôi ba cây số trên cùng một con đường. Cùng một thành phố mà hơn mười năm không biết! Thế rồi tôi tìm thầy và thầy cũng tìm tôi. Thầy trò tìm nhau và những lần họp mặt Hàm Nghi bắt đầu.

1995

Lần đầu tiên thầy trò gặp nhau ở nhà tôi, 28A đường Lê Đại Hành, có khoảng mười người, thầy nhiều hơn trò, có thầy Trần Đức Võ, thầy Nguyễn Duy Khác, học sinh Nguyễn Tiến Toàn,

153

Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Sa, Nguyễn Thiện Tống, Nguyễn Kim Đính... Cùng năm này có một cuộc gặp mặt lần thứ hai ở một nhà hàng trên đường Lê Văn Sĩ do thầy Khác tổ chức họp mặt các giáo sư Hàm Nghi cũ, chỉ có hai học trò được tham dự, TS. Nguyễn Thiện Tống và tôi. Đó là những đốm lửa thấp lên để chuẩn bị cho các cuộc hội ngộ sau này.

1997

Lần thứ ba, vào ngày mùng 10 Tết Đinh Sửu 1997 trong khu du lịch Kỳ Hòa hơn năm mươi người, đông đủ thầy trò luôn cả vợ con thật vui trong niềm tao ngộ. Thầy trò gặp nhau mừng mừng tủi tủi, tay bắt mặt mừng, người nào cũng cười nói huyền thuyên, ôm nhau rung rung nước mắt. Kiểm lại kẻ còn người mất sau bao nhiêu năm biến đổi, bom đạn ngút trời, sao dời vật đổi. *Kẻ chết về đâu/ Người sống tìm nhau/ Nước mắt sông Hương chan chứa/ Canh cánh ưu tư một nỗi cội nguồn.*

Tóc các thầy đã bạc, tóc học trò có người còn trắng hơn. Những kỷ niệm xưa một thời quây phá như quỷ sứ lại nổi dậy, mỗi người hát một bài, đọc một câu thơ, kể một câu chuyện. BS Lê Hành lại nổi máu thời con nít bay lên sân khấu cướp micrô trong tay Nguyễn Văn Đức mới vừa dứt câu cuối của bài Tiếng Sông Hương.

– Thừa thầy Khác xin lỗi thầy cho em kể chuyện này. Hồi em học Đệ Thất thầy làm Hiệu Trưởng, giờ ra chơi em với thằng Hà đánh nhau. Thầy bắt hai đứa lên văn phòng quỳ gối, thầy hỏi:

– Tại sao đánh nhau?

– Dạ em chửi thằng “khác” mà nó nói em chửi nó rồi nó đánh em, em đánh lại.

Thầy trố mắt nhìn, em tỉnh bơ. Thầy cho hai đứa về lớp. Xin lỗi thầy hồi ấy tụi em chỉ biết thầy Hiệu Trưởng chứ đâu biết thầy là Nguyễn Duy Khác, vị Hiệu Trưởng Hàm Nghi cuối cùng và duy nhất còn hiện diện trên đất nước Việt Nam, để chúng em làm điểm tựa, để hôm nay có cuộc họp này.

Và cũng từ buổi gặp gỡ này thầy trò càng sâu đậm hơn để một Ban chấp hành được ra đời với hơn mười thành viên. Nguyễn Thiện Tống được bầu làm trưởng ban, nhưng cũng năm này Nguyễn Thiện Tống bận đi Pháp và bận rộn cho việc ứng cử đại biểu Quốc Hội nên được sự ủy nhiệm của thầy Khác và thầy Võ tôi đứng ra tổ chức buổi gặp gỡ đầu năm.

1998

Một cuộc họp mặt liên kết giữa hai nhóm thầy trò Sài Gòn và Biên Hòa có thầy Thảo, cô Kim Chi, BS Lương, BS Để... và đi đến quyết định cuối cùng là tổ chức tại nhà hàng Bửu Long vào ngày 22/2/1998 nhằm ngày 26 tháng giêng năm Mậu Dần. Bạn bè lũ lượt kéo nhau về tụ hội. Có vài bạn ở Vũng Tàu, Cần Thơ, Long Khánh.

Thầy trò vui nhau như Tết lại nhắc về những kỷ niệm xưa. Một bạn xa vừa nói vừa khóc – ngày xưa con là một thằng học trò ngỗ nghịch, quây phá số một, học thì ít, chơi thì nhiều. Một hôm quây trong lớp giờ Việt Văn, thầy Dật bắt lên văn phòng gặp thầy Võ, giám học. Biết cách gì cũng bị ăn roi, lấy quyển tập dút vào mông, thầy Võ bắt nằm xuống quất một roi kêu cái bộp. Rút tập ra thầy quất thêm một roi nữa rồi ngưng. Nước mắt vẫn chảy, tôi nằm chờ những ngọn roi tiếp nữa, nhưng thầy – Không đứng dậy đi học còn nằm đấy?

Từ ấy tôi không còn hoang nghịch nữa và tôi cũng hiểu các thầy đánh dọa mình chứ không đánh đau. Những lần roi êm ái đó để tôi nhớ suốt đời. Ngày nay tôi trở thành một bác sĩ cũng

nhờ những lần roi ở mông ngày thơ ấu. Xin thầy Võ cho con vái thầy một vái.

Bạn bè thầy trò chúng tôi là thế đó. Sau ba mươi năm gặp nhau tình nghĩa vẫn hằn sâu trong tâm khảm, vẫn nhớ mãi nhau. Làm gì giúp được cho nhau, không nệ hà so đo.

Chúng tôi chân thành cảm ơn anh Phan Quý Nam, Bác sĩ Giám đốc Bệnh viện Nguyễn Tri Phương – TP HCM. Đầu năm 2003, cha vợ tôi bị đột quy lúc năm giờ sáng. Trên đường đến bệnh viện tôi gọi cho anh. Anh liên lạc với bệnh viện để sẵn sàng chờ cấp cứu và hai phút sau anh cũng có mặt để trực tiếp chữa trị. Nhưng con đột bệnh không cứu được, chính anh lo mọi thủ tục xe cộ để đưa cha tôi về rồi sau đó cùng anh em đến viếng.

Cuộc họp mặt ở Bửu Long năm 1998 đến hồi kết thúc, một ban liên lạc mới được ra đời. Nguyễn Tiến Toàn được tín nhiệm thêm một nhiệm kỳ nữa với yêu cầu là BLL không thay đổi nhưng trưởng ban mỗi năm một nhiệm kỳ và điều này trở thành thông lệ cho những năm sau. Và cũng từ đây mỗi năm vào ngày chủ nhật nào thuận tiện sau mùng 10 Tết thầy trò bè bạn lại gặp nhau.

1999

Tết năm Kỷ Mão (20-1) vào ngày 7/3/1999 để thuận tiện cho cựu học sinh hai vùng Sài Gòn – Biên Hòa cuộc họp mặt đầu năm được tổ chức tại nhà tôi, cũng là xí nghiệp sản xuất Xe Lăn Tay hiệu Kiến Tường ở Thủ Đức. Thầy trò khắp mọi miền đất nước đều kéo về tề tựu. Xa nhất từ Huế vào, Cà Mau, Cần Thơ, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa lên và cả hải ngoại. Đây là cuộc gặp đông đủ nhất gần 170 người. Bạn bè quây quần bên nhau ca hát chúc tụng, mừng mừng tủi tủi bạn bè tìm nhau, thầy trò tìm nhau.

Tôi đang ngồi, một người đến chìa quyển sổ – Anh viết cho tôi vài chữ làm kỷ niệm. Tôi với Toàn một lớp Tứ 1 năm 1963-1964.

- Anh tên gì?
- Hoàng Văn Thừa!

*Viết cho Hoàng Văn Thừa
Một chữ cũng không dư
Rung rung dòng lệ cũ
Người bạn xưa Hàm Nghi...*

Hoàng Văn Thừa học ĐHSP Huế, Khoa Sử, đi dạy được mấy năm rồi một thời lặn lội trôi dạt vào Thủ Đức. Một hôm anh mời tôi sang nhà chơi, vợ đi vắng, con đi học chỉ còn hai thằng bạn năm xưa uống hết một chai Hennessy. Ngoài trời mưa như thác đổ, anh lại đưa quyển sổ Toàn viết cho mình về mưa.

*Mua tại trời
Thương tự người
Nếu trời không tưởng tôi cũng tưởng
Thương nhớ người xưa một tấm lòng.*

Cuộc hội ngộ ở Thủ Đức kéo dài vô tận, đến hai giờ chiều các thầy cô ra về còn một số học trò còn ngồi lại uống, lại ca hát, nói với nhau nghe một quãng đời đã qua.

2000

Một Trưởng ban mới được bầu anh – Nguyễn Văn Đức, thầy giáo Hiệu phó một trường dân lập được giao nhiệm vụ cho năm sau, năm 2000 được tổ chức ở khu du lịch Đầm Sen. Cuộc gặp gỡ chu đáo hơn, một chương trình văn nghệ hoành tráng hơn, một bàn thờ với di ảnh vua Hàm Nghi được thiết lập để mọi người thắp hương cúi đầu tưởng nhớ về một vị vua yêu nước, về ngôi trường đã mất, chỉ còn lại thầy trò biết tìm nhau biết nương tựa

vào nhau. Phải nói học trò Hàm Nghi là một thế hệ xuất sắc, biết tự giác tự lo, mỗi người mỗi nhiệm vụ, mỗi người mỗi việc để những lần gặp gỡ luôn sinh động và ấm áp. Năm nay có thầy Nguyễn Cửu Triệp dạy vận vật từ Cần Thơ lên dự và luật sư Nguyễn Duy Cân được bầu làm trưởng ban cho năm 2001.

Sau khi dời đổi chỗ nhiều lần, cuộc gặp gỡ được tổ chức ở quán Thủy Trúc đường Đinh Bộ Lĩnh gần bến xe Miền Đông, vì thay đổi địa điểm nhiều lần nên nhiều người không được giấy mời nhưng các thầy cô cũng đến rất đông. Trong lần gặp gỡ này thầy Nguyễn Duy Khác yêu cầu xuất bản một tập san cho Hội và BS Lê Hành được bầu làm trưởng ban. Trong buổi họp này có nghi lễ trao di ảnh, người trưởng ban trước trao di ảnh vua Hàm Nghi cho người kế nhiệm và Lê Hành hứa sẽ vận động đúc tượng đồng vua Hàm Nghi.

Và cùng trong cuộc họp mặt này xuất hiện một cô em gái, cô Nguyễn Thị Tuyết Hạnh học lớp Đệ Nhị năm 1967, làm cho buổi họp vui hơn, vui nhất là thầy Khác. Con, có con trai con gái, học trò, có nam có nữ. Cô em gái hiện là chủ doanh nghiệp đã đi nhiều nước và có một thời gian dài ở Nga, nên phần thu chi kế toán thủ quỹ giao cho cô. Cô Hạnh làm một cách rành mạch đỡ một phần cho các anh đực rựa. Các cuộc họp hàng tháng hàng năm của ban chấp hành cô đều có mặt làm cho không khí cũng vui hơn.

2002

Cuộc họp mặt mùa xuân năm Canh Ngọ. Vào những ngày cuối tháng Giêng năm Canh Ngọ, như thường lệ 3/3/2003 BS Lê Hành dù là người bận rộn nhất thế gian, Trưởng khoa giải phẫu cổ mặt ở bệnh viện Chợ Rẫy, phòng mạch và thẩm mỹ viện ở nhà, vừa đẹp trai, vừa ca sĩ chạy sô nhưng cũng hoàn thành nhiệm vụ một cách dễ... run. Tết đã qua, địa điểm họp chưa có,



■ Bạn bè mừng sinh nhật Nguyễn Tiến Toàn

mà anh thì mất hút nơi đâu, cuối cùng rồi cũng gặp nhau ở hội trường Trường tiểu học Trung Trắc, Quận 11, nhờ cô Hiệu Trưởng là học trò cũ của anh Nguyễn Văn Đức, cho mượn chỗ.

Mặt trời vừa lên, bạn bè tam phương tứ hướng kéo nhau về trên sân trường tít ta tít tít, gặp nhau như thời thơ ấu – trên sân trường tưởng dạo chốn đào nguyên – Năm nay các thầy đi dự có ít hơn mọi năm. Tôi nhìn quanh quất không thấy thầy Trần Đức Võ, lòng chùng xuống như sợi dây đàn – thầy mới dời nhà nên lạc địa chỉ – lạc một “tông”. Nhạc sĩ Miên Đức Thắng từ Đức về, đến đứng sau lưng cô Kim Tiêu: Thưa cô ngày xưa cô thương con nhất và con là đứa bị cô la rầy nhiều nhất, vì con hát hay, bụ bẫm, và cũng hoang nghịch nhất. Con xem cô như mẹ, như bà tiên. Vì không có mẹ con mang hình ảnh cô đi khắp thế gian, suốt mấy mươi năm mong một lần gặp cô. Đến hôm nay 35 năm qua mới gặp được. Cảm ơn ban tổ chức, cảm ơn các bạn Hàm Nghi đã cho chúng ta gặp nhau.

Đến giờ làm lễ, trên bàn thờ với đầy đủ hương hoa lư đèn, đặc biệt là bức tượng đồng vua Hàm Nghi mà Lê Hành đã khổ công thực hiện. Cuộc hội ngộ lần này có lẽ vui và đông nhất. Có đại diện đồng hương Huế, ông Lê Nam Kim và anh Trần Hữu Lục trưởng ban biên tập tập san Nhớ Huế cũng là cựu học sinh đến dự. Một chương trình văn nghệ xuất sắc khách lẫn chủ. Có nhiều cô dâu của trường nhưng tiếc là không có chú rể nào đến dự. Lê Hành đưa cả vợ con đến quay phim. Ông Lê Nam Kim có than phiền là trưởng ban liên lạc của trường thay đổi mỗi năm nhanh quá không biết đâu mà liên lạc, có lẽ lộc gì không biết ai mà mời?

– Thưa anh, mỗi người trong BLL của chúng tôi ai đã làm trưởng ban một lần coi như trưởng ban. Anh cứ giới thiệu là trưởng ban của cựu học sinh Hàm Nghi không sao. Còn nhiệm

vụ của chúng tôi một người xuống lại đứng sau người mới và cứ thế nối tiếp nhau cùng lo, cùng chịu trách nhiệm, để người mới làm một cái mới. Cuộc gặp nhau không bao giờ muốn dứt, tiếng cụng ly, tiếng cười nói dòn như pháo Tết, mà đúng là ngày Tết của Hàm Nghi.

“Tiễn nhau đi ngàn dặm, một phút cũng chia tay”. Người kế tiếp nhiệm kỳ này chuẩn bị, BS Phan Quý Nam, dù đã được dặn dò trước nhưng giờ cuối anh bận họp đột xuất nên chúng tôi bốc ngay một cựu học sinh đang làm nhiệm vụ chụp ảnh – Tiến sĩ Kinh tế Phạm Văn Lâm lên thay. Giao máy ảnh cho người khác, không áo vest, không cà vạt, cứ lên mọi việc có nhau. Anh không nhận thì năm sau cũng phải nhận. Thế là Tiến sĩ Phạm Văn Lâm nhận di ảnh từ tay BS Lê Hành.

2003

Hội chúng tôi có cái hay là vậy, xốc vác mỗi người mỗi việc, ai làm được gì là làm, không nệ hà. Mỗi lần gặp nhau mỗi người đóng góp tối thiểu 50.000đ, ai không đóng cũng không sao nhưng hầu hết mỗi người đều đóng.

Mỗi năm họp mỗi ngày khác nhau ở mỗi địa điểm khác nhau, giống như vua Hàm Nghi lúc ở ngai vàng, lúc ở Tân Sở, lúc ở rừng núi âm u, nhưng vẫn họp mặt đông đủ. Ai có giấy mời cầm giấy mời; ai không có giấy mời cầm tay bạn mà đến, thương lắm Hàm Nghi ơi!!! Ai hát được cứ hát, ai nói được cứ nói, chuyện tình nghĩa dài không sao kể xiết, nhưng nhớ nói ngắn để còn người khác nói.

Anh Lâm nhận chức trưởng ban, một cuộc họp mặt thầy cô ngày 20/11/2002, ngày Hiến Chương Nhà Giáo được tổ chức tại Vườn Bích Câu. Học trò đưa bó hoa, đưa chai rượu tự động mang đến để tôn vinh thầy cô của mình. Thầy trò gặp nhau như cha con, như bè bạn, tự nhiên và thân ái. Cũng ngày này anh Lâm

tặng thầy cô và mỗi người một huy hiệu trường Hàm Nghi giống y huy hiệu ngày xưa lũ học trò chúng tôi đeo ở ngực trái gần trái tim một cách hãnh diện.

Và ngày chủ nhật cuối tháng giêng năm Quý Mùi đã đến, thầy trò bè bạn gặp nhau thân mật ở Hội trường Bệnh Viện Y Học Dân Tộc trên đường Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, Sài Gòn. Những việc làm trong năm qua được báo cáo với mọi người và kế hoạch xin lại trường Hàm Nghi hay một trường khác mang tên Hàm Nghi. TS Phạm Văn Lâm lúc Sài Gòn, lúc Huế, làm công văn đi thương thảo nhưng mọi việc đều ở trong mơ. Tượng đồng vua Hàm Nghi được Lê Hành mang đến đặt trên bàn thờ một cách trang nghiêm. Việc lớn chưa thành thì làm việc nhỏ, lo phần thưởng cho các em học sinh giỏi, gởi một ít tiền về quê nhà xứ Huế. Đến phần báo cáo tài chính, cô em gái Tuyết Hạnh vác sổ dày cộm lên thông báo thu chi một cách rành mạch và lời cuối: Cho em từ chức thủ quỹ vì em làm thủ quỹ chỉ giữ sổ chứ không giữ tiền. Tiền thu đến đâu chi đến đó không âm là mừng.

Thế là một rừng tay giơ lên xin đóng góp để thủ quỹ có tiền mà giữ. Người 20 triệu, người 5 triệu, người 1 triệu, người 100 ngàn, người 50 ngàn... Số tiền lên đến 30 triệu. Tôi người chụp hình ghi lại hết hình ảnh ký sổ của mọi người.

Và như thông lệ một trường ban mới được bầu là BS Phan Quý Nam. Anh đang họp ở Majestic trả lời điện thoại anh em giao là làm. Di ảnh và tượng vua Hàm Nghi do anh Lê Văn Tạo và Kỹ sư Lê Hiếu Hữu nhận thay BS Nam. Phan Quý Nam hứa năm nay phải xuất bản tập san Hàm Nghi, nếu không xong thì phải làm thêm một năm và năm nữa, đến khi hoàn thành được lời hứa của mình.

Làm trưởng ban liên lạc Hà Nội là một vinh dự đầy thân ái của thầy cô và bạn bè giao nhưng là một trách nhiệm ít người

muốn nhận. Lần gặp gỡ nào của học sinh Hàm Nghi đều đẹp, đều đậm tình nghĩa. Mọi người đang chờ tập san Hàm Nghi cũng mong đợi ngày Tết Hàm Nghi đầu năm Giáp Thân 2004.

2004

Tám giờ sáng ngày chủ nhật, ngày 08 tháng 02 năm 2004 nhằm ngày 18 tháng Giêng năm Giáp Thân. Một sự trùng hợp của những con số được ghép lại bằng những vòng tròn, vòng tay thân ái của một “quốc gia” nhỏ bé, ít dân số nhất, bên cạnh các “cường quốc” rộng lớn, dân số đông đúc như Quốc Học, Đồng Khánh. Ngày Tết của thầy trò Hàm Nghi Huế, vừa vui như Tết vừa để tổng kết hoạt động của Ban liên lạc.

Có lẽ năm qua, năm Quý Mùi, Trưởng ban liên lạc anh Phan Quý Nam là một năm sôi nổi nhất trong mười năm hoạt động của Hội. Bác sĩ Phan Quý Nam là nhà khoa học, nhà quản lý – Giám đốc Bệnh viện Nguyễn Tri Phương có ngàn cán bộ, công nhân viên, y tá, bác sĩ cùng với vài ngàn bệnh nhân mà anh phải lo. Nhưng ngày họp mặt bạn bè thầy trò Hàm Nghi với anh cũng rất quan trọng. Gần bảy giờ sáng anh đã có mặt ở phòng họp, tự tay rinh từng cái ghế, đóng từng cây đinh, treo từng bức ảnh cho phòng họp thêm phần long trọng. Buổi họp nghiêm trang, đầm ấm, ngắn gọn, mọi người đều phát biểu vừa đủ, không dài, không ngắn, chỉ có phần phụ diễn ảo thuật là hơi thừa.

Phản kêu gọi mọi người đóng góp cho học bổng, chỉ có một số người đóng năm triệu, ba triệu, một triệu mà thiếu đi phần đóng góp một vài trăm ngàn hay năm bảy mươi ngàn của đại đa số các bạn. Mong rằng kỳ họp năm 2005 trở về sau, việc làm của chúng ta sẽ có hiệu quả hơn, lưu ý đến đời sống của thầy cô nhiều hơn, nhất là thầy cô ở xa lặn lội về hội ngộ như thầy Nguyễn Cửu Triệp ở Cần Thơ.

Chúng ta phải lưu ý là chúng ta cũng đã già, lớp trẻ nhất không dưới 45, lớp cao 64. Thầy chúng ta như những ông cha đã già. Có lần thầy Khác đang phát biểu điều gì đó, Lê Hành nói nhỏ với tôi, thầy mình già rồi. Tôi nói lại tụi mình cũng không còn trẻ.

Quanh quẩn trong vòng quay tạo hóa hơn ba mươi năm đã qua của một ngôi trường không còn nữa, thầy trò lưu lạc đâu đó như muốn tìm về đất hứa. Thầy trò lưu lạc tứ phương hãy cố tìm nhau, dù ở phương trời nào cũng tìm nhau, thăm viếng nhau lúc đầu ốm, chia buồn với nhau lúc hoạn nạn. Năm 2003 mẹ anh Phạm Văn Lâm đã mất ở Huế, Hàm Nghi không thăm viếng, không phúng điếu là sai. Lỗi anh không cho Hàm Nghi biết, Hàm Nghi không biết là lỗi nặng hơn. Tôi xin thay mặt cựu học sinh Hàm Nghi xin lỗi anh Phạm Văn Lâm và gia đình anh. Từ đây về sau nếu có điều gì không biết báo cho ai, xin các bạn Hàm Nghi hãy báo cho *Nguyễn Tiến Toàn* – ĐT: 090 380 2521.

Niềm mơ ước có một ngôi trường mang tên Hàm Nghi trên xứ Huế đã có một phần kết quả. Tập san Hàm Nghi bao lần đắn đo rồi cũng được trình làng, cũng đã đến tay thầy cô cùng những người bạn thân ái dày trên hai trăm trang cầm nặng tay với hình bìa là cổng trường Quốc Tử Giám ngày xưa. Nhưng có điều để bên cạnh tập san Nhớ Huế và Quốc Học - Đồng Khánh rực rỡ màu sắc, lộng lẫy như cung vàng điện ngọc, còn Hàm Nghi chúng mình mang một màu xanh, màu thâm u của vùng Tân Sở, màu núi rừng bạt ngàn chiến khu Quảng Trị của vua mình, nhưng bên trong chứa đựng bao nhiêu ân tình như linh hồn của một vị vua lưu vong.

*Tấm thân lưu lạc quê người
Mà hồn vẫn ở tận nơi quê nhà
Ngai vàng vừa cũ vừa xa
Ánh vàng vương miện cũng là hư không*

*Mặt trời vẫn mọc đằng Đông
Lăng minh quân vẫn ở trong lòng người
Bao triều vua phế đi rồi
Người yêu nước chẳng mất ngôi bao giờ!*

Những câu thơ nhà thơ Nguyễn Duy viết cho vua Duy Tân nhưng cũng chính là viết cho vua Hàm Nghi. Chúng ta, con cháu của Ngài – Học sinh của ngôi trường mang tên Ngài hãy thấp lè tè bàn thờ với tượng Đức Vua một nén hương. Và tập san Hàm Nghi của chúng ta cũng là một nén hương trầm thơm ngát ở cõi lòng.

Anh Phan Quý Nam đã làm xong nhiệm vụ. Một ngày lễ nhớ ơn thầy cô, một ngày hội thật chu đáo để bàn giao nhiệm vụ cho một người bạn là bác sĩ Phan Tiêu Thu, rồi đứng bên cạnh. Mong rằng những người tiếp sau mỗi người một việc mới, một việc đẹp, mà tôi, người cầm bút giữa đêm khuya tiếp tục viết những dòng chữ thanh thản cho cõi lòng, cho tình bạn, cho tình thầy trò, cho tình yêu nở hoa dù giữa một rừng gai đắng hay một vùng đất màu mỡ... Những tập san, những bài viết, những lá thư nơi phương trời xa nào đó gửi về cũng làm ấm lòng người.

Tập san Hàm Nghi ra đời, chúng ta nhận được một lá thư của một người bạn tận chân trời góc biển gửi về dù chỉ ít dòng cũng làm mọi người xúc động. Tôi xin viết lại nguyên văn lá thư cho mọi người cùng đọc.

June 22, 2004
Stime & Naskell Research Center
Newarki DE 19714

*Kính gửi bạn hiền.
Chúng mình đồng môn, tuy không biết ai huynh, ai đệ,
nhưng mỗi trong ta có chung một góc trường một mái Di
Luân Đường đây kỷ niệm để nhớ để thương.*

Vừa rồi nhạc phụ và nhạc mẫu tôi gởi qua tặng cuốn Đặc San Hàm Nghi 2004, mừng quá vì thấy rằng phần đông bạn bè còn đó, thầy cô thân thương còn đó. Một cảm xúc, một hoài niệm trở về nơi mái trường xưa.

Thấy Quốc Học Đồng Khánh họ xôm tụ quá nên người Hàm Nghi cũng buồn, đặc san Hàm Nghi lại có bài của thầy cô viết, bạn bè tham gia, dẫu ở phương xa lòng vẫn nôn nao của cánh chim bằng nhớ về nơi tổ ấm. Ngày nào ta gặp bạn bè xưa. Nhân tiện nhờ bạn hiền nộp giúp bài toán hóc búa của cô K.T. dù nộp trễ gần 38 năm.

Ngày xưa em đến thăm cô
Một mình lên hái hồng đào gia trang
Hàm Nghi em đùa trò “ngoan”
Hồng đào không hái “lỡ có thằng nhanh tay”
Trái ngon nào dám hái nhiều
Phận mình một quả, chừa cô năm phần

Thanh Nhật Trân

Bài toán hái hồng cô Kim Tiêu ra đề, Hoàng Tấn đã giải đúng ba mươi năm về trước nhưng ba mươi năm về sau đọc lại không đúng đề nên nhiều bạn không giải được. Tập san Hà Nội kỳ này, tôi xin có hai điều đính chính:

– Thứ nhất, người học trò nghịch ngày xưa bị đánh đòn để bây giờ thành bác sĩ, sự thành đạt của mình có những lần rơi vào đít của thầy Trần Đức Võ lúc đó là giám học chứ không phải giám thị và người học trò đó là bác sĩ Lê Toàn ở bệnh viện cao su Đồng Nai.

– Thứ hai, bài toán đúng của cô Kim Tiêu ra đề ngày xưa là:

Tan tác trời vừa mới rạng đông
Rủ nhau đi hái mấy trái hồng



■ Trường xưa Tôi học
Quốc Tử Giám - Hàm Nghi Huế

Mỗi người ba quả thừa năm quả
Mỗi người năm quả một người không
Hỏi mấy quả?

(Đáp án 20 quả)

ĂN CẤP CHÁU

Con gái tôi, giảng viên trường Đại học Bách Khoa, nhỏ con, ốm yếu vì tuổi thơ thiếu ăn, thiếu sữa, bị suy dinh dưỡng. Có chồng năm 1997, đến năm 2000 sinh khó phải mổ bụng lấy con ra, nằm bệnh viện bảy ngày. Đến đón mẹ con về, quyết định sau cùng của bác sĩ là để mẹ về một mình, còn cháu bị suy hô hấp phải ở lại để chăm sóc đặc biệt.

Buổi chiều đến thăm con. Con gái tôi như nhúm giẻ rách, người rũ rượi, nước mắt ràn rụa, nhìn trời thần thờ, không nói một lời, tinh thần suy sụp. Tôi chợt hiểu thế nào là tâm trạng người mẹ đi sinh về không có con. Bao nhiêu dấu hỏi trong đầu: “Con mình đâu? Có việc gì không? Ai bắt con mình rồi? Nó như thế nào rồi? Sao nó không ở bên mình?” Một ý nghĩ chợt lướt qua đầu tôi, giá nào cũng đem cháu về cho nó thấy mặt rồi sau sẽ tính.

Đến bệnh viện nhờ bác sĩ Giang, nguyên Trưởng khoa Sản, bạn học cũ của vợ tôi thời trường Gia Long, đưa vào được phòng chăm sóc đặc biệt. Đứa bé ngoa ngoe trong lồng kính, ra khỏi phòng rồi ra khỏi bệnh viện? Bệnh viện với tôi giờ này quá nghiêm ngặt, quá qui củ, mà con gái của tôi ở nhà có thể đang điên lên, đang la hét và có thể đang kêu gào “Con tôi đâu?!” Tôi nói dối với các cô y tá, mẹ cháu đang ở dưới xe không lên lầu

được, xin bông cháu xuống cho mẹ nó thăm một tí. Vì quá tha thiết nên các cô đồng ý.

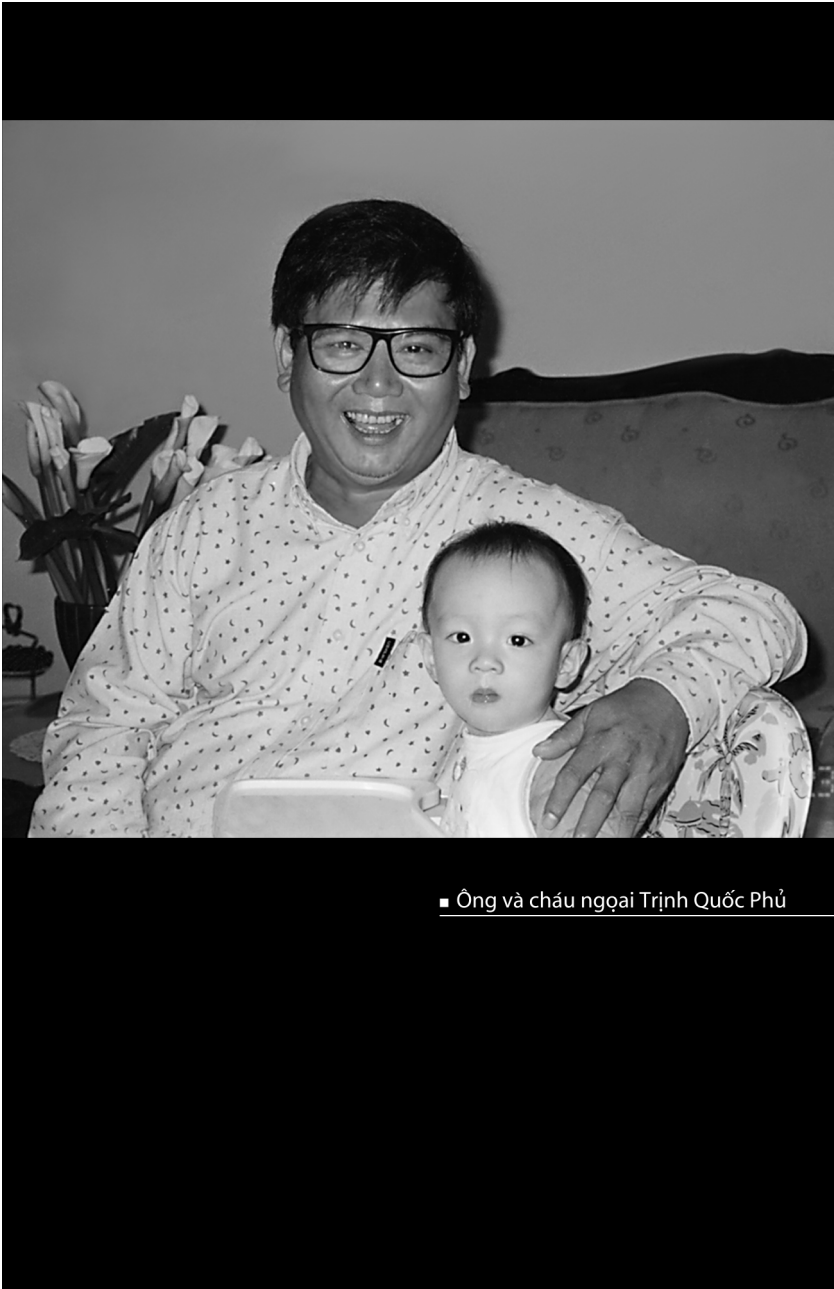
Xuống xe, nhờ sự che chắn uy tín của bác sĩ Giang, chúng tôi vượt qua cổng bảo vệ đưa cháu bé vào xe. Bác sĩ Giang trở lại nói thật sự việc với các cô y tá và hứa năm giờ sáng mai sẽ giao trả đứa bé.

Cháu bé ở lại với mẹ suốt một đêm đến 4 giờ sáng. Không hiểu hai mẹ con “tâm sự” với nhau được gì! Hôm sau, cha, con, ông bà đến nhà đón bác sĩ Giang, trùm khăn trùm mền kín mít đi cổng sau vào bệnh viện, trả cháu bé vào chỗ cũ. Mẹ nó lên tinh thần để đủ sức năm ngày sau đón cháu về. Đến nay cháu gần hai tuổi, biết đi, biết nói, biết cười. Mỗi lần thấy ông ngoại, nó giơ tay chỉ, “á” lên một tiếng rồi lao về phía ông. Ông vớt cháu lên mình rồi ôm chặt.

Mẹ nó nói “Bobby ru ông ngoại ngủ đi con”. Nhà tôi không có câu ông ngoại ru cháu ngủ mà cháu ru ông ngoại ngủ. Vì mỗi lần bông cháu lên võng, ông mới **Ầu ơ ví dầu cầu ván long đình, cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi...** là ông đã “phê” rồi và sau đó cháu cũng “phê” theo. Ông cháu làm một giấc đã đời!!!

Mai sau khôn lớn cháu sẽ thương ông, thương bà, thương cha, thương mẹ, thương bác sĩ Giang, người đã đỡ đẻ cho cháu ra đời với chỉ số thông minh cao, người đã phụ một tay với ông bà “ăn cắp” cháu ra khỏi bệnh viện để về với mẹ một đêm và cảm ơn đời đã dành cho cháu nhiều yêu thương. Khi cháu biết đọc, cháu sẽ đọc bài viết này đầu tiên.

Tôi xin thay mặt dòng họ của cháu Trịnh Quốc Phủ xin lỗi và cảm ơn các cô y tá, các bác sĩ, các anh bảo vệ bệnh viện H.V.



■ Ông và cháu ngoại Trịnh Quốc Phủ

Cháu đến trường

Năm 2003 tháng 10 cháu đã biết nói, biết chạy chơi không giống như lúc một, hai tuổi mà mỗi lần nói Bobby ru ông ngoại ngủ là nhảy phóc lên mình ông nữa mà có khi ham chơi Bobby lại nói “Bobby không ru ông ngoại ngủ đâu, ông ngoại tự ngủ đi”.

Ngày đầy tháng Bobby, ông bà ngoại tặng cháu con bò một tuổi, lễ cúng trên lầu, bốn người phải bồng con bò lên trước bàn thờ cúng với cháu để mai sau lớn khôn cháu hiểu câu ca dao

*“Trâu ơi! Ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn”.*

Là những lời nhắn nhủ phải biết yêu súc vật, yêu cây cỏ, phải biết bảo vệ môi trường và cao hơn là phải biết cư xử hài hòa, mình có cơm thì người cùng làm với mình có cháo. Mình có lúa thì trâu có cỏ, mình đừng ăn hết lúa mà bỏ trâu đói, không ai làm với mình đâu. Nhưng cũng phải biết con người có cái đầu thì ăn lúa, con trâu có sức thì ăn cỏ. Trâu mà ăn hết lúa ngoài đồng thì cả người lẫn trâu đều đói.

“Bao giờ cây lúa còn bông, thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn” là một hợp đồng, một lời cam kết, một lời thề với nhau đầy nhân bản mà khi đọc tôi xúc động vô cùng.

Ngày thôi nôi, ông ngoại tặng Bobby một chai rượu XO Hennessy “Tặng Bobby Trịnh Quốc Phủ nhân ngày cưới...” Chai rượu này giống như Trạng Nguyên Tửu của người Trung Quốc ngày xưa, khi sinh con trai thì nấu một mẻ rượu chôn xuống đất

đến khi con có vợ, ngày cưới đào lên đãi khách. Con trai gọi là Trạng Nguyên Tửu, con gái gọi là Hồng Nhi Tửu. Việc làm này như một lời cầu nguyện và mong chờ con cháu mình sau này đỗ đạt thành danh, có vợ có chồng, có gia thất, sinh con đẻ cái nối dõi tông đường.

Khi cháu bắt đầu biết phát âm, ông dạy cháu phát âm A đầu tiên mà ngày xưa ông cha tôi đã dạy tôi A – T – ÁT, Â – T – ẤT – Ba xe cát, bốn xe đất.

Cháu đọc thuộc và lên giọng xuống giọng rất hay. Bao nhiêu năm đến nay gần sáu mươi tuổi tôi mới hiểu âm điệu của những từ ngữ trên, mà âm A là khởi đầu của mẫu tự La tinh. Theo nhà giáo Lê Đình Bích, giảng viên Khoa Sư phạm trường Đại Học Cần Thơ nghiên cứu thì âm A là âm quan trọng nhất, âm mẹ của mọi âm. Từ nguồn âm A tất cả từ vựng được hình thành. Khi chữ A có mặt, tất cả các chữ khác cũng có mặt, ngược lại nếu chữ A mất thì tất cả các chữ khác cũng mất. Mẫu tự A là chìa khóa đồng thời cũng là mẫu tự nền móng của bộ chữ cái – Ba âm đầu (a – o – ô) đặc biệt âm A là âm miệng mở lớn nhất, dễ phát ra nhất. Đứa trẻ khóc chào đời oa-oa-oa.

Về mặt sinh lý, âm A khi phát ra điều hòa mọi chức năng ngũ tạng tạo cường lực cho hơi thở, kích thích hoạt động sống của con người nên hầu hết những đứa bé khi chào đời đều khóc oa-oa-oa là khỏe mạnh dễ nuôi. Ngược lại đứa bé đau yếu từ trong bụng mẹ chào đời không khóc oa-oa-oa mà khóc oe-oe-oe thì đều khó nuôi.

Âm A chữ Việt Nam hầu hết đều có nghĩa đẹp như Hoa, Đăng Khoa. Đứa bé mới tập nói Papa – Má má – Bà bà, không mấy đứa nói Me, con ve...

64 tỉnh thành Việt Nam có 40 tỉnh thành mang âm A, chỉ có một tỉnh mang âm E là Bến Tre, Không hiểu sao sách giáo khoa

cải cách Việt Nam năm 2002 lại dạy phát âm – âm đầu là chữ E thay cho chữ A. Trong tay tôi có quyển Tiếng Việt 1 nộp lưu chiếu tháng 1/2004 hầu hết những chữ phát âm đầu đều là âm khép.

“Xin nhận nơi đây một lạy” sớm sửa giùm cho con cháu giống rồng tiên được phát âm đúng về ngôn ngữ, để thể chất giống nòi phát triển.

Tôi còn dạy cháu phát âm O khi cháu một tuổi, con gà nó gáy ò ó o và cháu tập từng ngày, ngày nào gặp ông ngoại cũng o rồi ò ó rồi sau đó mới nói ò ó o. Lên hai tuổi mới đủ âm đủ hơi ò ó o ò ó o. Vấn đề phát âm của cháu là một vấn đề quan trọng, không một ai được nói với cháu những lời chửi chót, ngọng nghịu mà phải nói với cháu một cách nghiêm túc, phát âm đúng và cũng không một ai hứa với cháu một điều gì mà không thực hiện.

Mọi người đều bắt cháu phải dạ thưa, cấm nói ừ, ề mà không giải thích, do đó cháu có nghe nhưng vẫn tỏ thái độ bất mãn. Tại sao người lớn nói chuyện với nhau vẫn ừ, không dạ, không thưa. Mẹ đi làm về không vòng tay thưa ba, ba đi làm về không vòng tay thưa mẹ, mà bắt nó phải vòng tay thưa hết mọi người từ lớn đến nhỏ. Nhiều lúc cháu đổ bướng không thưa ai hết, mẹ dọa đánh cũng không sợ, cuối cùng cầu viện ông ngoại. Ông ngoại lựa lúc đi chơi bờ sông thoải mái mới lên lớp về quan hệ xã hội: “Bobby còn nhỏ phải nghe lời, người lớn nói phải nghe, gặp người lớn phải vòng tay, phải thưa gửi, mở miệng phải dạ thưa, nói chung là phải nịnh người lớn để người lớn cho bú, cho ăn, dạy cho học, nói cho biết, phải làm vừa lòng người lớn, còn người lớn với nhau họ bỏ qua cái rườm rà đó, họ là bạn bè nhau không phải thưa gửi, con thấy mẹ Oanh gặp ông ngoại cũng vòng tay thưa ba. Nhưng Bobby không phải vòng tay thưa

ông ngoại mà chỉ cần chạy lại nắm tay ông hay sà vào lòng ông là được vì ông ngoại và Bobby là bạn, thừa gửi chi cho mất công. Cậu Kinh Quốc lúc nhỏ cũng giống Bobby thừa hết mọi người trừ ông ngoại, gặp ông ngoại cậu Út “Chà Bao” là “Chào Ba” là vui về, tự nhiên”.

Lời nói là vàng, nói nhiều, nói dài, nói dở là mất nhiều vàng. Lựa lời nói ngắn gọn, nói đủ nghĩa, nói đúng, nói đủ nghe, phát âm rõ để mọi người Bắc Trung Nam đều nghe được.

Năm nay 2004, tôi sẽ tổ chức Tết Trung Thu cho các cháu Kiến Tường, khoảng 25 cháu dưới 10 tuổi, con của nhân viên làm việc ở Kiến Tường mà vợ chồng tôi đứng ra tổ chức cưới hỏi và làm chủ hôn, lo công ăn việc làm, nhà ở, theo dõi sức khỏe, dạy dỗ các cháu, chúng luôn gọi chúng tôi là ông bà nội, ông bà ngoại.

Tập cháu phát âm – âm A – âm O tiếng Việt và tập cháu đôi chữ tiếng Anh để cháu có khái niệm tiếng nước ngoài. Chữ đầu tiên thường gặp là chữ Shake hand là bắt cái tay – Bắt cái tay là Shake hand chưa đủ mà phải thêm bóp cái tay ui da ui da đau quá. Đá cái chân là đá cái Foot – Đá cái Foot là đá cái chân – Hất cái chân là té cái bạch vừa đọc vừa thực hành, thế là mỗi lần ông cháu gặp nhau lời chào là

*Shake hand là bắt cái tay
Bắt cái tay là shake hand
Bóp cái tay là ui da ui da đau quá
Đá cái chân là đá cái foot
Đá cái foot là đá cái chân
Hất cái chân là té cái bạch
Cứ thế ông cháu đùa nhau...*

Những ngày đầu đi mẫu giáo, ngày nào Bobby cũng khóc, đến cổng trường khóc, cha mẹ muốn khóc theo, vào lớp không

chơi với ai ngồi riêng mà khóc. Cha mẹ, cô giáo không biết giải quyết như thế nào cho ổn, đành phải cầu viện ông ngoại.

Ông ngoại điện thoại lựa lời dạy dỗ và hỏi thăm Bobby:

- Đi học có vui không?
- Không!
- Có ai ăn hiếp Bobby không?
- Có!
- Ai?
- Cô giáo!.

Ông ngoại sững sốt và ngọng luôn. Một giây sau ông đổi giọng nhỏ nhẹ:

- Cô giáo không bao giờ ăn hiếp học trò, mẹ Bobby là cô giáo đâu có ăn hiếp học trò phải không?
- Dạ phải.
- Như vậy Bobby đi học không ai ăn hiếp nên không khóc nữa. Bobby nói đi **“Từ nay Bobby không khóc nữa”**

Và đúng là từ nay Bobby không khóc nữa, mấy ngày sau có mếu máo nhưng mẹ nói ông ngoại dặn Bobby sao, “Từ nay Bobby không khóc nữa” thế là cháu ngoan vào lớp chơi với bạn vui vẻ, hòa hợp với các bạn, hát bài Sea Games cho cô giáo và các bạn cùng nghe.

Cháu là đứa bé duy nhất thuộc hết bài hát Sea Games, về hát cho ông ngoại nghe **“Nắm tay nhau, cùng bước bên nhau vì hạnh phúc nhân loại...”** và ông trích ra một câu để cháu ghi nhớ **“nắm tay nhau, sống bên nhau vì hạnh phúc nhân loại...”** mỗi lần ông hỏi thăm nắm tay nhau thì sao? ... sống bên nhau vì hạnh phúc nhân loại.

Có hôm cháu đi học về khoe với ông Bobby được năm bông hồng. Ông khen cháu giỏi và nói **“Bobby sẽ sống đẹp như những bông hồng”** cháu lập lại và mỗi lần hỏi cháu Bobby sẽ sống như thế nào? - Bobby sẽ sống đẹp như những bông hồng.

Có hôm Bobby chơi và cắn bạn khóc, mẹ biết được mua kẹo đem đến cho bạn và xin lỗi bạn. Mẹ còn phải đến nhà xin lỗi ba mẹ bạn. Ông nói với cháu – “Chó mới cắn. Người sao cắn giống chó. Sống phải cho vui tươi, mặt mà nhăn nhăn giống chó nhăn bù chét”.

Năm 1997 đi Nhật về tôi có đem một cặp côn, cây bằng gỗ giống như dùi trống. Thằng con trai út 10 tuổi ham chơi games, tôi lấy một cây viết ba chữ “Gia Lệnh Côn” treo lên vách. Nếu nói không nghe, ham chơi bỏ học, làm sai không phải bây giờ mà từ nay đến lớn cũng sẽ bị đánh bằng Gia Lệnh Côn này và cấm không cho chơi games. Tôi đi làm một tuần về thấy thằng nhỏ ăn cháo nằm bẹp dí, đi bác sĩ mới về, tôi thò tay bắt mạch – Chà bệnh này nặng lắm, phải hai giờ điện tử mới hết. Thằng nhỏ bật dậy như một cái lò xo, hết bệnh ngay và cho đi chơi hai giờ điện tử. Sau đó một tuần mới được đi chơi một lần vì luôn thấy Gia Lệnh Côn.

Ông kể cho Bobby nghe chuyện cậu Út – năm nay 2004, Cậu út mười chín tuổi đang học đại học ở Mỹ – nếu Bobby lì thì cũng bị đánh bằng Gia Lệnh Côn. Từ đó Bobby không lì và dễ dạy hơn vì sợ Gia Lệnh Côn.

Một hôm nhà có tiệc, nhà văn Nguyễn Quang Sáng tới chơi, anh ấy bệnh nên hơi yếu, tôi đem cho anh cây gậy nhưng gói giấy, cháu tò mò đến xem, khi mở ra, Bobby –Ồ! Gia Lệnh Côn. Rồi chạy xa không dám đến gần.

Cháu bị sung amidan phải đi Bệnh viện, ngày 01.04.2004 cháu gọi điện thoại cho ông ngày mai Bobby đi cắt amidan đau lắm, ông ngoại phải đi theo.

Mổ xong, cháu không nói được rữ rươi như con mèo trong lòng ông đau đớn và không ngủ được. Mẹ báo cho ông đã ba đêm Bobby không ngủ, thức đi vòng vòng nhìn trời mà nói sao trời lâu sáng quá mẹ. Ông ngoại nghe mà xót xa – Có cho Bobby uống gì không? – Mẹ Bobby mỗi tối cho uống một viên Upsa C.

– Ôi! Trời ơi, vitamin C làm vết thương lâu lành, rát và đọng lại trong bao tử qua đêm làm mất ngủ, phải chấm dứt. Tối đó không uống cháu ngủ được. Mừng quá, từ đó Bobby tin ông ngoại tuyệt đối. Ban đêm ba mẹ cho uống thứ gì lạ đều điện thoại hỏi ông ngoại có uống được không mới uống.

Cháu hết bệnh khỏe mạnh đi học luôn luôn được nhiều hoa hồng cô khen tặng. Nghỉ hè ông chở đi chơi với cháu nội, Tommy, mới một tuổi rưỡi chưa biết nói và ở riêng nên không nhiều kỷ niệm với ông. Hai cháu nội ngoại ngồi trên đùi ông, ông nói hai đứa ngồi đây tao chịu chứ hoa hậu, người mẫu hay bà ngoại tụi mày ngồi tao cũng hất xuống. Ông cháu chạy ra bờ sông bày đồ ăn cùng ăn cùng chơi thả diều.

Ông kể chuyện “Anh Hai” của nhà văn Lý Thanh Thảo chuyện bà mẹ đưa cho thằng con cái bánh kem:

- Ăn đi con.
- Không ăn đâu, ngán lắm. Nói nữa tôi quăng.
- Kệ ráng ăn đi con.

Thằng bé quăng cái bánh kem cái bịch xuống lề đường cạnh mép cống, chiếc xe hơi bóng lộn rồ máy chạy. Hai đứa lượm rác chạy tới mắt sáng rực lượm lên, đứa con gái – thối đi anh Hai, thối sạch rồi mình ăn. Thằng anh phù mỗ thối.

– Bụi đời dính chặt quá thối không hết, đứa em nhỏ chỗ mỗ thối phụ làm rớt bánh xuống cống rồi thút thít – tại anh không giữ chặt – Ủ! Tại anh nhưng bánh cũng còn dính trên năm ngón tay anh, cho em mút ba ngón còn anh hai ngón thôi.

Nghe vừa hết câu chuyện, Bobby:

– Con không quăng đâu, con cho hai đứa.

Ông chưa già nhưng bạn bè nhóm Lồ Ô của ông lần lượt ra đi. Phùng Quán, Hoàng Thiệu Khang, Phan Đắc Lập, Trịnh Công Sơn rồi Thu Bồn. Anh Hoàng Phủ Ngọc Tường ngồi xe lăn còn nhà thơ Trần Sơn Nam thì nằm bẹp tại chỗ. Ông chỉ mong các cháu Bobby, Tommy, Lucy lớn thêm vài tuổi để chơi với ông như bạn.

Saigon tháng 6 năm 2004

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÀ DOANH NGHIỆP NGUYỄN TIẾN TOÀN Ở ĐẠI HỘI CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP TRẺ VIỆT NAM LẦN I

*T*ôi Nguyễn Tiến Toàn, Giám Đốc XNTD Kiến Tường,
28A Lê Đại Hành, Quận 11, TP.HCM. Sản Xuất Xe Lăn – Xe Lắc
Tay cho thương binh và người khuyết tật.

Kính thưa Thủ Tướng Chính Phủ
Kính thưa Quý Vị Đại Biểu
Kính thưa các Nhà Doanh Nghiệp Trẻ
Kính thưa Quý Vị,

Người da đen đen tay

Người da trắng trắng tay

Ai xây tường ấy cao dày

Đi từ bãi biển đến tòa non cao

Người da đen đen tay

Người da trắng trắng tay

Nhà thơ da màu

Người da vàng vàng da... vì đói nghèo bệnh tật...

Hôm nay ngày 31 tháng 8 năm 1998, ở đây các Nhà Doanh
nghiệp trẻ Việt Nam quyết tâm đập tan bức tường cao dày đói
nghèo đó.



Cùng Thủ tướng Phan Văn Khải
ở Đại Hội Doanh Nghiệp Trẻ Việt Nam
năm 1998

Kính thưa Quý Vị,

Trong sự phát triển của đất nước thời gian gần đây có một bộ phận góp phần xây dựng không nhỏ trong dựng xây đất nước đó là lực lượng các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam mà đây là lần Đại Hội thứ nhất.

Ở Đại Hội này chúng tôi muốn nói với Chính phủ, Đảng và toàn dân rằng chúng tôi là một lực lượng có đủ kiến thức, trí thức và khoa học kỹ thuật sẽ kế thừa sự nghiệp đàn anh và sẽ nắm giữ sự phát triển kinh tế của đất nước trong vòng 5 – 10 năm tới.

Điều chúng tôi muốn nói với mọi người, chúng tôi những nhà doanh nghiệp muốn được đối xử bình đẳng với mọi tầng lớp của xã hội và bình đẳng với mọi thành phần kinh tế của đất nước trong và ngoài quốc doanh. Lâu nay chúng ta đã có một cái nhìn sai lệch về các nhà doanh nghiệp, luôn bị xem là con buôn, là tư thương thì nay chúng tôi muốn được xem **“Làm giàu chính đáng cũng là một hành động yêu nước”**. Ai làm sai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, còn những người làm đúng cần được tôn trọng và khuyến khích. Ai làm cản trở sự phát triển, sự ra đời của các doanh nghiệp là có tội với đất nước. Người nào phát hiện và can đảm nói được, chỉ được những người gây khó khăn cho sự phát triển kinh tế được xem là có công và phải được khen thưởng để nêu gương, và người cản trở phát triển phải bị kỷ luật.

Bây giờ chúng tôi không còn nói Khách Hàng Là Thượng Đế mà phải nói thuận mua vừa bán. Một khách hàng thiếu tư cách mua nợ không trả chúng tôi có thể từ chối không bán. Một khách hàng có tư cách chỉ mua một cây tăm chúng tôi cũng bán, nếu chúng tôi làm mích lòng để một cây tăm họ không mua của chúng tôi là chúng tôi có lỗi với khách hàng.

Nhà nước cũng vậy, các cá nhân của các cơ quan có chức năng làm cho một người bán hàng hay một cơ sở dù nhỏ, phải

đóng cửa khi người đó không có lỗi gì là không được. Lâu nay các cơ quan chức năng hay xem thường việc này, ai đóng cửa, ai không mở cơ sở được, mặc kệ, không hề xót thương. Các ngành chức năng xem thường các người nước ngoài. Các Việt kiều về nước họ không xem đó là quan trọng mà tỏ ra hách dịch để nản lòng người đến kẻ đi. Một người không đến rồi ngàn người không đến. Một người không đầu tư rồi ngàn người không đầu tư.

Chúng tôi muốn Nhà nước cải tổ hành chính, nhưng trước tiên phải cải tổ lương tâm của người làm việc rồi mới cải tổ cách làm việc. Chúng tôi muốn đào tạo thợ trước hết phải đào tạo lương tâm người thợ. Lâu nay chỉ những người cố ý làm sai mới có tội, còn người vô ý làm sai nay cũng có biện pháp ngăn ngừa và kỷ luật.

Sau cùng tôi muốn nói với các Nhà Doanh Nghiệp trẻ của chúng tôi là:

Phải làm việc hết mình, học hỏi hết mình nhưng cũng phải liệu sức để làm. Không cố gắng phát triển là kém, nhưng nếu làm những việc quá sức mình là kém hơn.

Làm việc gì cũng phải tự vấn, việc mình làm có lợi gì cho đất nước không? Có hại cho ai không? Rồi mới làm.

Tuổi trẻ phải chịu trách nhiệm về hành động của mình, không đổ lỗi cho cấp trên, cấp dưới, cho cơ chế...

Làm kinh tế bây giờ phải biết bán nợ và đòi nợ. Đòi nợ không được là phá sản.

Để kết thúc bài này tôi xin mượn lời Thủ tướng Phan Văn Khải; “Làm kinh tế thì phải làm thế nào để hai phía hợp tác và đối tác cùng tồn tại, cùng phát triển và cùng có lợi”.

Kính chúc Đại Hội thành công.

Hà Nội tháng 8 năm 1998

CÓ MỘT NGUYỄN TIẾN TOÀN VIẾT VĂN

184

Nói về Nguyễn Tiến Toàn thì nhiều người biết – họ biết ông là nhà doanh nghiệp, là Giám Đốc Xe Lăn Tay Kiến Tường – họ còn biết ông là người hào tâm phóng khoáng nhưng rất nghiêm túc trong việc ứng xử với mọi người – ông rất cẩn ngôn khi nhận định một vấn đề – nhưng ít ai chịu khẳng định Nguyễn Tiến Toàn là một người viết văn.

Gần 40 năm trước, ông Hồ Hữu Tường là người Việt Nam đề ra chữ E'CRIVANT (người viết văn) để phân biệt với chữ E'CRIVAIN (nhà văn, văn sĩ), và ông tự cho mình là một E'crivain, chứ không dám nhận là một E'crivain chuyên nghiệp. Tâm trạng ấy cũng giống như ông Nguyễn Tiến Toàn hiện nay.

Tập bản thảo hơn nghìn trang đánh máy, ông đã trích ra và in được hai cuốn đã xuất bản vào năm 1999; còn đây là tập thứ ba cũng viết dưới dạng ký. Đọc hết ba tập mới thấy Nguyễn Tiến Toàn đã biết viết nhật ký từ thời thơ ấu, và ghi mãi cho đến hôm nay. Văn ký cũng là loại văn tự sự, ghi chép những việc mình và việc người, có sao chép vậy, vì thế không biết bao! Nhưng ở Nguyễn Tiến Toàn thì khác, ông ghi theo cảm xúc rất nhanh, rất chân, có đoạn rất dí dỏm và cũng rất chân thành; Có đoạn khiến

người đọc phải suy ngẫm; có đoạn đã cung cấp cho người đọc những kiến thức phong phú và những kinh nghiệm dạn dày. Văn pháp đa dạng, nhưng trọng tâm vẫn là... cái tâm của người cầm bút “Mẹ mua cho tôi một chiếc mũ đi học, oai lắm, sợ mất thì mẹ đánh. Một hôm tan học chạy về gần đến nhà, bỏ bạn, tôi vụt quay ngược lại trường sáu cây số, chạy vào lớp mò mò lục lục, miệng khóc quêu quao. Ông phụ trường hỏi: - Tìm cái gì/- Da, cái mũ, con mất cái mũ.

- Cái gì trên đầu?

Hươ tay lên đầu, hóa ra cái mũ mình đang đội trên đầu mà ngỡ mất”.

Một đoạn văn khác: “Một hôm tôi cồng thắt Tàu trên lưng, thấy con heo nái của bà cô Hàm dẫn con đi ăn, tôi nhè đầu con heo mà đá, nó quay lại tấp cho một miếng ngay cu, cứ ngỡ là cụt luôn, may mà chỉ tuột da” (Khát Vọng Tuổi Thơ – 1999). Nguyễn Tiến Toàn viết hoài niệm về tuổi thơ của mình, giọng văn hồn nhiên, chân phác, không có dẫn uồn ẻo, nhờ thế mà có đủ sức mạnh lôi theo cả dòng sông, cánh đồng, làng mạc, chan chứa cả oi nồng của trưa hè, tràn ngập những buổi mưa đông, với những đôi mắt thơ ngây, đắm chiêu nhìn... những cảnh vật chuyển hóa mà cảm sinh những ý tưởng cho ngày mai. Từ việc tiếp xúc lão ăn xin chống đôi nạng gỗ, dáng đi lặc lã, đến những chiếc xe lăn ra đời giúp cho người tàn tật, khoảng cách ngoài bốn mươi năm; từ việc ngược đường ra Huế học cho đến những chuyến du học của các con sau này... đều là những hình ảnh tái sinh. Mọi việc khởi đầu bằng tâm hồn đôn hậu chân chính. Và các bạn của Nguyễn Tiến Toàn cũng vậy. Văn cảnh trong Khát Vọng Tuổi thơ sao mà có những điệu ru nước mắt! – “... mùa nắng mỗi đứa phải có hai ổ chim dòng dộc xỏ vào chân thay dép qua những bãi cát nóng”...

185

Hoàn cảnh và sinh kế không cho phép Nguyễn Tiến Toàn dậm chân tại chỗ, ông bôn ba xứ lạ quê người để mưu sinh, nhưng vẫn gia tâm nghiên cứu việc chân giả thành bại của người đời, trải lòng giao kết bạn bè gần xa, những ai có tài năng, và biết tôn trọng nghĩa khí. Ông tôn thờ những bậc danh nhân hiền thánh; những cái tốt của người, những cái tệ của ta, ông đều thành ý ghi chép lại trong những tập bút ký. Lối văn đơn giản nhưng có chiều sâu của tâm nguyện, không du dương nhưng lưu loát, có sức thôi thúc người đọc, càng đọc càng kích thích. Nguyễn Tiến Toàn đã chứng tỏ bản lĩnh viết văn của mình.

Nguyễn Tiến Toàn đặt bút là viết có vấn đề, có chuyện, có nhiều cảm xúc lướt nhanh hơn viết, ý tứ tuôn trào, khiến ngòi bút không gò được. Ông học suốt đời và viết suốt đời. Ông chỉ cầu đủ cho con cháu mai hậu biết những gì ông đã sống vì thế mà văn ông rất tự nhiên. Nhất Linh trong tập Nghệ thuật viết văn đã nhấn mạnh Hãy viết như đã nói. Nguyễn Tiến Toàn chỉ ước mơ nho nhỏ “đừng ở không”, được làm việc, học và viết. “Ta hồ! Thốn tâm thiên cổ văn chương chi sự” (Than ôi! Việc văn chương là tấc lòng của ngàn xưa – Trần Tử Ngang) và riêng tôi vẫn còn thềm đọc nhiều tác phẩm nữa của ông.

Sàigòn Tiết Thanh Minh Giáp Thân.
Mịch La Phong

MỤC LỤC

A. Miền Đất Lạ

Hoa Kỳ qua mắt tôi	7
Đài Loan và Tấm Huy Chương cho	39
Người khuyết tật	
Malaysia năm 2000	55
Angkor – Đế Thiên Đế Thích	60
Trở lại nước Mỹ	68
Las Vegas – Một kỳ quan kỳ quái	82
Ấm thực của người Việt ở Mỹ	89
Nhà lưu niệm Ernest Hemingway	96
Phú Quốc – Đảo Ngọc	99
Tản mạn Cao nguyên	104

B. Các bài viết

Những kỷ niệm với Nhà thơ Thu Bồn	113
Nhớ Bùi Giáng	121
Ấn tượng về một truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng	127
Người khắc bia đá	131
Ý tưởng người xây dựng Trà Tâm Châu	135
Lần cuối với Trịnh Công Sơn	142
Qua đời trên bục giảng	147

Quốc Tử Giám – Hàm Nghi Huế	150
và Những lần hội ngộ	
Ăn cắp cháu	167
Bài phát biểu của nhà Doanh Nghiệp	178
Nguyễn Tiến Toàn ở Đại hội các nhà	
Doanh Nghiệp Trẻ Việt Nam lần 1	
Có một Nguyễn Tiến Toàn viết văn	182